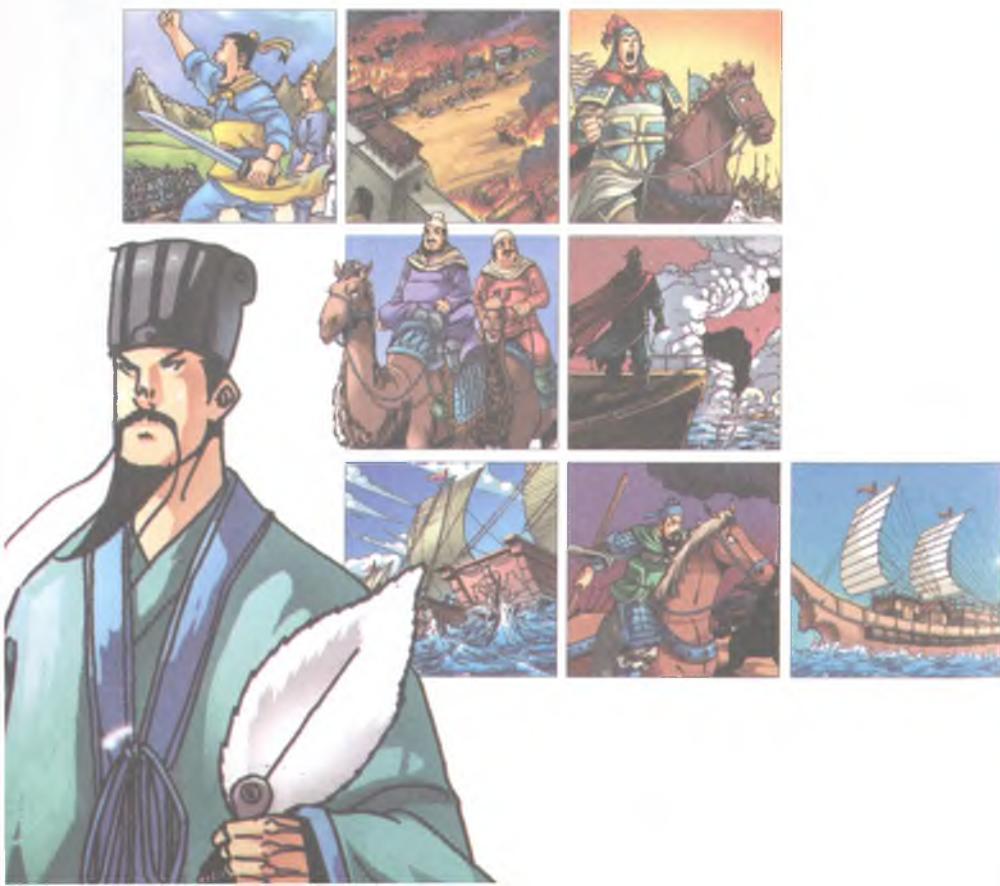


Lời mở đầu

Nhà Đông Hán và Tây Hán thống nhất Trung Hoa trong một thời gian dài. Cuối đời Hán, tầng lớp cai trị thối nát, hoạn quan chuyên quyền, khởi nghĩa Khăn Vàng là một đòn chí mạng giáng vào nhà Hán. Lịch sử Trung Hoa rơi vào thời kì rối ren, chia cắt liên tiếp từ thời Tam Quốc, Lương Tấn đến Nam Bắc triều. Đầu tiên là thế chân vạc Tam Quốc phân nước ra làm ba (Ngụy - Thục - Ngô), rồi Tây Tấn mặc dù thống nhất được giang sơn trong thời gian ngắn ngủi nhưng tới Đông Tấn, lịch sử lại rơi vào vũng bùn trước đó. Phương Bắc chiến trận liên miên, còn phương Nam tương đối ổn định, chế độ sĩ tộc* cũng được hình thành và phát triển.

* Dòng dõi học hành làm quan. Thời Nam Bắc triều coi trọng quan quyền, các nhà có người làm quan trở thành một giai cấp có nhiều đặc quyền, đặc lợi hơn thứ dân.





Trong giai đoạn này, kinh tế Giang Nam phát triển vượt trội, đặt nền móng cho phương Nam cường thịnh. Cùng lúc đó, khoa học kĩ thuật cũng phát triển, Phật giáo được du nhập vào Trung Hoa và bắt đầu thịnh hành, từ tầng lớp thống trị tới dân thường đều tin vào Phật giáo, nhờ đó văn hóa Phật giáo được truyền bá rộng rãi.

Lịch sử phát triển của Trung Hoa luôn có khuynh hướng chia rẽ lại hợp, khi chia cắt vẫn “hoài thai” mầm mống thống nhất. Dân chúng giao lưu hòa hợp ngày một nhiều, đặc biệt là cải cách của Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế đã tăng cường sự hòa hợp dân tộc ở phương Bắc, cùng tập trung sản xuất và đoàn kết một lòng. Kinh tế Giang Nam cũng phát triển vượt bậc và dần dần bắt kịp phương Bắc. Chính những điều kiện này đã đặt nền móng cơ sở vật chất cho sự thống nhất toàn quốc. Cuối Nam Bắc triều, chế độ sĩ tộc suy vong, sự đối chọi giai cấp cũng được hóa giải.

Thời Tùy Đường là giai đoạn quan trọng trong lịch sử thống nhất các dân tộc. Về chính trị, chế độ tam tỉnh lục bộ, khoa cử và binh phủ được thực thi, tăng cường trung ương tập quyền*, những biện pháp này giúp ổn định chính trị. Về kinh tế, chế độ “Tô, Dung, Diều” và chế độ quản điền được đẩy mạnh, thúc đẩy kinh tế phồn thịnh. Thời kì Trinh Quan thịnh trị và Khai Nguyên thịnh trị chính là minh chứng rõ ràng nhất. Triều đình áp dụng nhiều chính sách minh bạch, giải quyết mối quan hệ giữa các dân tộc bằng phương pháp hòa bình. Nhờ đó, Tùy Đường tiến bộ về kinh tế, chính trị và văn hóa. Đây cũng là lúc Trung Hoa bành trướng lãnh thổ, mở rộng cương vực.

* Chính quyền tập trung vào chính phủ trung ương.



Chính trị ổn định, kinh tế hưng thịnh, giao thông thuận tiện, đã tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa Đông Tây phát triển. Thời kì Tùy Đường hình thành vành đai văn hóa Trung Hoa với Trường An làm trung tâm, thành tựu văn hóa rực rỡ thu hút và lan tỏa sang cả các nước lân cận. Con đường tơ lụa và việc Huyền Trang đi thỉnh kinh được ca tụng mãi về sau. Nhiều thành tựu của các nền văn minh ngoại lai cũng được truyền bá vào Trung Hoa, làm phong phú thêm đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng lúc đó, kỹ thuật làm giấy của Trung Hoa được truyền bá ra nước ngoài, mang tầm ảnh hưởng sâu rộng và cống hiến lớn lao đối với kinh tế, văn hóa các nước.

Thế nhưng đến cuối đời, vua Đường Huyền Tông xa xỉ, trác táng, bỏ bê triều chính, sủng ái Dương Quý Phi, trọng dụng gian thần. Loạn An Sử là một bước ngoặt thời Đường từ hưng thịnh đến thoái trào. Sau loạn An Sử, triều chính ngày một sa sút, các phiên trấn cát cứ*, ở trong triều hoạn quan chuyên quyền, kết bè kết đảng. Các cuộc khởi nghĩa nông dân cuối nhà Đường đã đặt dấu chấm hết cho một vương quốc đã từng xưng hùng xưng bá trên thế giới.

* Chia cắt lãnh thổ để chiếm giữ và lập chủ quyền riêng, không phục tùng chủ quyền trung ương.

Chương 1: Thế chân vạc Tam Quốc

Nội dung chính:

Khởi nghĩa Khăn Vàng

Cuối đời Đông Hán, triều đình thối nát, dân chúng sống trong bể khổ lầm than, dẫn tới cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng bùng nổ.

Gia Cát Lượng xuống núi

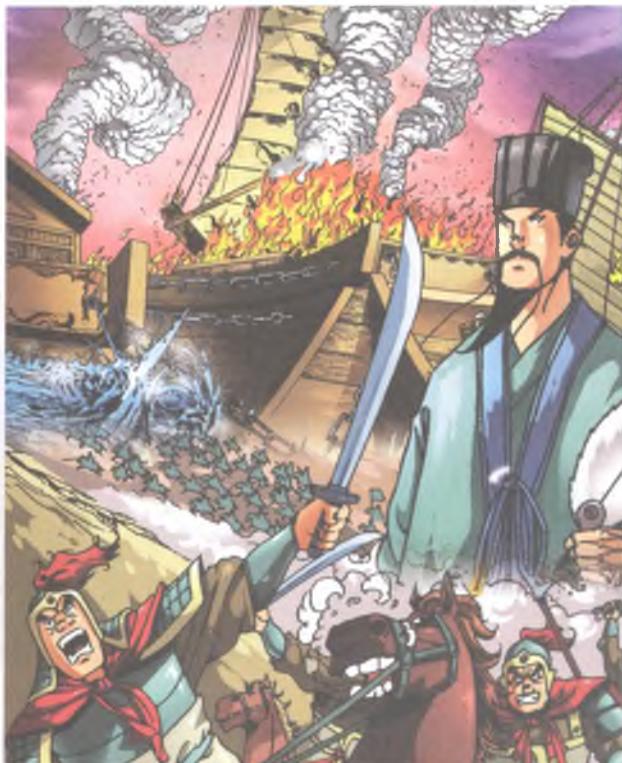
Lưu Bị bấy giờ là người có chí lớn, mặc dù đã có Quan Vũ, Trương Phi trợ giúp nhưng vẫn thiếu một quân sư mưu trí vô song. Nghe tiếng Gia Cát Lượng thần mưu diệu kẽ, nên Lưu Bị đã ba lần đến lều cỏ cầu kiến, mời bằng được Gia Cát Lượng xuống núi.

Thế chân vạc Tam Quốc

Sau đại chiến Xích Bích, Trung Hoa hình thành ba nước thế chân vạc là Ngụy, Thục, Ngô.

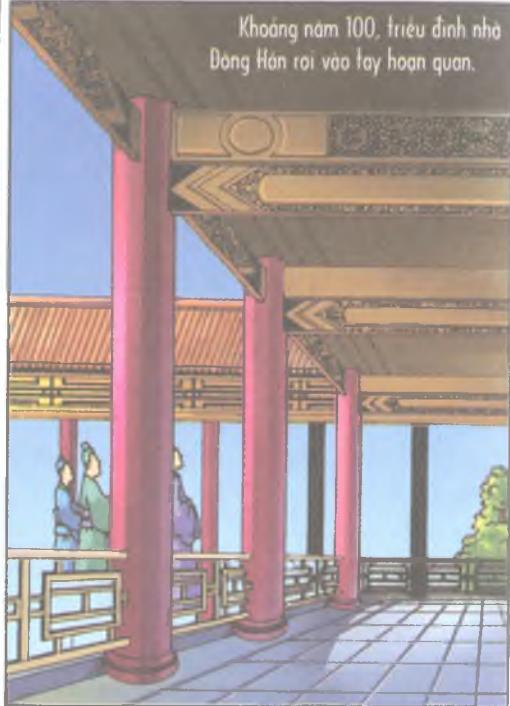
Tam Quốc quy Tấn

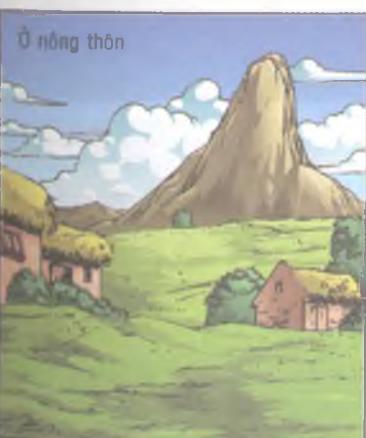
Sau khi Gia Cát Lượng mất do bạo bệnh, nước Thục suy tàn rồi bị diệt vong. Không lâu sau đó, triều đại nhà Tấn ra đời, hợp nhất Trung Hoa đang chia năm xẻ bảy thành một mối.

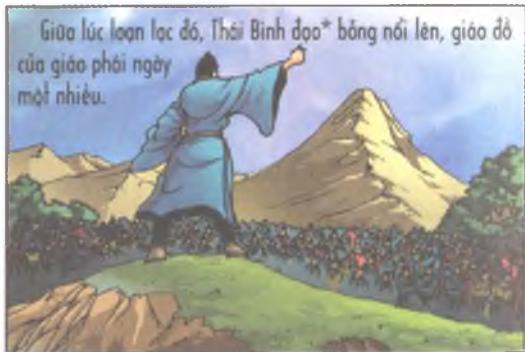
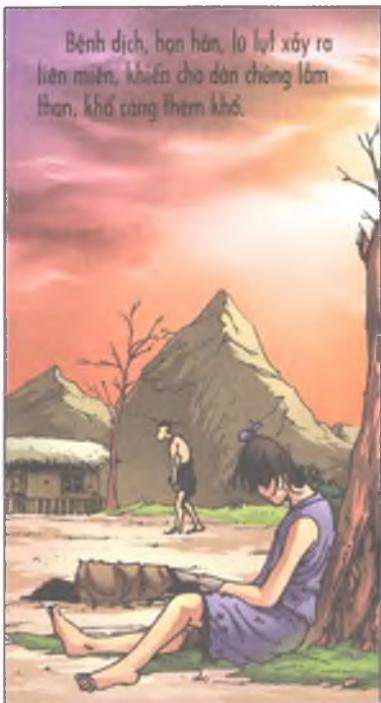
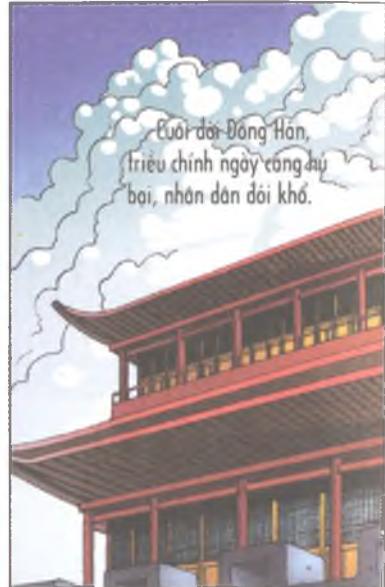


Khởi nghĩa Khán Vàng

Thế kỷ 1 TCN, triều đình nhà Hán do Hán Cao Tổ Lưu Bang gây dựng rơi vào giai đoạn hỗn loạn, cuối cùng Lưu Tú xây dựng triều đình mới, lịch sử gọi là Đông Hán, còn nhà Hán do Lưu Bang thành lập gọi là Tây Hán. Hai nhà Hán cùng thống trị Trung Quốc hơn 400 năm.







* Xuất hiện cuối thời Đông Hán, do Trương Giác sáng lập, cũng là tiền thân của khói nghĩa Khán Vàng.

**TRIỀU ĐÌNH MỤC RUỐNG
THỎI NÁT, CHÚNG TA HÃY
ĐỨNG LÊN LẬT ĐỔ
NHÀ HÁN!**

Năm 184, thủ lĩnh Thái Bình
đao Trương Giác lãnh đạo các binh
đo khai nghĩa.

**CHÚNG TA TIN
VÀO HOÀNG
THIÊN.**

Cuộc khởi nghĩa của
Trương Giác nhận được sự
ứng hộ của nhân dân, đất
nước bắt đầu biến động.

**CÁC HUYNH ĐỆ
BẢNG HỮU HÃY THẤT
KHĂN VÀNG TRÊN ĐẦU.
KHĂN VÀNG CHÍNH
LÀ BIỂU TƯỢNG CỦA
CHÚNG TA.**

Bởi vì những người
nổi dậy thổi khói vàng
trên đầu nên lịch sử gọi
là khởi nghĩa Khán Vàng.

GIẾT CHẾT
LŨ QUAN
Ô LẠI!

CHÚNG TA SẼ
MỞ RA THỜI ĐẠI
THÁI BÌNH!

Người sáng lập ra Thái Bình đạo là Trương Giác, đạo có tới 300.000 tín đồ, nổi dậy khởi nghĩa vào năm 184. Trên lá cờ của Thái Bình đạo viết: "Trời xanh (chỉ triều đình nhà Hán) đã tan, Hoàng Thiên (chỉ vị thần công bình chính trực) lên thay, nhằm năm Giáp Tý, thiến họ thái bình".

Mặc dù sau khi Trương Giác mất, Thái Bình đạo ngày càng suy yếu, nhưng triều chính mực nát, chiến tranh liên miên, dân chúng lâm than, cha nén rất nhiều người không theo đạo cũng tham gia khởi nghĩa lầm nhà Hán điều đung, ngày sụp đổ không còn xa.





CHÚNG TA
ĐỀN TIÊU
DIỆT QUÂN
PHẢN LOẠN,
TRÁNH RA!

LŨ GIẶC
KHĂN VÀNG,
DÁM THAY TRỜI
HÀNH ĐẠO?
CHÚNG BAY LÀM
ĐẤT NƯỚC LOẠN
LẠC THÌ CÓ!



LOẠN LẠC
CHIẾN TRANH
THÌ GỌI GI
LÀ THÁI BÌNH
THỊNH TRỊ?





Trong truyện này, cuộc giao chiến giữa Đồng Trác và Lã Bị, Quan Vũ, Trương Phi là hứa hẹn.









Không lâu sau, thủ lĩnh của khởi nghĩa Khán Võng qua đời, thanh thế cuộc khởi nghĩa dần suy yếu, cuối cùng bị tiêu diệt. Nhưng đây là đòn giáng mạnh vào nhà Đông Hán.



Gia Cát Lượng xuống núi

Năm 189, Hán Linh Đế băng hà, triều đình bắt đầu cuộc chiến tranh giành vương vị.



* Con thứ của Linh Đế. Sau khi Linh Đế mất, con trưởng là Lưu Biện kế thừa ngôi vị, hiệu là Thiếu Đế. Sau khi Thiếu Đế qua đời, Lưu Hiệp lên thay, hiệu là Hiển Đế.





ĐỒNG TRÁC
LŨNG ĐOAN
TRIỀU CHÍNH,
CHẮNG NHẼ
CHÚNG TA LẠI
KHOANH TAY
ĐỨNG NHÌN?

PHẢI HỢP SỨC
MỐI TIÊU DIỆT
HẦN.

CHÚNG TA
ĐÃ CÓ 350.000
NGƯỜI NGỰA.

Tào Tháo và một tướng của
nhà Hán tên là Viên Thiệu
cùng liên thủ thao
phat Đồng Trác.

TÀO THÁO DẪN THEO
ĐẠI QUÂN TIỀN VỀ
LẠC DƯƠNG.

THÀNH BỘ LẠC DƯƠNG

BẤM THỦA TƯỞNG,
KHÔNG XONG RỒI!
QUÂN PHẢN LOAN
ĐÃ TIỀN SÁT TỚI
CHÂN THÀNH.

CÁI GÌ?

* Những năm cuối Đông Hán, quân sĩ ở các địa phương liên minh với nhau thao phat Đồng Trác.
Trong đó, đạo quân mạnh nhất là của Viên Thiệu, vì thế Viên Thiệu được bầu làm minh chủ.



Bóng Trác không chỉ phóng hỏa đốt Lạc Dương,
mà còn cho khai quật mộ của vua Thành An trộm
hết vàng bạc châu báu, rồi mới chuyền về Trường An.

Kinh đô Lạc Dương biến thành tro bụi...

TRIỀU HÁN
SẮP TÀN
RỒI!

ÔI, NGAY CẢ
THÀNH LẠC
DƯƠNG CÒN
THỂ NÀY!



ĐỒNG LÃO
TẶC, MAU RA
ĐÂY!

Sau khi chuyển tài Trương An, nhưng
thuộc hạ bất mãn với Đổng Trác nhận có
hội lâm phản.



HÔM NAY
TA PHẢI
TRÙ HẠI
CHO DÂN!



Năm 200, Tào Tháo và Viên Thiệu quyết đấu ở trận Quan Độ.

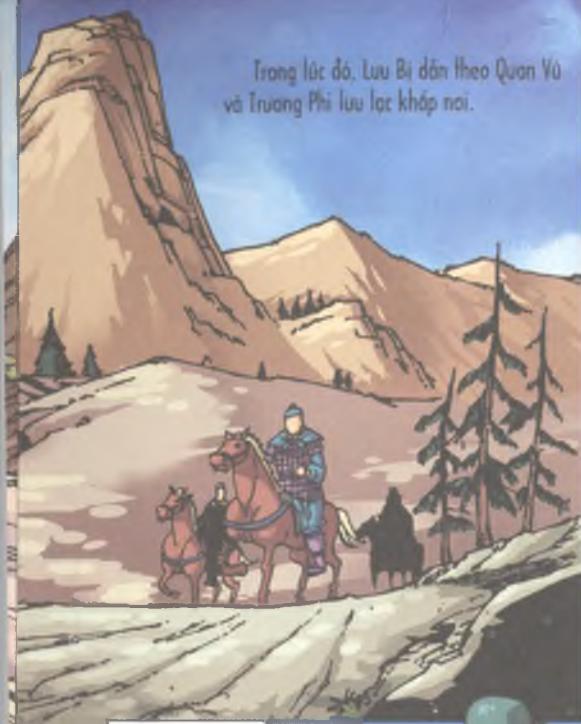
GIẾT!

GIẾT!

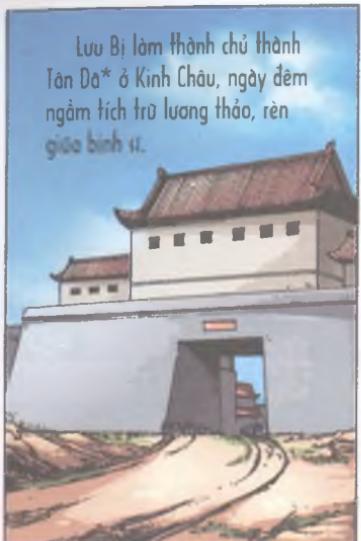




Trong lúc đó, Lưu Bị dẫn theo Quan Vũ và Trương Phi lưu lạc khập nơi.

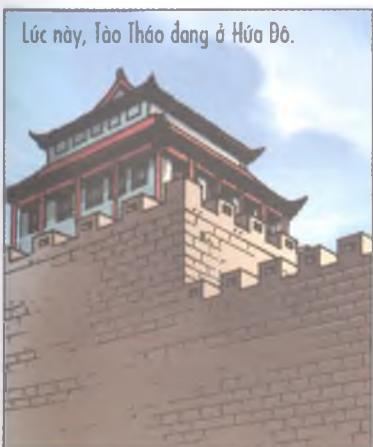






*Là tòa thành nằm ngay sát với lãnh địa mà Tào Tháo quản hạt.





NẾU NHƯ LƯU BỊ
MỚI ĐƯỢC QUÂN SỰ,
THÌ SẼ THÀNH TÁNG
ĐÁ NGÁNG ĐƯỜNG
THỐNG LINH THIÊN
HÀ CỦA TA.

Sáu năm sau... Lưu Bị dẫn theo
Quan Vũ và Trương Phi đi tìm hiền sĩ
bất kể mua gió tuyết sương.

ĐẠI CA, TUYẾT
LỚN THÊM NÀY,
CHÚNG TA QUAY
VỀ THÔI.

TAM ĐỆ, ĐÙNG
NHIỀU LỜI NỮA,
CHÚNG TA ĐANG
ĐÈN CẦU KIÊN
MỘT CAO
NHÂN.

LÀ AI VẬY?
GỌI HẨN TỐI
THÀNH TÂN
ĐÃ LÀ XONG
MÀ...





TƯỞNG QUÂN
CÓ Ý CẨU HIỂN, TA
RẤT CẢM ĐỘNG. XIN
ĐƯỢC BÀN ĐÔI CHÚT
VỀ THỜI THẾ VÀ
THIÊN HẠ.

TÀO THÁO

LƯU BỊ

TÔN QUYỀN

TÀO THẾ
CHÂN
KIẾNG?

ĐÚNG THẾ, SAU
ĐÓ LIÊN KẾT
VỚI TÔN QUYỀN
THẢO PHAT TÀO
THÁO, RỒI MỚI
TÍNH CHUYÊN
THỐNG NHẤT
THIÊN HẠ.

ĐẦU TIÊN, CHÚNG TA
PHẢI GIỮ CHO KÌ ĐƯỢC KINH
CHÂU VÀ ÍCH CHÂU, TẠO RA
THẾ CHÂN KIẾNG. BẮC CỦA TÀO
THÁO, NAM CỦA TÔN QUYỀN,
ĐẤT THỰC LÀ CĂN CỨ CỦA TA.



Mời được Gia Cát Lượng, Lưu Bị đã đạt được
bước đầu tiên để thống nhất giang sơn.



Thế chèn vạc Tam Quốc

Năm 208, Tào Tháo đưa quân xuống
phía Nam, khao phét Ngũ Thúc.



Gia Cát Lượng đích thân tới Giang Đông
cầu kiến Tôn Quyền.

NAY TÀO THÁO
DẪN BINH NAM
TIỀN, CHẮNG NHÈ
NGƯỜI LẠI ĐÀNH
LÒNG HAI TAY
DÂNG ĐẤT DAI
CHO HẦM.



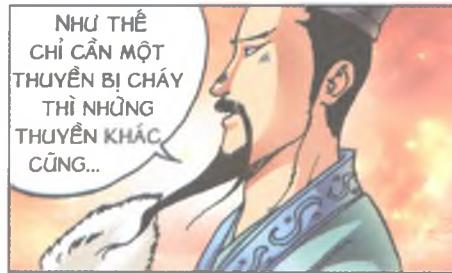
ĐẠI QUÂN TÀO
THÁO GẦN 800.000,
TA E RẰNG KHÔNG
THỂ CHỐNG
ĐỒ NỐI.

TÔN
QUYỀN





ĐỂ CHO
THUYỀN ĐỒ
CHÒNG CHÀNH,
CHÚNG DÙNG
XÍCH SẮT KHÓA
CÁC THUYỀN
VỚI NHAU.





* Theo "Tam Quốc chí", trong trận Xích Bích, Hoàng Cái đã hiến kế với đô đốc Chu Du là dùng lửa để công địch. Chu Du tán thường và cho thực hiện. Tình tiết trong truyện này lấy từ "Tam Quốc diễn nghĩa", hoàn toàn hư cấu, không phải lịch sử.



*Gió đổi hướng thực ra không phải do Gia Cát Lượng cầu khẩn mà là một hiện tượng thiên nhiên. Vào mùa đông hay có gió Bắc, nhưng sau khi qua một trận đại hàn rét mướt, gió sẽ chuyển hướng Đông Nam hay Nam.



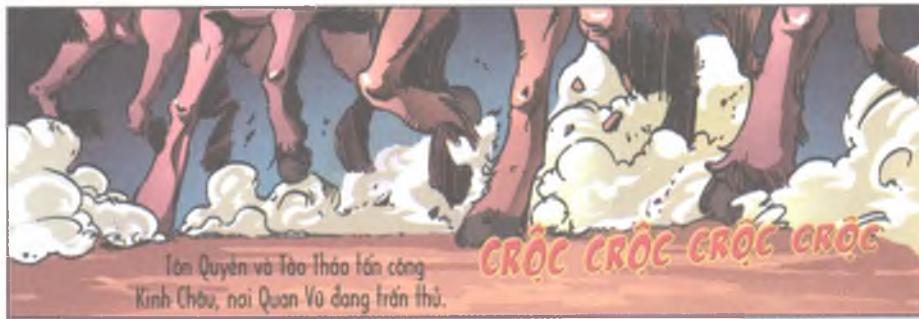
Nhung chiến thuyền của
Tào Tháo nhanh chóng bị
thuyền lửa của Hoàng Cái
thiêu cháy. Do các thuyền nài
với nhau bằng xích sắt nên
chỉ cần một thuyền cháy, các
thuyền khác cũng bị và lây.
Chỉ một lúc sau, quân Tào bị
đèm trong cả biển lửa.

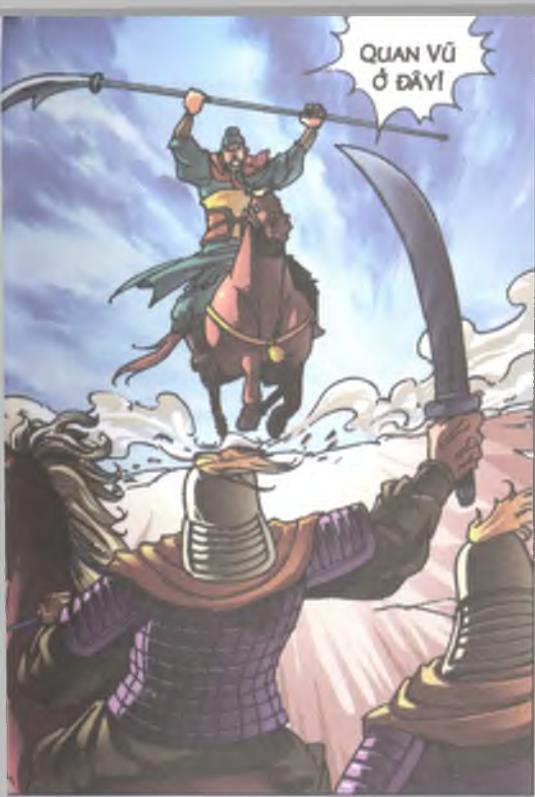
Thực ra đội quân chủ lực đánh bại
quân Tào là quân Ngò của Tôn Quyền,
chứ không phải quân Thục của Lưu Bị.



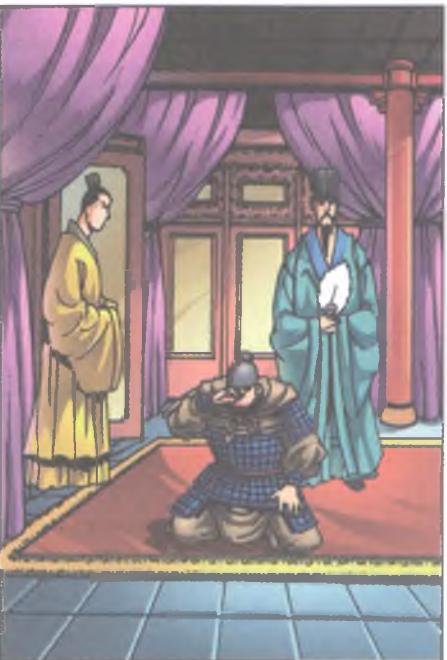








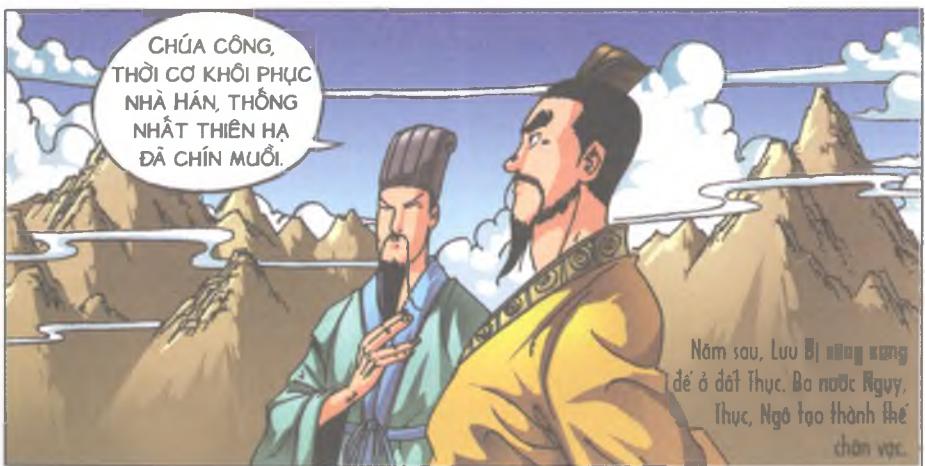
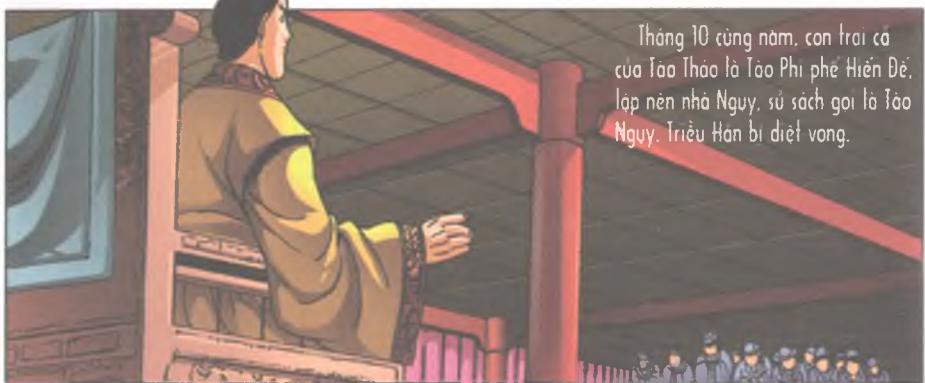
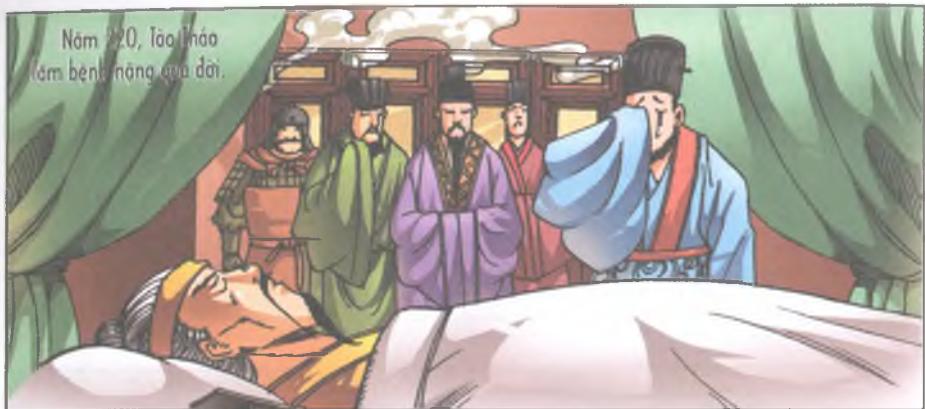




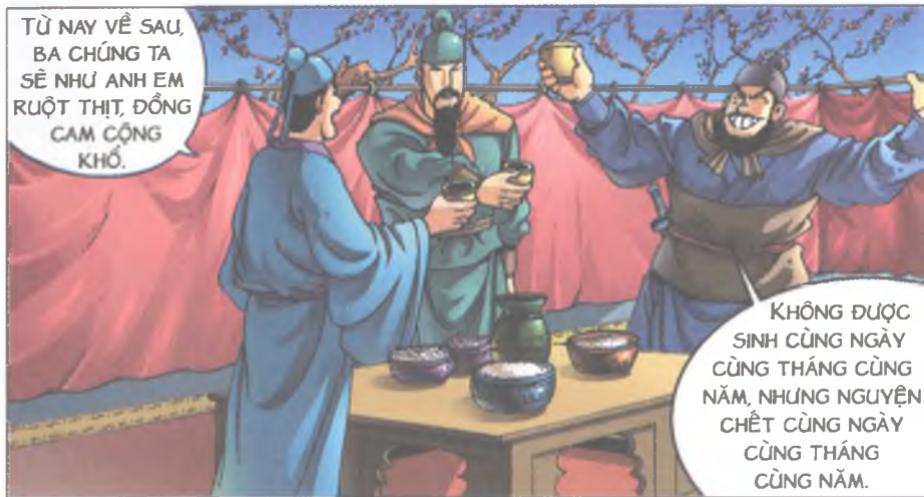
Hình bên là tượng Quan Công trong miếu Quan Đế. Sau khi Quan Vũ mất, ông được phong hầu, rồi lần lượt được các thời đại sau truy phong tước hiệu là công, vương, đế, quân, còn được thờ phụng như thần tiên.

Hình tượng Quan Vũ hoàn mĩ, dung cảm, nhân nghĩa, trung thành, trọng tín là kết tinh sáng tạo và thần thánh hóa của người xưa, có giá trị ảnh hưởng sâu rộng tới người đời sau.



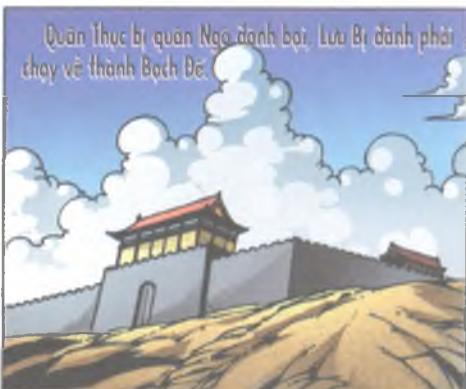
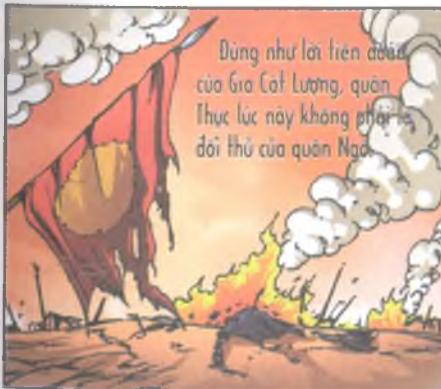
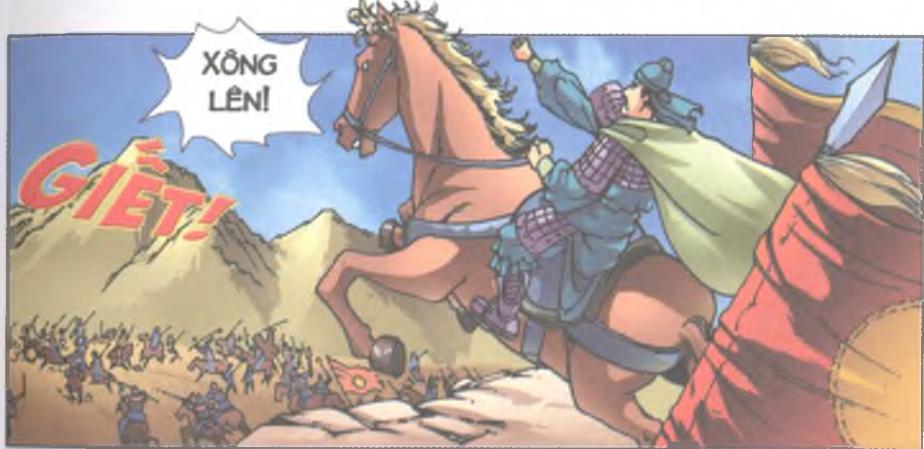






* Trong "Tam Quốc chí" không ghi lại tình tiết "Kết nghĩa vườn đào".





Quân Thục bị quân Ngụy đánh bại, Lưu Bị đành phải chạy về thành Bách Đế.



Lưu Thiện đích thực
là kẻ bất tài vô dụng,
nhà Thục đều trông
cậy cả vào Gia Cát
Lượng.



BỆ HẠ ĐÃ ĐẾN
LÚC THÔNG NHẤT
THIÊN HẠ, ĐỂ AN
ỦI LINH HỒN TIỀN
ĐỂ RỒI.

CHÚA CÔNG NAY
THẦN XUẤT BÌNH
ĐỂ CHẨN HƯNG
VƯƠNG THẤT
NHÀ HÁN.

Năm 227, Gia Cát
Lượng tự dẫn quân
chuẩn bị tấn công
nước Ngụy nhưng
không thành công.

Sau đó, Gia Cát Lượng nhiều lần hoạch định Bắc phạt
nhưng đều chưa thành. Mùa hè năm 234, Gia Cát Lượng
lo lắng nhiều việc nên kiệt sức, lâm bệnh nặng ở Ngũ
Trường Nguyên.

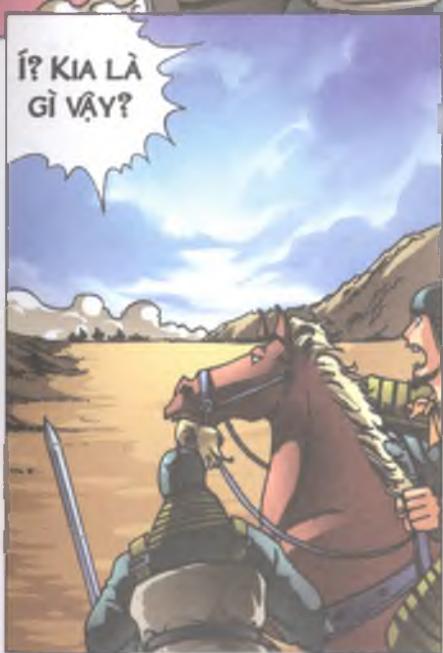


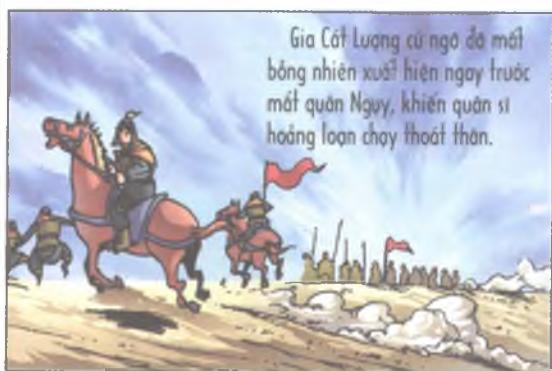


Nam 234, Gia Cát Luong bệnh nặng qua đời, hưởng thọ 54 tuổi.

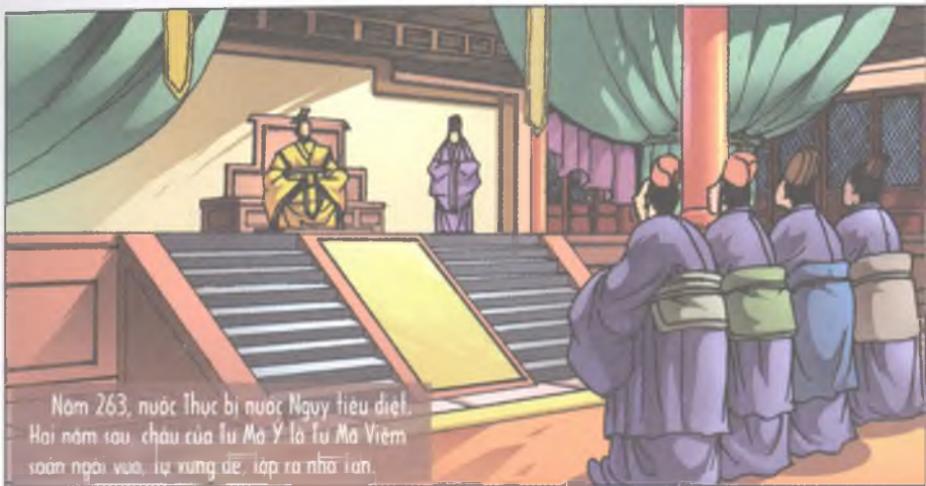


Quân Ngụy nhân cơ hội phản công.

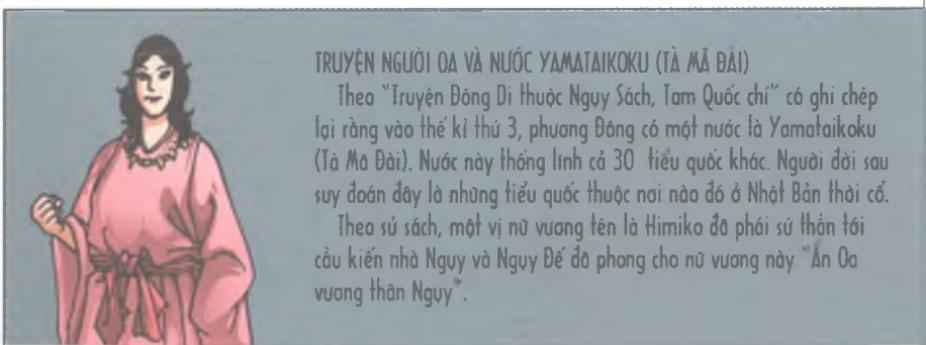
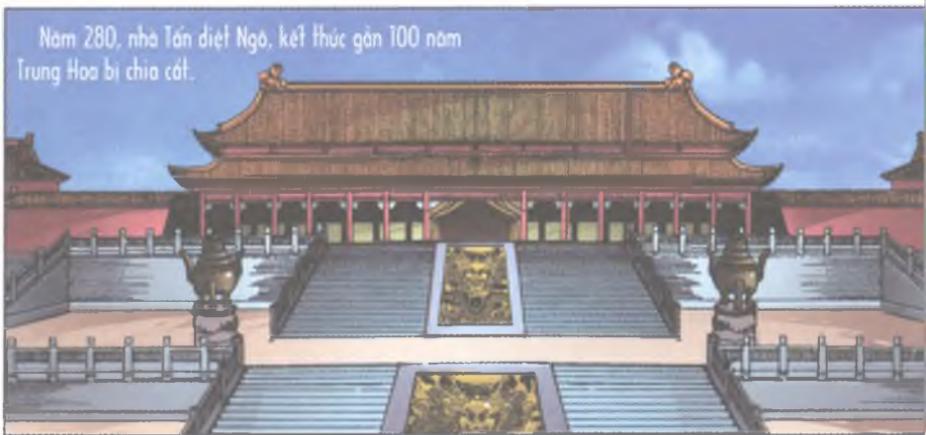








Năm 263, nước Thục bị nước Ngụy tiêu diệt.
Hai năm sau, cháu của Tu Ma Ý là Tu Ma Viêm
soán ngôi vua, lự xung đế, lập ra nhà Tào.



TRUYỆN NGƯỜI OA VÀ NƯỚC YAMATAIKOKU (TÀ MÃ ĐÀI)

Theo "Truyện Đông Di thuộc Ngụy Sách, Tam Quốc chí" có ghi chép lại rằng vào thế kỉ thứ 3, phuong Đông có một nước là Yamataikoku (Tà Mã Đài). Nước này thống lĩnh cả 30 tiểu quốc khác. Người đời sau suy đoán đây là những tiểu quốc thuộc nời nào đó ở Nhật Bản thời cổ.

Theo sử sách, một vị nữ vương tên là Himiko đã phái sứ thần tới cầu kiến nhà Ngụy và Ngụy Đế đã phong cho nữ vương này "An Ô vuong thân Ngụy".

Thế chánh vạc Tam Quốc

Cuối đời Đông Hán, hai thế lực lớn trong triều là hoạn quan và ngoại thích* lộng hành, thao túng triều cương, nén chính trị hủ bại thối nát, đất đai bị cướp đoạt, thuế khóa nặng nề, xã hội hỗn loạn, dân chúng lầm than, mâu thuẫn giữa các tầng lớp trong xã hội ngày càng gay gắt, những cuộc nổi dậy tự phát của nông dân liên miên không dứt. Năm 184, Trương Giác lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của nông dân với khẩu hiệu: "Trời xanh dã tận, Hoàng Thiên lên thay, nhằm năm Giáp Tí, thiên hạ thái bình", nhận được sự ủng hộ nhiệt thành của dân chúng. Hán Linh Đế hoang mang tột độ, điều động và tập hợp binh mã tinh nhuệ các nơi để bao vây tận căn cứ của nghĩa quân Khăn Vàng, cường hào các nơi cũng ra sức phối hợp để dập tắt và trấn áp cuộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng cuối cùng cũng bị tóm trong bể máu, nhưng nó là đòn đánh chí mạng giáng vào triều đình Đông Hán.

Trong khoảng thời gian dài dập tắt ngọn lửa khởi nghĩa của nông dân, các thế lực cường hào lớn mạnh không ngừng, trong đó có những tên tuổi phải kể đến như Viên Thiệu, Tào Tháo,

Tôn Kiên, Lưu Bị. Năm 196, Tào Tháo lấy danh nghĩa phò tá thiên tử để hiệu triệu chư hầu. Sau đó, nhờ tài năng quân sự xuất chúng, Tào Tháo lần lượt đánh bại các thế lực cát cứ các nơi như Lã Bố, Viên Thuật, Viên Thiệu, cuối cùng thống nhất được phương Bắc. Lưu Bị dưới sự trợ giúp của Gia Cát Lượng, kiểm soát được vùng Ba Thục phía Tây Nam, còn Tôn Quyền (con trai Tôn Kiên) thì trấn giữ vùng đất Giang Nam.

Năm 220, con trai Tào Tháo là Tào Phi phế bỏ nhà Hán, lập ra nhà Ngụy, định đô ở Lạc Dương. Năm 221, Lưu Bị xưng đế ở Thành Đô, lấy danh nghĩa xây dựng lại nhà Hán, sử sách gọi là nhà Thục Hán. Năm 229, Ngô Vương Tôn Quyền xưng đế, đổi đô tới Kiến Nghiệp. Sử sách gọi đây là thời kì thế chánh vạc Tam Quốc.

Năm 263, nước Ngụy diệt nước Thục. Năm 265 Tư Mã Viêm lật đổ nhà Ngụy, lập ra nhà Tấn và vẫn đóng đô tại Lạc Dương.

Năm 280, nước Tấn diệt nước Ngô, kết thúc thời kì phân chia của Trung Hoa, thống nhất được giang sơn trong thời gian ngắn.

Tào Tháo tài hoa xuất chúng

Tào Tháo, tự là Mạnh Đức, là nhà chính trị và quân sự tài ba sinh đúng vào thời kì loạn lạc. Cả đời ông đã thắn chinh tranh mạc đến hàng chục lần. Cuối thời Đông Hán, chính trị hỗn loạn, Tào Tháo nhân cơ hội này mượn danh thiên tử hiệu triệu chư hầu. Sau khi thâu tóm quyền hành nơi triều chính, ông chính đốn kỉ cương, thẳng tay diệt trừ các tệ nạn trong quan lại, thúc đẩy thực thi hàng loạt chính sách có lợi cho xã hội, thể hiện rõ tài năng chính trị kiệt xuất. Ông cũng đồng thời cho xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển hệ thống tưới tiêu cho ruộng đồng, khiến binh cưỡng tướng mạnh, đất nước ấm no, đây là minh chứng rõ ràng về tầm nhìn xa trông rộng, hồn người thường của Tào Tháo, đặt tiền đề cho thời đại thế chánh vạc Tam Quốc sau này. Ông còn viết rất nhiều tác phẩm về quân sự, đáng tiếc là bị thất truyền.

Tào Tháo không chỉ là nhà chính trị, nhà quân sự đại tài, ông còn là nhà văn, nhà thơ xuất sắc. Những tác phẩm tiêu biểu của ông là "Giới lộ hành", "Hao lí hành", "Bố xuất Hạ Môn hành", "Quy tuy thợ", "Quan thương hải"..., đều mang khí thế ngút trời và lời thơ bi tráng. Ông cũng là người để xuống và tập hợp được những nhà thơ xuất sắc, đi đầu cho một phong cách độc đáo mà người ta gọi là văn thơ Kiến An. Do nguyên nhân chính trị và lịch sử mà người ta đánh giá thiếu công bằng với Tào Tháo, mãi cho đến giữa thế kỷ thứ 20, giới sử học mới đòi lại công bằng cho ông. Cho đến ngày nay, cùng với những nghiên cứu chuyên sâu, giới sử học đã xác định lại vị trí và vai trò lịch sử của ông, phần nhiều nghiêng về khuynh hướng công nhận Tào Tháo là một nhân vật kiệt xuất với những công lao hiển hách trong rất nhiều lĩnh vực.

*Người thân của họ ngoại nhà vua như họ hàng của hoàng hậu, hoàng thái hậu.

Tôn Kiên

Tôn Kiên (155 – 191), tự Văn Đài, là cha của Tôn Sách và Tôn Quyền. Ông có công phụ giúp triều đình dẹp loạn Khăn Vàng.

Năm 190, Đồng Trác tiêm quyền xung bá Kinh sư, Tôn Kiên hưởng ứng lời hịch của Tào Tháo, cùng thảo phạt Đồng Trác. Trong 14 chư hầu, đội quân của Tôn Kiên mạnh mẽ, uy phong nhất. Ông dẫn quân tiên phong quyết chiến với thủ hạ của Đồng Trác là tướng Hoa Hùng. Do Viên Thuật không tiếp ứng lương thảo nên Tôn Kiên bị Hoa Hùng lén đột kích doanh trại, tướng Tố Mậu dưới quyền ông hi sinh. Nhưng ông đã kịp thời điều chỉnh quân dưới trướng, tổ chức phản công, đánh chiếm tới tận thành Lạc Dương, đánh bại quân Đồng Trác, chiếm Lạc Dương, tự mình giành được ngọc ấn.

Năm 191, Viên Thuật hẹn Tôn Kiên cùng hợp binh đánh Lưu Biểu ở Tương Dương, nhưng Tôn Kiên trúng phải mai phục của tướng Hoàng Tổ, bị trúng tên mà chết.

Quan Vũ trung dũng vô song

Quan Vũ người huyện Giải, Hà Đông (nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc), là một danh tướng nổi tiếng của nước Thục thời Tam Quốc. Ông và Trương Phi đã sớm theo Lưu Bị vào sinh ra tử, Nam chinh Bắc chiến. Có một quãng thời gian do bại trận nên ông bị Tào Tháo giam lỏng trong doanh trại. Trong trận Quan Độ, ông đã chém đầu đại tướng Nhan Lương của Viên Thiệu ngay trước mặt vạn quân, giải vây cho thành Bạch Mã, báo đáp ân tình của Tào Tháo, sau đó ra đi. Chính sự dũng mãnh và hành động trọng nghĩa khí này khiêu cho người đời sau ca ngợi không ngớt. Ông theo Lưu Bị chinh phạt nhiều nơi, là người có công hiển lớn lao cho sự nghiệp thiết lập và củng cố nhà Thục Hán. Nhưng ông đã quá khinh suất để cho Lã Mông đoạt mắt Kinh Châu, rồi thảm bại ở Mạch Thành, bị tướng nhà Ngô xử trảm.

Trong tiểu thuyết "Tam Quốc diễn nghĩa" của La Quán Trung đời nhà Minh, hình ảnh Quan Vũ được tạo dựng là nhân vật anh hùng trọng tình trọng nghĩa. Lòng trung và dũng khí hồn người của Quan Vũ khắc ghi trong lòng người đọc và được ca tụng mãi về sau.

Lưu Bị

Lưu Bị là quân vương khai quốc của nhà Thục Hán thời kì Tam Quốc, lấy hiệu là Hán Chiêu Liệt Đế.

Theo sử sách ghi chép lại, Lưu Bị là con cháu dòng dõi Trung Sơn Tinh Vương Lưu Thủ Thắng nhà Tây Hán. Tuy cha mất từ nhỏ, gia cảnh bần hàn, nhưng ông là người có chí lớn, tính tình thâm trầm, vui buồn không thể hiện qua nét mặt. Thiếu thời ông phải mưu sinh bằng nghề bán giày cỏ và đan chiếu trúc, ông thích kết giao với các anh hùng hiệp nghĩa, có thâm giao với Quan Vũ và Trương Phi. Quan Vũ và Trương Phi cả đời trợ giúp Lưu Bị thống lĩnh quân sĩ dưới quyền, bảo vệ tinh mạng cho người huynh đệ kết nghĩa vุơn dào này. Sau này Lưu Bị còn kết giao được với Triệu Tử Long... Tất cả họ đều là người ủng hộ Lưu Bị xưng bá Thục Hán.

Cuối đời Đông Hán, thiên hạ đại loạn, Lưu Bị được sự trợ giúp của những người như Quan Vũ, Trương Phi dấy binh cát cứ một phương. Lưu Bị là người biết nhìn người, sau khi mới được Gia Cát Lượng, ông luôn nghe theo những kế sách của Gia Cát tiên sinh, dần dần hùng cứ đất Thục, tạo ra cục diện thế chân vạc với nước Ngụy và nước Ngõ.

Năm 221, Lưu Bị xưng đế, lấy quốc hiệu Hán, định đô ở Thành Đô. Sau này do cả Quan Vũ và Trương Phi đều chết, Lưu Bị quyết chiến với nước Ngõ, nhưng trận nào cũng thua. Đến năm 223, ông qua đời ở thành Bạch Đế do bị bệnh nặng.

Mạnh tướng Trương Phi

Trương Phi, tự Dực Đức, người quận Trác (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là danh tướng nổi tiếng nước Thục thời Tam Quốc. Trương Phi vốn là đồng hương của Lưu Bị, cả đời vào sinh ra tử bên nhau, tiếng tăm lừng lẫy nhờ trận chiến Trảng Bản, Đường Dương. Ông hùng dũng cầm xà mâu đứng ở đầu cầu, khiến cho quân Tào vạn người mà không ai dám tiến lên giao đấu, chặn hậu ngăn quân Tào, giúp Lưu Bị chạy thoát. Sau này ông chinh chiến khắp nơi, dũng cảm thiện chiến, chỉ huy quyết đoán, được mệnh danh là mãnh tướng Trương Phi. Ông cũng là công thần có công xây đắp nên nhà Thục Hán. Tuy nhiên Trương Phi khi say rượu không thể làm chủ bản thân, coi thường xưng mâu binh sĩ, hay dùng đòn roi với kẻ dưới. Cũng chính vì nhược điểm này mà sau một lần say rượu ông đã bị thuộc hạ giết chết, thủ cấp bị đưa tới nước Ngõ. Trong "Tam Quốc diễn nghĩa", Trương Phi thô kệch nhưng cũng có lúc tinh tế tài hoa, tính tình thẳng thắn bộc trực, gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn đọc.



Triệu Tử Long gan dạ khó bi

Triệu Văn, tự là Tử Long, là người vùng Thường Sơn (nay là huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc), là một danh tướng nước Thục thời Tam Quốc, từng đánh bại rất nhiều mãnh tướng của các nước. Năm 208, trận ở Tràng Bản, Đương Dương chính là trận chiến lưu danh sử xanh của Triệu Tử Long. Lúc đó, Tào Tháo Nam chinh, truy kích Lưu Bị. Triệu Tử Long nhanh lén vào tận doanh trại quân Tào để cứu vợ con Lưu Bị là Cam phu nhân, My phu nhân và Lưu Thiện (tức A Đầu), ông ta xung hỗn đột phá vây, giết vô kể quân tướng của Tào Tháo.

Gia Cát Lượng rất coi trọng Triệu Tử Long trí dũng song toàn. Khi Lưu Bị tới nước Ngũ kết thân với họ Tôn, Gia Cát Lượng yên tâm gửi gắm việc bảo vệ Lưu Bị cho Triệu Văn. Triệu Văn không phụ sự ủy thác của Gia Cát Lượng.

Loạn đảng Đồng Trác

Đồng Trác vốn lập thân từ việc trấn áp người dân tộc Khương ở Tây Bắc và dẹp tan khởi nghĩa Khăn Vàng, được Hà Tiến mời vào cung để áp chế thế lực của hoạn quan. Trước khi ông dẫn quân vào thành, trong cung nhà Hán đã diễn ra cuộc chiến này lửa giữa hoạn quan và ngoại thích, Hà Tiến bị giết, cuộc chiến coi như có hồi kết. Ban đầu Đồng Trác định rút quân về, nhưng khi thấy cả hai phe hoạn quan và ngoại thích đều thương vong vỡ số, sẵn lòng tham, ông nảy ý định nhân cơ hội này tranh quyền với Viên Thiệu.

Tuy chỉ mang theo 3.000 binh mã, nhưng Đồng Trác đã diễn một vở kịch che mắt thế gian: Ông cho quân sĩ đóng đại bản doanh ở ngoài thành Lạc Dương, ban sáng dâng hoàng diều quan vào thành Lạc Dương, tối tối lại lén lút rút quân ra... Cứ như thế, vở kịch lửa gạt này diễn đi diễn lại mấy lần mà không bị ai phát hiện. Mọi người đều lầm tưởng quân chi viện cho Đồng Trác hùng hậu, đổi dào nên không ai dám kháng cự, ngay cả những tướng trước đây theo Hà Tiến nay như rắn mất đầu cũng tới xin nương nhờ Đồng Trác. Đồng Trác đúng là mưu sâu, dùng kế đối lửa che mắt mọi người không chỉ một lần.

Năm 219, Hoàng Trung bị tướng Ngụy là Từ Hoảng vây khốn, Triệu Văn tới tiếp ứng, chém đầu tướng Ngụy là Tiêu Bính, xông vào trúng vây của quân Tào, khiến cho Trương Cáp, Từ Hoảng phải lui binh, cứu được Hoàng Trung, quân Tào sợ mất mặt không ai dám ngăn. Tào Tháo còn phải kinh ngạc mà thốt lên rằng: "Hỗ tướng trận Đương Dương năm xưa nay vẫn uy phong!"

Sau này trong trận chiến trên sông Hán Thủy, Triệu Văn khiến quân Tào khiếp dàm, chiếm được cả doanh trại quân Tào, Lưu Bị phải khen ngợi là "Tử Long quả thật gan dạ khó bi!", sau này ông được gọi là "Hổ uy tướng quân".

Cá cuộc đời Triệu Văn tung hoành ngang dọc, anh hùng cái thể, cuộc đời không gặp bất trắc, kết thúc có hậu.



Sau khi nắm được quyền binh, Đồng Trác muôn phế hoàng đế, nên nói với Viên Thiệu rằng: "Hán Linh Đế hôn quân ngu dốt, mới lập Lưu Biện làm Thiếu Đế. Nay ta định lập Lưu Hiệp làm vua, ý ngài thế nào?" Viên Thiệu trả lời: "Hoàng đế tuổi còn nhỏ, đương nhiên khó tránh khỏi những hành vi không đúng mực, nếu phế con của chính thất lập con của thứ phi, e rằng thiên hạ không phục." Đồng Trác nghe xong, tức giận lôi đinh, rút kiếm rồi lớn tiếng với Viên Thiệu. Viên Thiệu quay đầu đi khỏi, sau đó từ quan, dẫn binh về Ký Châu để tránh bị Đồng Trác báo thù.

Không lâu sau, Đồng Trác uy hiếp Hà thái hậu, phế Thiếu Đế Lưu Biện, lập Lưu Hiệp làm đế, còn mình giữ chức tướng quốc, vẫn vỗ cả triều đều bị ông kiểm soát, không ai dám ho he nửa lời.

Sau đó, Đồng Trác đầu độc Hà thái hậu, ngay năm sau, tức năm 190, Lưu Biện cũng bị đầu độc... Kinh thành Lạc Dương vì thế mà rơi vào hỗn loạn, nhiễu nhương, chư hầu các nơi đều bất bình với thói ngang tàng tiếm quyền của Đồng Trác nên đã lập ra liên minh Quan Đồng chư hầu, thảo phạt Đồng Trác, tiến cử Viên Thiệu làm minh chủ của liên minh.



Tôn Quyền lát hưng thịnh khi ngụ tàn

Tôn Quyền, tự Trọng Muu người Phú Xuân, quận Ngô, từ thuở nhỏ đã xuất chúng bạt quần, tinh tinh hào sảng, khoan dung độ lượng, nhân nghĩa quyết đoán, làm nên sự nghiệp khi còn trẻ tuổi. Tôn Quyền rất giỏi dùng người, ông nắm rõ ưu khuyết điểm của từng thuộc hạ, ông không cầu toàn mà biết cách phát huy thế mạnh của thuộc hạ, nắm được đạo lý thâm sâu của thuật dùng người: "Đã dùng thì không nên nghi kị." Từ lúc kết liên minh với Lưu Bị tới khi xung đế Đông Ngô, Tôn Quyền đều tỏ rõ chí hướng đội trời đạp đất và tầm nhìn xa trông rộng. Tuy nhiên, sau khi xung đế, ông lại ngày càng bảo thủ, mất hẳn ý chí đạp bằng trời đất tranh bá thiên hạ, chỉ khư khư ôm lấy đất Giang Đông. Những năm cuối đời, Tôn Quyền càng kém minh mẫn, nghe lời phỉ nhại gièm pha, dù sau đó hối hận nhưng cũng đã muộn.

Chu Du văn võ song toàn

Chu Du, tự Công Cẩn, người huyện Thư, quận Lư Giang, là nhà quân sự tài ba thời Tam Quốc. Ông xuất thân trong gia đình gia thế, văn võ song toàn, phong lưu nho nhã, từng phò giúp Tôn Sách đứng vững trên đất Giang Đông. Sau khi Tôn Sách mất, ông lại trợ giúp Tôn Quyền lập nên nghiệp lớn. Tài năng của ông nổi bật trong trận chiến Xích Bích, chia thiên hạ thành thế chôn vạc. Đáng tiếc ông bị trúng tên trên đường chinh phạt Ich Châu khi mới 36 tuổi. Còn trong tiểu thuyết "Tam Quốc diễn nghĩa", cái chết của Chu Du là do ông bị Gia Cát Lượng chọc tức mà hộc máu.

Gia Cát Lượng nhân cách đa chiều

Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh, hiệu là Ngọa Long tiên sinh, là công thần nước Thục thời Tam Quốc. Trong sử sách, ông là mẫu hình lý tưởng tu thân tề gia trị quốc, có tư tưởng trung quân ái quốc. Người đời ca ngợi ông là người biết "cầm quân công thủ là lâu dài, cùn dùng mưu kế chỉ là trước mắt". Khi chỉ huy binh sĩ, ông giành thắng lợi chủ yếu nhờ vào tố chất của binh sĩ và chiến thuật, ít khi dùng mưu kế thâm hiểm. Nhưng trong tiểu thuyết "Tam Quốc diễn nghĩa", Gia Cát Lượng được khắc họa là người đa mưu túc trí, là hóa thân của trí tuệ, không chỉ tính toán thần diệu, mà còn có thể hô phong hoán vũ, thậm chí Lỗ Tấn phải thốt lên: "Gia Cát đa mưu diệu kế như quỷ thần".

Hai hình ảnh, hai nhân cách, người đời phản nhiều thích Gia Cát Lượng mang màu sắc thần diệu, để rồi sau đó sản sinh ra rất nhiều hiện tượng văn hóa có liên quan tới huyền thoại Gia Cát Lượng.



* Nhà văn nổi tiếng Trung Quốc.



Lиен quân Tôn - Lưu

Sau khi Lưu Biểu chết, thứ tử Lưu Tông kế nhiệm làm thứ sử Kinh Châu. Tào Tháo xuất quân tấn công Kinh Châu, Lưu Tông thế yếu không thể kháng cự, hơn nữa lại cảnh giác Lưu Bị, sợ rằng nếu trọng dụng Lưu Bị, mai này sẽ bị tiếm quyền. Sau khi xem xét nặng nhẹ, Lưu Tông quyết định cậy nhờ Tào Tháo. Trước khi lâm chung, Lưu Biểu có dặn dò nhờ Lưu Bị phò tá Lưu Tông, do sợ Lưu Bị phản đối mình đầu hàng Tào Tháo, nên Lưu Tông đã giữ kín chuyện này.

Lưu Bị khi đó đang trấn giữ Phàn Thành, chỉ cách nơi Lưu Tông sống một con sông. Mãi về sau Lưu Bị mới phát hiện Lưu Tông đã quy hàng quân Tào. Ông nổi giận lôi đình, nhưng tự lượng sức mình không thể chống đỡ được quân Tào nên đã tháo chạy tới Giang Lăng, nơi đây là căn cứ thủy quân của Kinh Châu, cũng là kho quân tư lớn. Nếu giữ được Giang Lăng thì còn có cơ hội quyết chiến với quân Tào.

Trước khi Tào Tháo chinh phạt Kinh Châu, tướng Lỗ Túc đã khuyên Tôn Quyền ở Giang Đông rằng nên thảo phạt Lưu Biểu và làm chủ Trường Giang, rồi lấy đó làm bàn đạp dựng nghiệp bá để vương, đoạt cả thiên hạ. Nhưng khi nghe tin đại quân Tào Tháo tấn công Kinh Châu, còn Lưu Biểu bị chết bệnh, Lỗ Túc thấy thời cơ đã đến, nên tự mình tới Kinh Châu để dò la thực hư ra sao.

Khi nghe tin Lưu Tông đã đầu hàng Tào Tháo, ông đoán rằng Lưu Bị nhất định sẽ rút về Giang Lăng, nên ngày đêm thúc ngựa đuổi theo. Còn Lưu Bị thì đang định bụng tới Thương Ngô nương nhờ thái thú Ngô Cự. Lỗ Túc đuổi kịp Lưu Bị và khuyên ông rằng: Đất Thương Ngô xa xôi hiểm trở, thái thú Ngô Cự lại thế mỏng lực yếu, chỉ bằng liên minh với Tôn tướng quân. Tôn Quyền vốn trọng dụng nhân tài, anh hùng Giang Đông đều quy thuận, có trong tay cả sáu quận, binh sĩ tinh nhuệ, lương thảo dồi dào, bắt tay liên minh sẽ thành nghiệp lớn.

Lời mời gọi của Lỗ Túc vừa đúng với kế sách "Long Trung đổi sách" mà Gia Cát Lượng đã vạch ra cho Lưu Bị. Lưu Bị vui mừng khôn xiết hợp thủy quân với Quan Vũ, tới tháng 10 cùng năm rút quân về Hạ Khẩu, nơi Tôn Quyền đang chiếm lĩnh, rồi tiến quân tới Phàn Khẩu, bước đầu kết mối liên minh Tôn - Lưu.



Trận Xích Bích

Để binh sĩ phương Bắc không quen với thủy chiến khỏi bị say sóng, Tào Tháo ra lệnh cho nối các chiến thuyền lại với nhau bằng xích sắt cho thuyền khởi chòng chành, tạo ra "doanh trại" trên sông nước, phòng bị quân địch đánh lén. Đúng là cách này rất hiệu quả, quân sĩ di lại như trên đất bằng, nhưng chiến thuyền không còn linh hoạt. Hoàng Cái sau khi thám thính biết được tin đã báo về, và đề xuất dùng lửa tấn công, Chu Du đồng ý. Để đánh lửa Tào Tháo, Chu Du lệnh cho Hoàng Cái bí mật viết thư đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo tin ngay vì từ trước tới giờ đã nhiều lần gặp những tướng sĩ không đánh mà hàng, vì vậy coi thường 30.000 quân lính của Chu Du, không hề phòng bị gì.

Khi Hoàng Cái viết thư xin hàng là lúc trời lạnh giá, gió Tây Bắc thổi, nhưng hôm đó lại nổi gió Đông Nam, hơn nữa gió rất mạnh. Trên bờ Bắc sông Trường Giang, binh sĩ của Tào Tháo vẫn đợi Hoàng Cái ra hàng trên chiến thuyền

xích sắt. Họ không ngờ Hoàng Cái từ bờ Nam sông Trường Giang đã đốt cháy 10 chiếc thuyền có được tắm đầu. Lúc ấy, 10 chiếc thuyền lửa cháy ngùn ngụt, thêm vào đó là gió mạnh thổi tới, mau chóng thiêu đốt thủy trại quân Tào. Cả bờ Bắc Trường Giang biến thành biển lửa. Chu Du dẫn theo quân được trang bị gọn nhẹ trên chiến thuyền tới nơi, khua chiêng gõ trống, vang dậy đất trời.

Tào Tháo dẫn đám tàn quân chạy về phía Tây, trên đường thương vong vô số, lại bị Lưu Bị, Chu Du đuổi riết. Tào Tháo mang lớn, may mắn chạy qua đường Hoa Dung về tới đô thành Hứa Xương.

Xét về quy mô, Xích Bích chưa phải là trận đại chiến nhưng lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi vì đã ngăn được dã tâm và mưu đồ thống nhất thiên hạ của Tào Tháo, sau đó hình thành cục diện thế chân vạc. Có thể nói Tào Tháo đã phải trả một cái giá quá đắt vì khinh thường đối phương.

Tư Mã Ý

Tư Mã Ý, tự Trọng Đạt, là người huyện Ôn, xuất thân trong một gia đình hào bá Đông Hán.

Năm 208, ông được Tào Tháo cho giữ chức văn học duyên.

Năm 217, Tư Mã Ý giữ chức thái tử trung thứ tử, cùng với Trần Quán, Ngô Chất và Chu Lạc, Tào Phi thâm giao, là nhân vật tâm phúc của Tào Phi.

Năm 220, Tào Phi phế bỏ nhà Hán, lập nhà Ngụy, Tư Mã Ý nhậm chức trưởng sử ở phủ thừa tướng, vừa giữ chức đốc quân ngự sử trung thừa.

Năm 226, Tào Duê nối ngôi, Tư Mã Ý thống lĩnh cầm quân, lại nhậm chức phiêu kị đại tướng quân, đô đốc quân sự hai châu Kinh Châu, Dự Châu, khởi xướng việc tấn công nhà Ngô.

Năm 239, Ngụy Minh Đế Tào Duê băng hà, Tào Phương nối ngôi, Tư Mã Ý và Tào Sảng phụ chính.

Năm 249, Tư Mã Ý tiêu diệt Tào Sảng và phe cánh.

Vào năm sau đó, Tư Mã Ý bị bạo bệnh qua đời, hai con trai là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu phụ chính.

Năm 265, cháu trai Tư Mã Ý là Tư Mã Viêm phế nhà Ngụy lập nhà Tấn, lịch sử gọi là nhà Tây Tấn. Tư Mã Ý được truy phong Tuyên Đế.



Chương 2: Tùy Đường thống nhất Trung Hoa

Nội dung chính:

Nhà Tùy ra đời

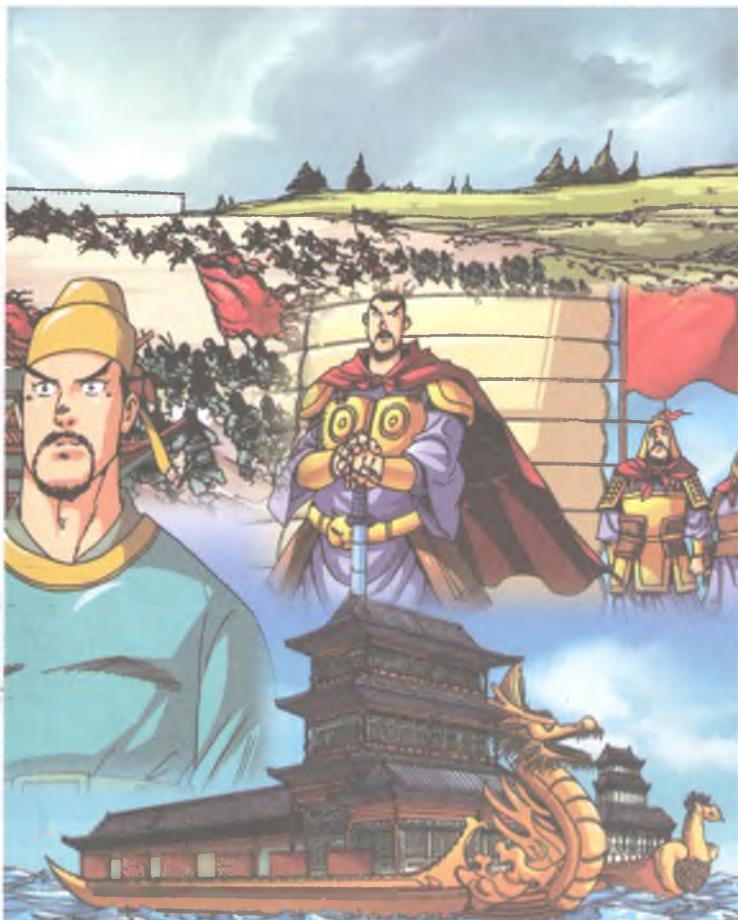
Sau khi nhà Tần được thành lập không lâu, Trung Hoa bước vào thời đại Nam Bắc triều, cuối cùng đại thần nhà Bắc Chu là Dương Kiên thay nhà Chu lập ra nhà Tùy, thống nhất Trung Hoa.

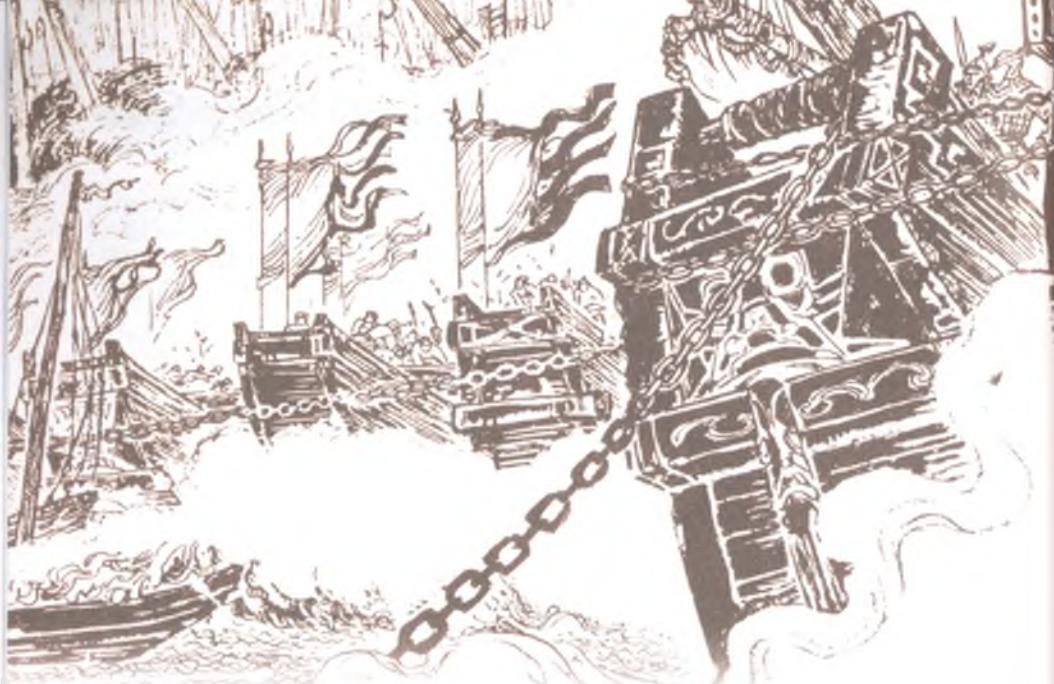
Tùy Dạng Đế hôn quân vô đạo

Con trai của Dương Kiên là Dương Quảng, sau khi lên ngôi lấy danh là Tùy Dạng Đế, là kẻ xa hoa khát máu, hoang dâm vô đạo.

Nhà Đường lập quốc

Lý Uyên là bậc thức thời hiếu đạo. Khi khắp nơi dân chúng nổi dậy chống nhà Tùy, ông bèn giương cờ khởi nghĩa, lập ra nhà Đường.





Đây là bức tranh mô tả lại cuộc chiến Xích Bích thời Tam Quốc. Quân Tào do dùng dây xích sắt nối các thuyền mà tạo ra sáu hố cho quân Ngõ dùng hỏa công đánh bại.

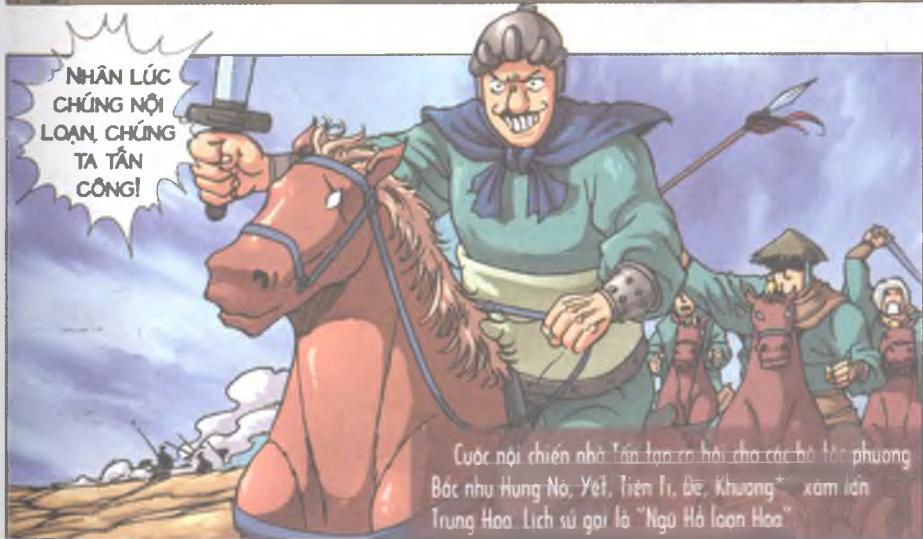
Trúc Lâm Thủ Hiền là tên dân gian gọi nhóm bảy danh sĩ thời Ngụy Tấn, Nam Bắc triều, gồm: Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh, Sơn Đào, Huáng Tú, Vương Nhung, Nguyễn Hâm. Họ không cầu nệ lễ tiết, mà đề cao cuộc sống thanh bạch, thuần khiết.

Nhà Tùy ra đời



Cuối thời Tam Quốc, các vua nhân mặc khách tránh chiến tranh, ẩn cư ở nơi non nước xa xôi, không màng thế sự, chỉ chuyên tâm vào huyền học mệnh lý.





* Sau khi Tư Mã Viêm, vị vua khai quốc cho nhà Tần qua đời, quyền lực rơi vào tay Giả hoàng hậu, châm ngòi cho chiến loạn giữa tám vị vương họ Tư Mã, huynh đệ tương tàn kéo dài hơn 16 năm.

** Các bộ tộc này được gọi chung là người Hồ.



Sau khi chiếm thành, người Hùng Nô lập Lạc Dương làm đế đô.



Năm 317, Tông thất nhà Tần,
Tư Mã Duệ lập ra nhà Đông Tấn*
ở hạ lưu sông Trường Giang.



* Sau khi Trường An thất thủ, một trong những dòng dõi tôn thất nhà Tần là Tư Mã Duệ xưng Tần Vương, năm sau lên ngôi đế vương tại Kiến Khang, hiệu là Tần Nguyên Đế. Nhà Tần sau đó được gọi là nhà Đông Tấn.





Từ năm 439, sau khi Bắc Ngụy thống nhất phuong Bắc, các vương triều tiếp là Bắc Ngụy, Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu thay nhau thống trị phuong Bắc. Cùng lúc đó phuong Nam do các triều Lưu Tống, Nam Tề, Lương, Trần lân lượt nắm giữ.

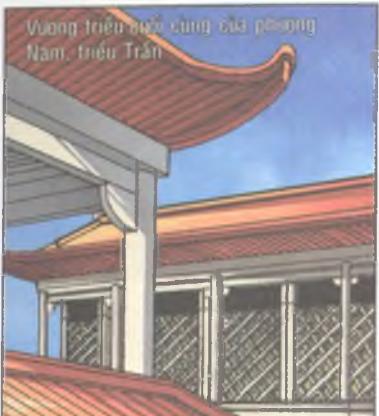


Thần Ngưu Phú trong mộ thất Bắc Tề ở Sơn Tây



*Để chấm dứt việc độc chiếm đất đai của các phu hào, Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế đã lập ra hộ khẩu, chia ruộng đất theo nhân khẩu. Ruộng đất cày cấy được chia thành tang dién và lô dién. Mỗi người con trai trên 15 tuổi được nhận 40 mẫu lô dién, phụ nữ được chia 20 mẫu, sau khi chết phải trả lại ruộng.





* Võn là đại thần triều Bắc Chu. Năm 575, Dương Kiên diệt Bắc Tề, trở nên độc quyền và làm khuynh đảo triều chính.







Năm 588, nhà Tùy đưa quân lấn công nhà Trần.



Năm sau, nhà Tùy diệt nhà Trần, thống nhất toàn bộ Trung Hoa, kết thúc lịch sử phân chia Nam Bắc, hơn 270 năm từ thời Tây Tần.

CUNG ĐIỆN
PHƯƠNG NAM
QUÁ LÀ MÌ LỆ.

NHƯNG QUÁ
XA XÍ, CÓ
CẦN PHẢI VẬY
KHÔNG?

VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM
RẤT HUY HOÀNG,
NHƯNG CŨNG
CHÍNH DO SỰ XA
HOA ĐÃ DẪN TỚI
ĐẤT NƯỚC DIỆT
VONG,

TÀ KHÔNG CHỈ
BẰNG LÒNG VỚI
VIỆC THỐNG
NHẤT NAM
BẮC...

CHÚNG TA
CẦN LẤY ĐÂY
LÀM BÀI HỌC,
NHẮC NHỎ
BẢN THÂN.

DƯƠNG QUẢNG

Dương Quảng tần mòn thấy triều đình phương Nam diệt vong, nhưng lại không đưa rúi được bài học để rèn dạy mình. Sau này, hận hờ thành Tuy Dương Bé

Tùy Đặng Đế hôn quân vò dao

CÁC ÁI KHANH
NGHE ĐÂY!

Năm 604, Tùy Văn Đế băng hà,
Đương Quang kế vị, chính là Tùy Đặng Đế.

TA MUỐN ĐẠI TÙY
TRỞ THÀNH TRIỀU ĐẠI
VĨ ĐẠI NHẤT TRONG
LỊCH SỬ. ĐẦU TIÊN TA
MUỐN MÓ MỘT KÊNH
ĐÀO NỐI HAI MIỀN
NAM BẮC.

SAU KHI KÊNH ĐẠI
VĂN HÀ LƯU THÔNG,
KHÔNG CHỈ CÓ LỢI
CHO GIAO THÔNG NAM
BẮC, MÀ CÒN DỄ BỀ
CHO CHÚNG TA THÔNG
TRỊ PHƯƠNG NAM.

SAU NÀY,
CÓ THỂ VẬN
CHUYỂN ĐỒ
NÔNG SẢN TỪ
PHƯƠNG NAM
LÊN PHÍA BẮC.
THÌ THÌ HAY
QUÁ!

Năm 605, Đại Văn
bắt đầu khởi công, bùi động
hàng triệu nhân công.

ĐÀO KÊNH LÀ VIỆC
NÊN LÀM NHƯNG CHIẾN
TRANH VỪA KẾT THÚC,
CHÚNG TA CẦN CÀY
CÂY, SỬA SANG
NHÀ CỦA.

DỨNG
THÊ!

LÀM TỦ TÈ
VÀO! CẨM
NÓI CHUYỆN
RIÊNG!



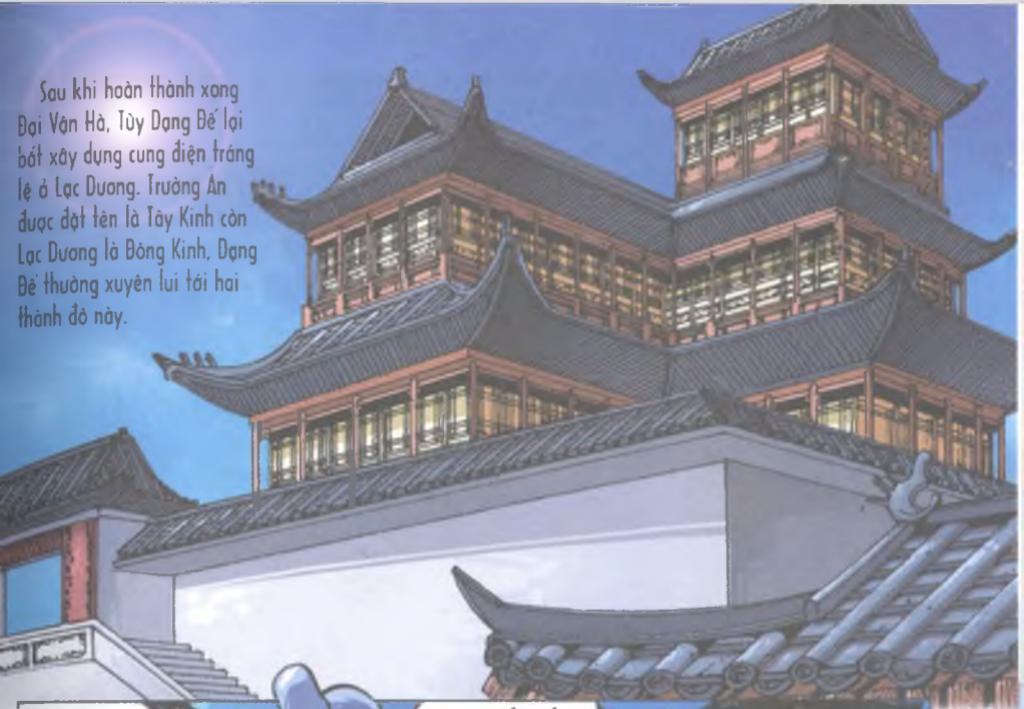


Điều đó cũng là một khía cạnh của bài văn khai
vết d'hour où le temps des hommes est épuisé. Trong k-
hông khai phán rằng khung giờ để ta học là 100% thời gian

Năm 611, Tùy Dạng Đế dùng lối
8 vạn người kéo thuyền rồng ó
hai bên bờ để đi xem Đại Vận Hà
mới khai thông.



Sau khi hoàn thành xong
Đại Vận Hà, Tùy Đặng Bé lại
bắt xây dựng cung điện tráng
lệ ở Lạc Dương. Trường An
được đặt tên là Tây Kinh còn
Lạc Dương là Đông Kinh. Đặng
Bé thường xuyên lui tới hai
thành đô này.



LẠC DƯƠNG
TRỎ LẠI
SẨM UẤT
NHƯ XƯA.

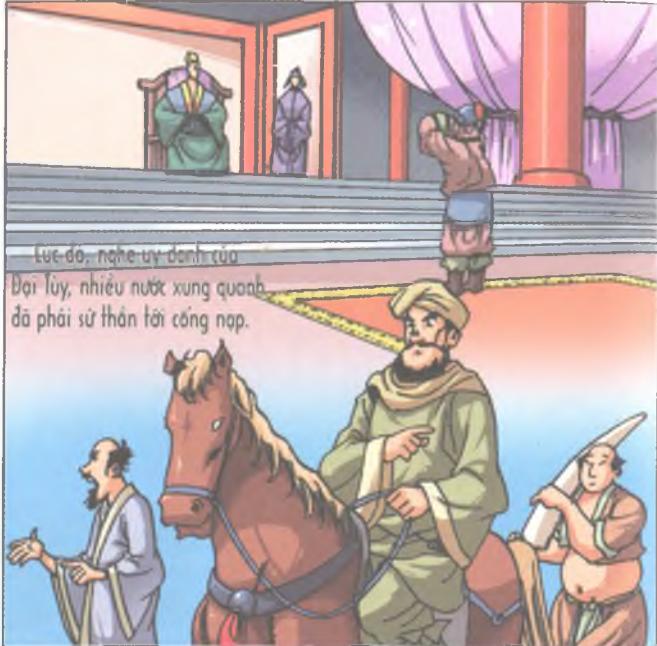
NGHE NÓI CÓ
NHỮNG ĐOÀN
THƯƠNG NHÂN
LỚN ĐÊN TỪ
TRƯỜNG AN.



ĐẠI TÙY ĐÃ
LÀ CƯỜNG QUỐC
ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ.

TA MUỐN UY DANH
CỦA NHÀ TÙY VÀNG
XA CHẨN ĐỘNG
BỒN BỀ.

BẾ HÀ, CÁC
NƯỚC CHỦ HẦU
PHƯƠNG BẮC
PHÁI SỨ GIÀ TỐI
CẨU KIỀN.



Năm 607, Nhật Bản
cũng phái sứ thần tới.



ĐÂY LÀ
GÌ?



THIÊN TÚ ĐẤT NƯỚC
MẶT TRỜI MỌC GỬI
THƯ, KHÔNG BIẾT
THIÊN TÚ ĐẤT NƯỚC
MẶT TRỜI LẶN CÓ
ĐƯỢC AN KHANG
KHÔNG?



Bức thư đó do thái tử Shotoku
(Thánh Đức thái tử) gửi tới Tùy
Đặng Đế.

MỘT TIỂU
QUỐC PHƯƠNG
ĐÔNG NHỎ NHOI
MÀ DÁM KHINH
NHỜN TA.

DÙ NHẬT BẢN
DÁM TỰ XUNG
THIÊN TỬ
NHƯNG VẪN
CỐNG NẠP.

CÒN HƠN
NƯỚC CAO LY
NGÔNG CƯỜNG
KHÔNG TỚI
TRIỀU BÁI.



Khi đó bán đảo Triều Tiên gồm ba nước lớn là Cao Ly, Tân La và Bách Tế. Nước Cao Ly nằm ở phía Bắc thời đó lớn mạnh nhất, lỵ xung là Hảo Thái Vương*, chống lại nhà Tùy.



THÁI TỬ SHOTOKU VÀ SỨ THẦN

Năm 593, thiên hoàng Suika lên ngôi hoàng đế Nhật Bản, lập cháu ngoại làm hoàng thái tử, chính là thái tử Shotoku. Năm sau đó, thái tử Shotoku phò tá thiên hoàng Suika, nhiếp chính trong triều.

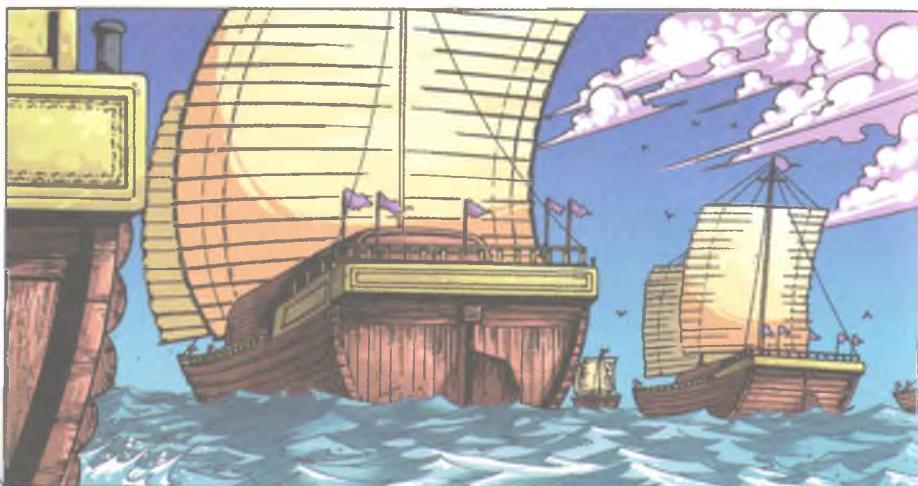
Ông sắp xếp các triều thần vào vị trí phù hợp với năng lực của từng người, cho ban bố 17 đạo sắc lệnh, được coi như bản hiến pháp, quy định cả quan lại lẫn dân chúng phải tuân theo. Năm 607, ông sai phái sứ thần tới Trung Hoa để đón quan hệ giao hảo.

Năm sau đó, Tùy Đặng Đế lệnh cho Bùi Thế Thanh cùng sứ thần về Nhật Bản để đáp lễ. Giao lưu giữa hai nước càng ngày càng sâu đậm.



*Là vua đời thứ 19 của nước Cao Ly.





GIẾT! GIẾT!
GIẾT!

ĐÁNH BẠI
QUÂN TÙY!

Năm 612, Tùy Dạng Đế phát động
đại quân lôi tấn công Cao Ly.



Lần viễn chinh
này có rất nhiều
binh sĩ bỏ trốn.



TÊN HOÀNG ĐỀ
DƯƠNG QUẢNG
CÒN SỐNG NGÀY
NÀO THÌ NGÀY
ĐÓ CHÚNG TA
CÒN KHỔ SỞ.

HÃY ĐỨNG
LÊN ĐẬP ĐỒ
BẠO CHÚA
DƯƠNG
QUẢNG.

Tình hình trong nước...

ĐẬP ĐỒ
TEN HỘN QUÂN!



Tùy Dạng Đế bắt sưu cao thuế nặng để có tiền
chinh phạt Cao Ly, khiến cho lòng dân phản ức,
liên tiếp xảy ra khởi nghĩa.

GIẾT! GIẾT!



Đại doanh nhà Tùy trên đất Cao Ly



SAO? TRONG
NƯỚC DÂY
BÌNH LÀM
PHẢN?

TÔ GAN
THẬT!



SAO LẠI CÓ KẺ
DẤM CHỐNG LẠI
TRẦM?

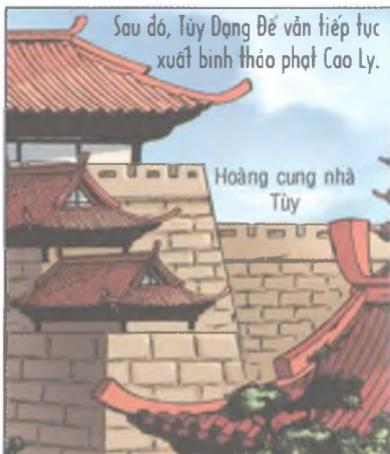
NHƯNG,
NHƯNG...



Hừ!

PHẢI ĐẨN
QUÂN VỀ
TRẦN ÁP
PHẢN LOẠN
NGAY...







Năm 616, Tùy Dạng Đế dọc theo Đại Vận Hà ngao du tới Giang Đô nên đã cho đóng mới nhiều thuyền rộng.



Nhà Đường lập quốc

Trong nhiều đao quan nổi
dậy chống nhà Tùy, thế lực
của Lý Uyên mạnh nhất.

PHỤ THÂN, BÂY
GIỜ ĐÃ LÀ LÚC
LẬT ĐỔ NHÀ
TÙY.

LÝ
KIẾN
THÀNH

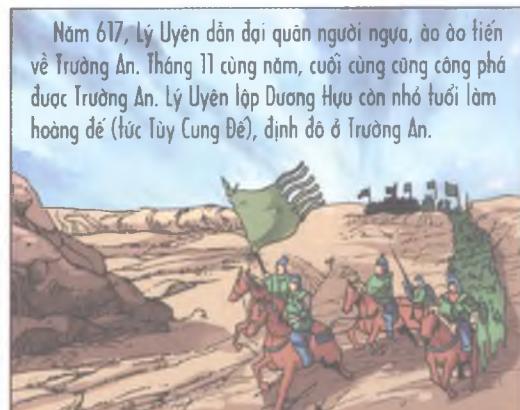
LÝ THẾ DÂN

Hành cung của
LÝ UYÊN

NHÀ TÙY
HÀNH ĐỘNG
NGANG NGƯỢC,
ĐÚNG LÀ VÂN
SỐ ĐÃ TẬN.

CHÚNG TA LẬP
TỨC TẤN CÔNG
TRƯỜNG AN.

Năm 617, Lý Uyên dẫn đại quân người ngựa, ào ào tiến về Trường An. Tháng 11 cùng năm, cuối cùng cũng công phá được Trường An. Lý Uyên lập Dương Hựu còn nhỏ tuổi làm hoàng đế (tức Tùy Cung Đế), định đô ở Trường An.







Năm 618, Tùy Dạng Đế chết ở
uyển cung tại Giang Bồ, thọ 50 tuổi.







Sau đó con thứ của Đường Cao Tổ là Lý Thế Dân tiếp tục bình định chiến loạn khắp nơi, cuối cùng thống nhất giang sơn.



Năm 620, sau khi Đóng Bát Quyet, họ đầu
đội, các nước này vục đầu phải số nhau rồi
lương án, trên Kinh Đường Thái Tông.

CHÚNG THẦN
ĐỀU TÔN BỆ
HẠ LÀM "ĐẠI
KHẨ HÂN".



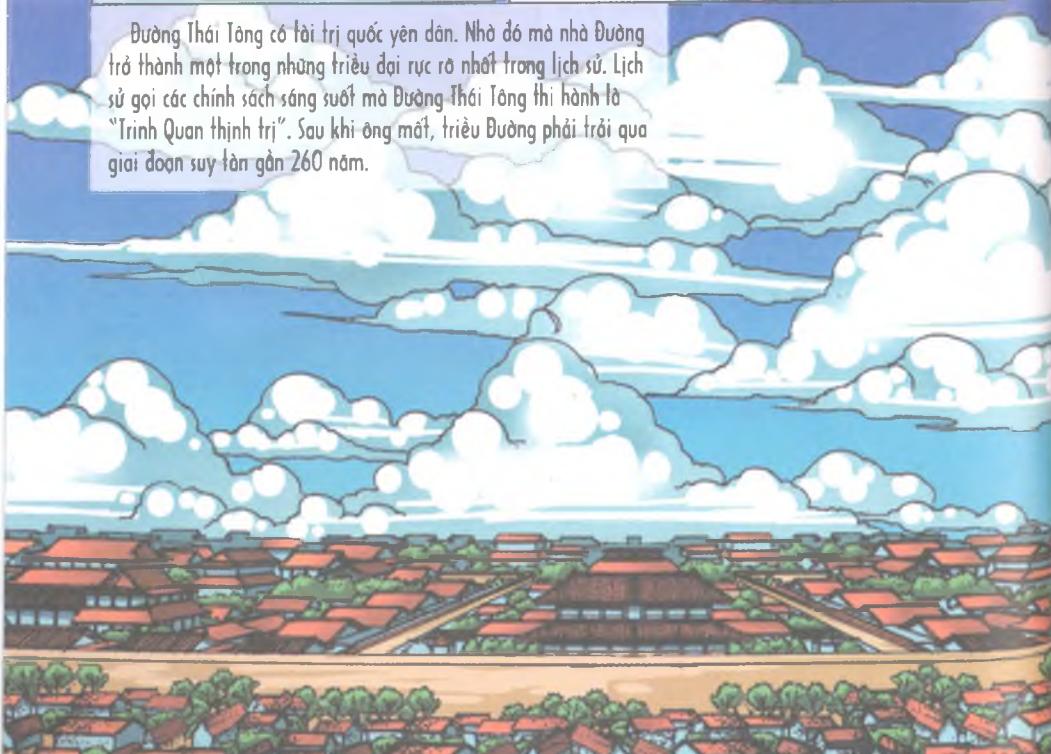
ĐẠI KHẨ
HÂN?



ĐẠI KHẨ HÂN
CÓ NGHĨA LÀ
HOÀNG ĐỀ KHẮP
THIÊN HÀ.

CHỈ CÓ
BỆ HẠ MỚI
XỨNG ĐÁNG VỚI
TÔN XỨNG ĐÓ.

Đường Thái Tông có tài trị quốc yên dân. Nhờ đó mà nhà Đường
trở thành một trong những triều đại rực rỡ nhất trong lịch sử. Lịch
sử gọi các chính sách sáng suốt mà Đường Thái Tông thi hành là
"Trinh Quan thịnh trị". Sau khi ông mất, triều Đường phải trải qua
giai đoạn suy tàn gần 260 năm.



Nhà Tùy thống nhất và nhà Đường lập quốc

Nhà Tây Tấn chỉ có thể thống nhất Trung Hoa trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Do nền chính trị thối nát, người Hung Nô mà dẫn đầu là Lưu Uyên dấy binh và tiêu diệt nhà Tây Tấn năm 316.

Năm 317, Tư Mã Duệ xây dựng lại nhà Tấn tại Kiến Khang, bình định vùng Giang Nam, lịch sử gọi là Đông Tấn. Năm 383, Tiết Tần sau khi thống nhất phương Bắc đã phát động tấn công phương Nam. Cuộc chiến Phi Thủy diễn ra ác liệt, kết quả là Đông Tấn lấy ít thắng nhiều. Tiết Tần sau khi bại trận, phương Bắc tan rã, hình thành thế đối nghịch giữa Bắc và Nam.

Năm 420, đại tướng Đông Tấn Lưu Dụ đoạt ngôi xưng đế, đặt quốc hiệu là Tống, nhà Ngô diệt vong. Sau đó, bốn triều đại Lưu Tống, Nam Tề, Lương, Trần lần lượt thay nhau thống trị phương Nam, lịch sử gọi đây là Nam triều. Mặc dù phương Nam tinh hình rối ren, bất ổn nhưng so với phương Bắc còn ổn định hơn, kinh tế cũng phát triển nhanh hơn. Phương Bắc đã hòa hợp được dân tộc dưới sự cai trị của Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế. Liền sau Bắc Tề là bốn triều đại Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu, sứ sách gọi là Bắc triều. Hai thế lực Bắc Nam đối lập nhau trong thời gian dài.

Dân ca Nam Bắc triều

Thời Nam Bắc triều cũng giống như nhà Hán, lập ra cơ quan chuyên biệt quản lý âm nhạc, gọi là nhạc phủ.

Dân ca của nhạc phủ Nam triều thu thập phần lớn dân ca còn được lưu giữ trong Thanh Thương Khúc. Thanh Thương Khúc là những khúc nhạc dân dã thời cổ, rất nhiều dân ca thường phổi nhạc khúc này để biểu diễn. Thanh Thương Khúc của Nam triều được chia ra làm nhiều loại, trong đó quan trọng nhất là Ngô Thanh Ca Khúc và Tây Khúc Ca, các bài dân ca đa phần thuộc hai loại này. Các loại dân ca hầu hết phản ánh sinh hoạt nơi thành hoa đô hội, hoàn toàn khác với dân ca nhạc phủ triều Hán chủ yếu phản ánh cuộc sống vùng thôn quê bình dị.

Dân ca nhạc phủ Bắc triều đa phần còn được gìn giữ trong Hoành Xuy Khúc. Hoành Xuy Khúc là âm nhạc dùng trong quân đội, thường hùng dũng và bi tráng, vì thế phong cách khác hẳn với nhạc phủ phương Nam.

Năm 581, Dương Kiên đoạt được quyền lực tối cao, lập ra nhà Tùy. Năm 589, nhà Tùy diệt nhà Trần, thống nhất giang sơn, kết thúc cục diện dài hơn 279 năm phân chia Nam Bắc từ sau khi nhà Tây Tấn suy vong. Nhà Tùy kiến quốc đặt nền móng cho thời đại nhà Đường thịnh trị. Sau khi lập quốc, nhà Tùy thi hành chế độ tam tinh lục bộ và chế độ khoa cử, cùng lúc đó giảm sưu thuế, phát triển sản xuất, nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đều có những bước phát triển nhanh chóng. Thời Tùy còn cho xây kênh đào Đại Vận Hà, xây dựng lại Lạc Dương vốn bị Đổng Trác thiêu trụi từ cuối đời Đông Hán.

Cùng với sự phát triển của kinh tế, giao cấp phong kiến thống trị bắt đầu ngày càng mục ruỗng, đặc biệt là vào đời Tùy Dạng Đế. Tùy Dạng Đế cho xây dựng hàng loạt công trình kiến trúc, thường xuyên tuần du Giang Nam, lạm dụng quân lính bừa bãi, nhân dân đối khổ chỉ biết kêu trời. Cuối cùng nhà Tùy cũng bị khởi nghĩa nông dân lật đổ.

Năm 618, Lý Uyên xưng đế, lập ra nhà Đường, định đô tại Trường An. Lúc này lịch sử Trung Hoa mới chính thức bước vào thời đại mới phồn thịnh.

Hai miền Nam Bắc hình thành thế lực đối lập, nhưng vẫn có sự giao lưu văn hóa. Ngô Thanh và Tây Khúc của Nam triều được truyền bá vào Bắc triều vào thời Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế và Tuyên Vũ Đế, trở thành một trong những hình thức giải trí mà tầng lớp thương lưu Bắc triều yêu thích.

Số lượng dân ca nhạc phủ Bắc triều ít hơn nhiều so với dân ca Nam triều, nhưng nội dung phong phú hơn. Chúng phản ánh muôn mặt cuộc sống, chứ không đơn điệu như Ngô Thanh hay Tây Khúc. Có thể xem đó là những ghi chép cuộc sống của người dân du mục, thể hiện tính cách thẳng thắn cương trực của dân phương Bắc, đồng thời mang hơi hướng cảnh sắc và đất đai phong tục nơi đây.

Dân ca nhạc phủ Nam Bắc triều mở ra một con đường mới cho những từ thơ ngũ ngôn, thất ngôn tuyệt cú.



Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế

Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế tên húy là Thác Bạt Hoành, là con trai trưởng của Hiến Văn Đế, sinh năm 467, đăng cơ năm 471, tự mình điều hành chính sự năm 490.

Sau khi chấp chính, ông tiếp tục đẩy mạnh những chính sách cải cách của Phùng thái hậu, còn bắt chấp ý kiến số đông quần thần để dời đô về Lạc Dương, rồi sau đó thực hiện một loạt cải cách. Đầu tiên là cải cách về tập quán, như thay đổi họ tên, tự đổi họ cho mình từ Thác Bạt thành Nguyên, lấy tên là Hoành. Hơn nữa còn ra chiếu nhấn mạnh rằng, người dân tộc Tiên Ti chỉ có thể kết hôn với những gia đình dòng dõi người Hán, cấm ăn mặc và sử dụng ngôn ngữ Tiên Ti. Thứ hai là cải cách kinh tế, chủ yếu tiếp tục thực hiện chế độ quản điền mà Phùng thái hậu đã ra, chỉnh đốn lại hệ thống quan lại rườm rà phức tạp giữa người Hồ và người Hán, xây dựng cả một cơ cấu tổ chức từ trung ương tới

dịa phương. Ông còn cải cách luật, bỏ đi những hình phạt tra tấn dã man trong luật cũ.

Thông qua cải cách, nền thống trị vốn mang màu sắc dân tộc đã dần chuyển sang hình thức cai trị kiểu Hán hóa, nhờ đó mà dung hòa được các màu thuần dân tộc, nền thống trị của Bắc Ngụy được củng cố vững mạnh.



Cải cách của Tùy Văn Đế

Từ sau Nam Bắc triều, cục diện chính trị hỗn loạn, bất lợi cho việc cai trị.

Năm 583, Tùy Văn Đế áp dụng một loạt các kiến nghị của binh bộ thượng thư Dương Thượng Hi. Ông tiến hành cải cách theo phương châm “Muốn không diệt vong, khuyết nhược cần bồi. Sức ta tuy nhỏ, đoàn kết khắc nén”, thay đổi diện mạo “Quan nhiều quản dân ít, chín người chǎn mười đê”. Ông ra lệnh bãi chế độ các quận và chia các địa phương thành châu và huyện (Thời Tùy Dạng Đế đổi châu thành quận), lập ra các chức thích sử châu và huyện lệnh.

Sau khi phân cấp châu huyện, thích sử châu tương đương với thái thú quận trước đây. Thích sử nhà Tùy ngoài các châu ở vùng biên cương, còn lại đều chỉ quản việc dân sinh, không nắm quản quyền, điều này có lợi cho chính quyền trung ương.

Để tăng cường quản lý và kiểm soát quan lại địa phương, Tùy Văn Đế quy định quan địa phương cùu phẩm trở lên đều do Sử bộ của



triều định bãi miễn hay phong chức, hàng năm đều phải cần được Sử bộ sát hạch, quan lại không được nhậm chức tại chính địa phương, mỗi nhiệm kì chỉ kéo dài ba năm. Chính những cải cách này đã giảm thiểu quyền hành của quan lại châu huyện, tăng cường sự kiểm soát của trung ương với địa phương.

Tùy Văn Đế còn quy định, khi nhậm chức, không được mang theo cha mẹ và con trai trên 15 tuổi, đây cũng là biện pháp kiểm soát gắt gao quan lại địa phương.

Cải cách của Tùy Văn Đế khiến trung ương đầu não lớn mạnh, củng quyền lực ở địa phương suy yếu, củng cố nền thống nhất của nước nhà. Những chế độ và quy định này đã được nhà Đường áp dụng theo.

Tam tinh lục bộ

Tùy Văn Đế phế bỏ chế độ lục quan của Bắc Chu, kết hợp với chế độ quan lại của hai triều Hán, Ngụy. Triều đình thiết lập tam sự, tam công, ngũ tinh (gồm nội sử, môn hạ, thượng thư, bí thư, nội thị). Dưới thượng thư tinh là lục bộ gồm Sử, Lễ, Công, Bình, Đô quan (sau này là Hình bộ), Đô chi (sau này là Hộ bộ). Tam sự, tam công, là những phẩm hàm được trọng vọng, nhưng không nắm quyền chính. Tam tinh (nội sử, môn hạ, thượng thư) cùng lục bộ mới nắm quyền điều hành xử lý việc quốc gia đại sự, người ta gọi đó là chế độ tam tinh lục bộ.

Quan đứng đầu tam tinh: nội sử tinh có hai nội sử lệnh, môn hạ tinh gồm hai nạp ngôn, thượng thư tinh gồm hai thượng thư lệnh và tá hữu bộc xạ mỗi chức một người. Nội sử tinh có trách nhiệm khởi thảo chiếu lệnh, đề ra các quyết sách; môn hạ tinh có vai trò phản biện và kiểm tra, là cơ quan thẩm định tâu chiếu;

thượng thư tinh là cơ quan hành pháp, thực hiện quyết sách, lục bộ bên dưới xử lý các công việc thường ngày, các viên quan đứng đầu lục bộ gọi là thượng thư.

Tùy Văn Đế lập ra tam tinh lục bộ, phân rõ quyền hạn cho tam tinh nắm quyền lực trung ương, quan đứng đầu tam tinh là tể tướng. Tam tinh lần lượt giữ vai trò khởi thảo, thẩm duyệt và thực hiện. Tam tinh ràng buộc nhau, bổ sung cho nhau, cùng phò tá hoàng đế.

Tam tinh lục bộ thể hiện rõ việc tăng cường tập quyền trung ương, có ảnh hưởng sâu sắc đến thể chế chính trị của nhà Đường sau này, đặc biệt là lục bộ được áp dụng cho tới cuối đời nhà Thanh.



Tùy Văn Đế giản dị, yêu dân

Tùy Văn Đế sống rất tiết kiệm. Thời đó, những móc treo mành, treo trường đều được làm từ bạc trắng, đại thần Tô Uy nói với Tùy Văn Đế rằng: "Tiết kiệm là đức tính tốt từ xưa đến nay. Dùng mộc treo mành, treo trường bằng bạc quá xa xỉ, xin bệ hạ hãy cho chấn chỉnh lại." Tùy Văn Đế bèn nghe theo: "Ái khanh nói rất đúng, ta không chú ý đến việc này, không chỉ là cái móc mà toàn bộ đồ dùng trong cung nếu lãng phí đều cần thay đổi."

Có lần, thái tử Dương Dũng mặc một bộ giáp oai phong, Tùy Văn Đế thấy vậy không vui, nói rằng: "Những bậc đế vương trước kia nếu chỉ để ý tới ăn mặc thì không thể an bang trị quốc. Con thân là thái tử, sao lại xao nhãng chuyện quốc gia đại sự, để tâm vào mấy chuyện ăn vận, chơi bời?"

Tính tiết kiệm của Tùy Văn Đế làm gương cho tất cả xã hội thời bấy giờ. Những thư sinh đọc sách cũng chỉ mặc áo vải lanh, không mặc lụa là gấm vóc, những đồ trang sức đi kèm chỉ làm

từ đồng, xương thú hay sừng trâu, chứ không dùng vàng bạc, ngọc ngà.

Có năm, vùng Quan Trung xảy ra hạn hán, Tùy Văn Đế phái người đi xem bách tính ăn uống, sinh sống ra sao. Người đó trở về và nói với ông rằng dân chúng chỉ ăn cám gạo. Tùy Văn Đế thấy vậy rưng rưng nước mắt, nói với các đại thần: "Bách tính phải ăn đói, mặc rét là do ta kém cỏi. Từ nay ta sẽ không ăn thịt, không uống rượu nữa." Ròng rã hơn một năm sau đó, Tùy Văn Đế không uống một ngụm rượu, không ăn một miếng thịt nào.

Cùng lúc đó, Lạc Dương mùa màng bội thu, Tùy Văn Đế đích thân dẫn theo bách tính Quan Trung tới Lạc Dương để tránh nạn đói. Tùy Văn Đế sống tiết kiệm giản dị, thấu hiểu nỗi khổ của dân chúng, là một vị hoàng đế hiếm có trong lịch sử.



Dương Quảng bày mưu tính kết tranh làm thái tử

Dương Quảng là con thứ của Tùy Văn Đế, rất thông minh nhanh nhẹn, tài năng xuất chúng, nhòm ngó ngai vàng từ lâu, từng bước tính kế cẩn thận chu toàn. Hắn giả vờ mình là người tiết kiệm, không màng tới ăn uống hưởng lạc, rất hiểu lễ nghĩa, đối nghịch với thái tử Dương Dũng vốn sống tuỳ tiện, vì vậy rất được lòng Tùy Văn Đế và Văn Hiến hoàng hậu.

Dương Quảng khi ấy còn kéo bè cánh với quyền thần Dương Tố, để người này nói tốt cho mình và bôi xấu thái tử Dương Dũng trước mặt hoàng đế. Dần dần, cả hoàng đế và hoàng hậu đều xa lánh thái tử, huynh đệ dè chừng, chỉ muốn ăn tươi nuốt sống nhau, Dương Dũng rơi vào thế cô lập. Để tránh bị phế truất, Dương Dũng đánh liều tìm cách vớt vát bằng ma thuật. Tùy Văn Đế biết được bèn phái Dương Tố tới kiểm tra. Dương Tố về bẩm báo rằng thái tử trong lòng ôm hận, xin Tùy Văn Đế nên cẩn thận để phòng bất trắc. Văn Hiến hoàng hậu tìm đủ mọi cách moi móc thông tin bất lợi cho thái tử, rót vào tai Tùy Văn Đế chuyện phế thái tử.

Tùy Văn Đế vốn rất yêu thương thái tử nhưng do nghe nhiều lời nói khích bác, mua dâm thầm lâu nên cuối cùng cũng lập Dương Quảng làm thái tử.

Tùy Dạng Đế xây cất hoang phí

Tùy Dạng Đế lên ngôi vua không bao lâu bèn cho xây dựng lại Lạc Dương. Công trình này kéo dài một năm ròng, mỗi tháng có tới 2 triệu thợ phải phu dịch. Tất cả các khối đá tinh xảo, hoa thơm cỏ lá khắc nơi đây đều được tập kết để tôn tạo Lạc Dương.

Tùy Dạng Đế còn chuyển hàng vạn hộ dân và các hộ phú thường vào Lạc Dương, để cho cảnh sắc nơi này sầm uất náo nhiệt.

Tùy Dạng Đế lại cho xây dựng Tây Uyển ở phía Tây Lạc Dương. Tây Uyển rộng hơn 200 dặm, bên trong cho đào đất làm biển nhân tạo, trên đó cho xây cất ba ngọn núi trong truyền thuyết là Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu, cho xây đắp đinh dài lầu gác trên núi... vô cùng tráng lệ. Không chỉ có thế, vào mùa hoa cỏ lụi tàn, Dạng Đế còn cho cắt hoa lá bằng lụa màu để trang trí, ngay cả trong hồ cũng có những bông sen bằng tơ lụa, thế nên kể cả vào mùa đông, Tây Uyển vẫn rực rỡ sắc màu.

Vì việc xây dựng quy mô lớn nên hao tổn sức người và của cải của dân chúng, quốc kho trống rỗng nên dân chúng ai oán.



Tùy Dạng Bé xây dựng sông đào Đại Vận Hà

Không chỉ xây dựng cung điện ở khắp mọi nơi, Tùy Dạng Đế còn thích ngao du sơn thủy, tuần thú. Tại vị 15 năm, nhưng Đạng Đế ở Trường An chưa đầy một năm.

Năm 605, Dạng Đế hạ lệnh xây dựng kênh đào Đại Vận Hà. Đại Vận Hà phía Bắc kéo tới tận Bắc Kinh ngày nay, phía Nam tới Chiết Giang, Hàng Châu. Hệ thống kênh đào này đảm bảo cung cấp lương thực cho Lạc Dương, cẩn thiết cho chiến lược quân sự, hơn nữa cũng thỏa mãn thú vui tuần thú Giang Nam của Tùy Dạng Đế. Nhưng của cải bô ra để thực hiện hầu hết lấy từ việc trưng thu ngang ngược, đem tới gánh nặng đè lên vai người dân. Vì thế các nhà sử học đều đánh giá có khen có chê với việc xây dựng Đại Vận Hà.

Những thế lực phản Tùy

Giai cấp thống trị nhà Tùy dần bị chia cắt trước sức tấn công như vũ bão của các cuộc khởi nghĩa nông dân với ba thế lực chủ yếu: quân Ngõa Cương, quân của Đậu Kiến Đức ở Hà Bắc và Đỗ Phục Uy ở Giang Hoài. Tướng quân, quan chức của các địa phương cũng lần lượt dấy binh: Năm 617 Lương Sư Đô tại Sóc Phương; Lưu Vũ Chu ở Mã Ấp; Tiết Cử ở Kim Thành; Lý Uyên ở Thái Nguyên; Lý Quỹ chiếm Hà Tây; Tiêu Tiễn ở Ba Lăng đánh chiếm Lưỡng Hồ. Các thế lực đều nhầm nhẹ tranh quyền làm chủ Trung Nguyên, giành lấy địa bàn rộng lớn mà nhà Tùy vừa mới tuột khỏi tay.

Chiến trận thời khai quốc nhà Đường

Khi nhà Đường lập quốc, các thế lực và phe cánh vẫn tiếp tục tranh giành lẫn nhau. Lúc đó uy hiếp nhà Đường chủ yếu có Tiết Cử, Lý Quỹ, Lưu Vũ Chu, khu vực Trung Nguyên còn có hai phe mạnh là Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Ngoài ra còn hàng loạt cuộc khởi nghĩa khác, có thể nói là khó khăn muôn trùng.

Tháng 6 năm 618 Lý Thế Dân dẫn quân Đường tấn công Tiết Cử ở Kim Thành, Tiết Cử chết, con là Tiết Nhân Cảo bại trận đầu hàng, quân Đường chiếm được Lũng Hữu.

Tháng 5 năm 619, nhà Đường dùng kế phản gián để bắt Lý Quỹ làm tù binh, không tổn một binh sĩ nào mà vẫn lấy được Hà Tây.

Khi Lý Uyên đánh vào Quan Trung, Lưu Vũ Chu cầu kết với Đột Quyết định tấn công Thái Nguyên, xua quân rời tận Hà Đông. Năm 620, Lý Thế Dân dẫn quân phản kích, tiêu diệt Lưu Vũ Chu.

Lúc đó quân Ngõa Cương cũng tan rã, hầu hết các quận huyện ở Sơn Đông đã đầu hàng nhà Đường, La Nghệ ở U Châu cũng quy thuận nhà Đường.

Tháng 7 năm 620, Lý Thế Dân dẫn quân tấn công Lạc Dương, Vương Thế Sung cầu viện Đậu

Kiến Đức. Tháng 2 năm 621, Đậu Kiến Đức dẫn quân cứu viện tới quyết chiến sống mái với Lý Thế Dân tại Hổ Lao. Tháng 5, Lý Thế Dân đánh bại Đậu Kiến Đức, bảy ngày sau Vương Thế Sung xin hàng.

Tháng 9 năm 621, quân Đường chiếm được Lưỡng Hồ của Tiêu Tiễn. Tiêu Tiễn đầu hàng ở Giang Lăng, không lâu sau, các vùng đất ở Lĩnh Nam cũng quy thuận.

Đỗ Phục Uy ở Giang Hoài đã sớm đầu hàng. Năm 622, ông được di lí về Trường An. Bộ tướng của Phục Uy là Phụ Công Thạch dấy binh làm phản vào tháng 8 năm 623, nhưng ngay năm sau đã bị trấn áp.

Năm 623, quân Đường còn trấn áp quân khởi nghĩa của Lưu Hắc Thát ở Hà Bắc. Viên Lương cát cứ Lỗ Nam và Cao Khai Đạo cát cứ Dực Bắc cũng lần lượt bại vong. Nhà Đường đã chiếm gọn cả Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Đông.

Lương Sư Đô dựa vào sự che chở của giới quý tộc Đột Quyết mới cát cứ được Sóc Châu. Vào năm 628, Đường Thái Tông dẫn binh tấn công và tiêu diệt Lương Sư Đô. Nhà Đường thống nhất cả Trung Hoa.

Sự biến Huyền Vũ Môn

Đường Cao Tổ Lý Uyên tuy là hoàng đế nhưng những người cầm quân giành lại thiên hạ lại là các con của ông. Trong đó, Lý Thế Dân chiến công hiển hách, có uy tín cao trong triều đình, thế lực cũng mạnh nhất. Thái tử Lý Kiến Thành và tứ hoàng tử Lý Nguyên Cát rất dố kị, luôn nghĩ cách ám hại. Thân tín của Lý Thế Dân đều khuyên ông ném ra tay trước để tránh bị muu hại, cuối cùng Lý Thế Dân cũng đồng ý.

Hôm đó, Lý Thế Dân cho quân mai phục ở cửa hoàng cung Huyền Vũ Môn, thừa cơ Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát đi qua sẽ ra tay giết chết. Một phi túc của Đường Cao Tổ biết chuyện bèn phái người thông báo với Lý Kiến Thành. Lý Kiến Thành ngay lập tức tìm Lý Nguyên Cát để cùng tới chỗ Đường Cao Tổ tố giác Lý Thế Dân. Họ vừa đi ngựa tới điện Lâm Hồ thì phát hiện xung quanh có điều gì đó bất thường, định quay đầu trở lại.

Lúc đó, Lý Thế Dân đột nhiên chạy tới hét lớn: "Xin hoàng huynh đừng bước, đệ có lời muốn nói."

Lý Kiến Thành không nghe, Lý Nguyên Cát

bắn ba mũi tên về phía Lý Thế Dân nhưng đều không trúng.

Lý Thế Dân kinh qua trăm trận, thân thủ nhanh nhẹn, võ công lợi hại, cũng bắn một mũi tên khiến Lý Kiến Thành chết tươi. Sau đó bộ tướng của Lý Thế Dân tới nơi, chặt đầu Lý Nguyên Cát.

Đường Cao Tổ đang chèo thuyền thì thủ hạ của Lý Thế Dân chạy tới bẩm báo: "Thái tử và Tề Vương làm phản, Tân Vương đã giết chết hai kè phản nghịch đó."

Đường Cao Tổ sợ thất thần. Sau khi trấn tĩnh lại mới nói với các đại thần: "Không ngờ lại xảy ra chuyện lớn như vậy, chúng ta nên làm sao đây?"

Các đại thần đều đồng thanh: "Kiến Thành và Nguyên Cát vốn chẳng có công lao gì, lại âm mưu hãm hại Tân Vương. Tân Vương bất đắc dĩ mới phải ra tay. Chỉ cần bệ hạ lập Tân Vương làm thái tử, để Tân Vương lo triều chính, thiên hạ sẽ thái bình."

Đường Cao Tổ bèn lập Lý Thế Dân làm thái tử. Hai tháng sau, Lý Uyên thoái vị, Lý Thế Dân đăng cơ làm hoàng đế.

Đường Thái Tông Lý Thế Dân

Đường Thái Tông Lý Thế Dân (597 – 649), là con trai thứ của Đường Cao Tổ Lý Uyên và là hoàng đế thứ hai của nhà Đường.

Sau khi lên ngôi, ông biết dứt rút bài học từ nhà Tùy, thực hiện chính sách giảm tô thuế, giảm nhẹ hình phạt... hoàn thành chế độ quân điền, "Tô, Dung, Điều" và binh phủ trên nền tảng của nhà Tùy trước đó, chú trọng thủy lợi, đóng vai trò tích cực cho việc phục hồi và phát triển kinh tế. Về chính trị, Đường Thái Tông tiếp tục cải tổ theo chế độ tam tinh lục bộ, đẩy mạnh khoa cử. Ông còn khiêm tốn nghe lời can gián, trọng dụng hiền tài, các nhân sĩ như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Nguy Chính đều xuất hiện trong thời kì này. Ngoài ra ông còn nhân rộng chính sách hoà hợp dân tộc, gả Võ Thành công chúa cho vua Thổ Phồn* là Tân Phổ Tông Tân Cán Bố, và câu chuyện này đã

được người đời sau truyền tụng tán dương.

Trong thời gian Đường Thái Tông trị vì, xã hội ổn định, chính trị trong sạch, kinh tế ngày càng phồn thịnh, nên được các sử gia khen ngợi là thời "Trinh Quan thịnh trị". Có điều những năm cuối đời, ông liên tục điều binh, trưng dụng thuế khóa nặng nề, đó là tì vết nhỏ cho cả cuộc đời của một vị hoàng đế tài giỏi.

Tháng 5 năm 649, vị quân chủ vĩ đại này đã vĩnh biệt cõi đời ở tuổi 52.



* Vua của người Tây Tạng.



Chương 3: Con đường tơ lụa và Huyền Trang đi lấy kinh

Nội dung chính:

Con đường tơ lụa

Từ thời Hán đã có con đường tơ lụa nối từ Đông sang Tây, Phật giáo cũng nhờ con đường này mà truyền bá vào Trung Hoa.

Huyền Trang đi lấy kinh

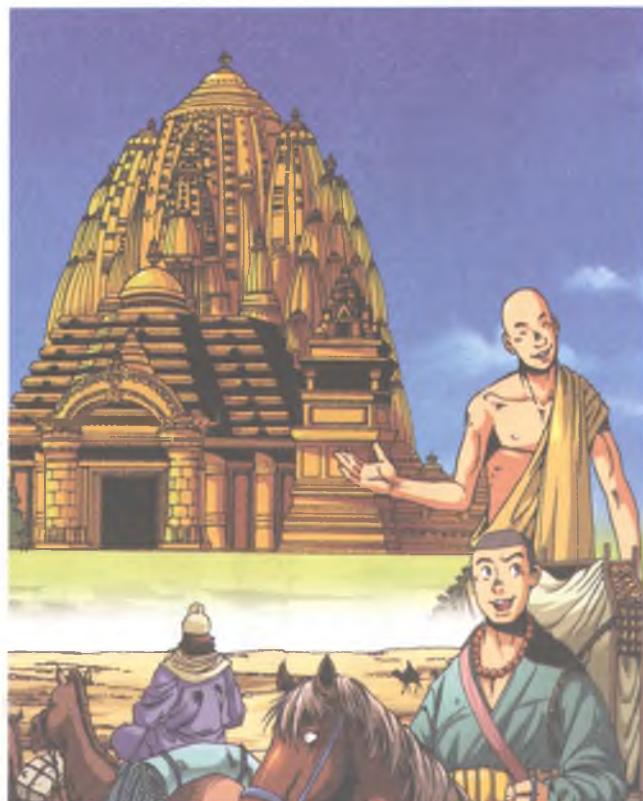
Để tìm thấy cội nguồn của giáo lí nhà Phật, sư Huyền Trang dời Đường đã không quản ngại đường xa vạn dặm tới Ấn Độ lấy kinh.

Phật giáo Đông du

Huyền Trang nhọc lòng học tập tại Ấn Độ, lịnh hội được sâu sắc giáo lí nhà Phật, có công hiến lớn lao cho việc truyền bá đạo Phật sang phương Đông.

Phật giáo phát triển tại Trung Thổ

Đạo Phật sau khi được truyền bá, trải qua nhiều thăng trầm cuối cùng cũng phát triển rực rỡ vào đời Đường.



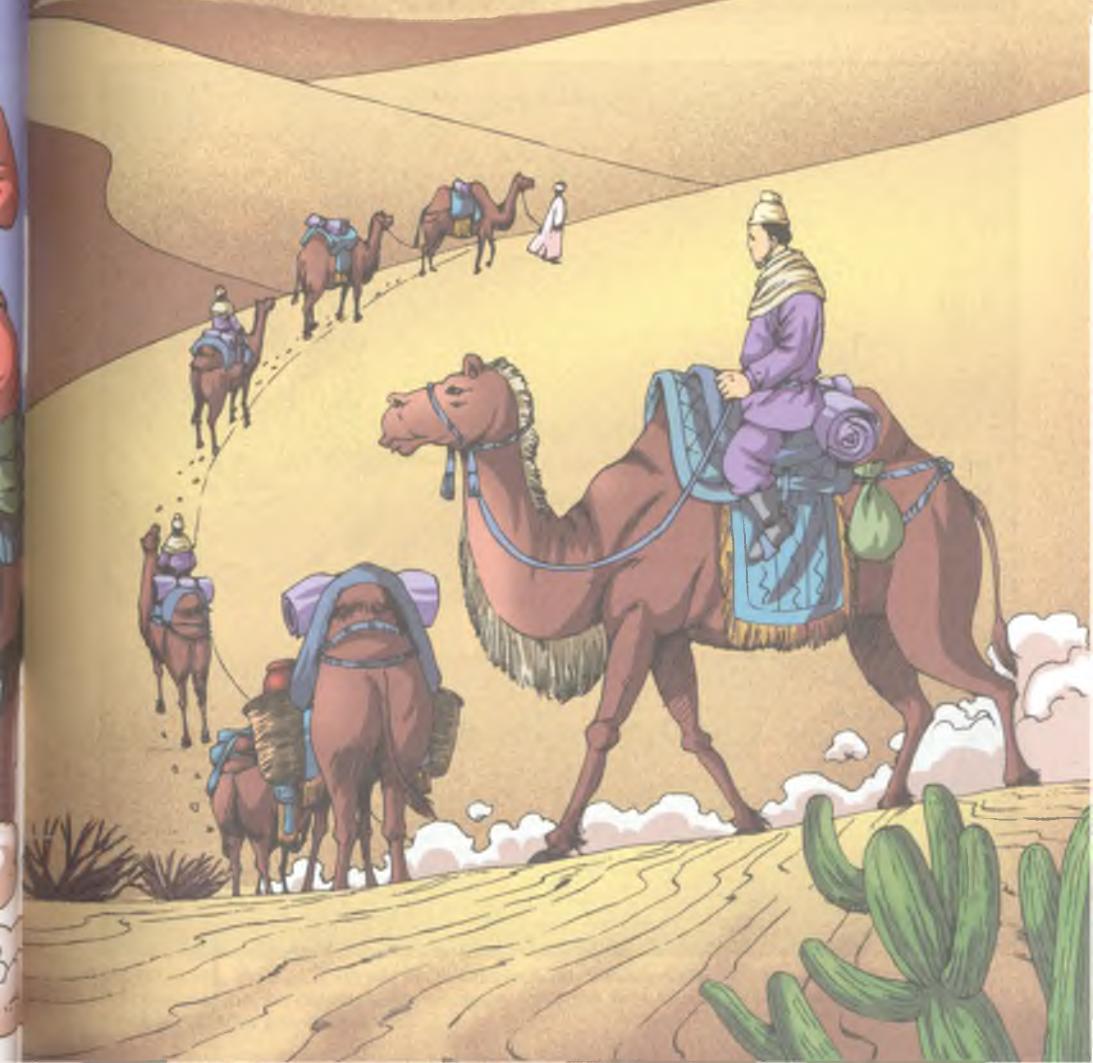
Con đường tơ lụa

Từ Trường An - đô thành nhà Đường, ngang qua đại lục Á Âu, tới tận đế quốc Đông La Mã ở phía Tây, con đường nối thông Đông Tây này được sử sách gọi là "con đường tơ lụa".

THƯƠNG NHÂN ĐỀU
VẬN CHUYỂN TƠ LỤA
BẰNG CON ĐƯỜNG NÀY
NÊN NÓ MỚI CÓ TÊN
NHƯ VẬY.



Thực ra trước khi nhà Đường ra đời khoảng 1.000 năm, các thương nhân Đông Tây đã bắt đầu buôn bán với nhau. Phật giáo, Mani giáo (Minh giáo), Hồi giáo, Cảnh giáo... theo chân các thương nhân du nhập vào Trung Hoa qua con đường tơ lụa, vì thế con đường này đóng một vai trò vô cùng quan trọng.

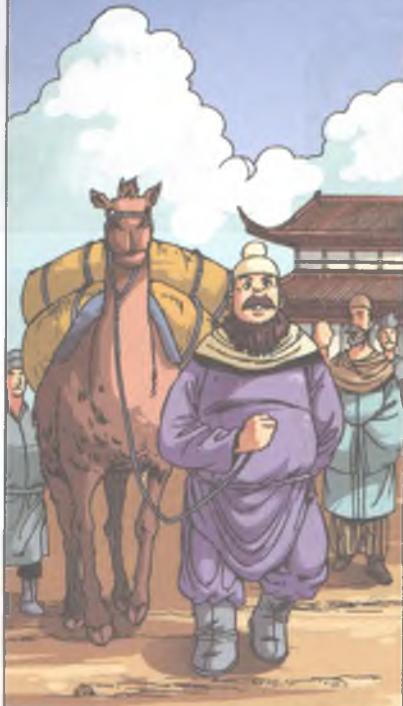




*Cứ điểm mà Hán Vũ Đế xây dựng khi viễn chinh Tây Vực vào năm 111 TCN, là cửa ngõ vào Tây Vực, cũng chính là nơi Phật giáo thịnh trị. Hang Mạc Cao ở Đôn Hoàng còn có rất nhiều bức bích họa tượng Phật. Sa Châu ở đây cũng chính là Đôn Hoàng.

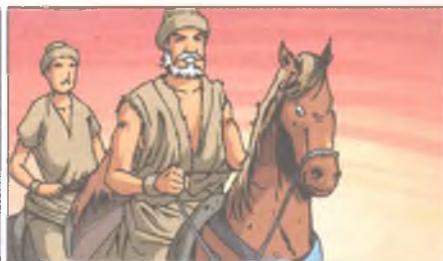


Chợ Trường An hội tụ tất cả những đồ quý giá, trân châu bảo ngọc Đông Tây.



NHIỀU HÀNG QUẢ!

Còn đường này là nút giao thông trọng yếu giữa Đông và Tây, chuyên chở đồ lót tắm của Trung Hoa nên được mệnh danh là con đường tơ lụa.

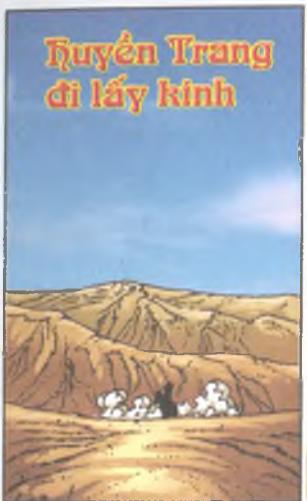


CHÚNG TA VƯỢT NGÀN DẶM XA XỐI TỚI TRUNG HOA.

Các cao tăng đến từ Tây Vực
truyền bá đạo Phật vào Trung Hoa.



Huyền Trang đi lấy kinh





Năm 26 tuổi, Huyền Trang lên đường sang Thiên Trúc.

ĐẾN
THIÊN TRÚC,
TA SẼ LĨNH HỘI
ĐƯỢC ĐẠO PHẬT
DÍCH THỰC.

Vài ngày sau, Huyền Trang đã tới Ngũ Môn Quan, đất mũi phía Tây của nhà Đường.



VÀNG, ĐẠO PHẬT CÓ
QUẢ NHIỀU TỔNG PHAI,
BẢN TẶNG KHÔNG
BIẾT TỔNG PHAI NÀO
MỚI LÀ GIÁO LÝ
DÍCH THỰC.

VÌ THỂ
MONG TỚI
THIÊN TRÚC
ĐỂ TÌM HIỂU
RỎ NGỌN
NGÀNH.





Sau khi qua Ngoc Môn Quan, Huyền Trang đi vào vùng sa mạc hoang vu, con đường tới Thiên Trúc còn quá xa...





Khoảng mười ngày sau khi ra khỏi Ngũ Môn
Quan, Huyền Trang bắt đầu chuyến hành trình
gian khổ, tới Y Châu (nay là Hami, Tân Cương).

Huyền Trang gặp được người nước
Cao Xuong, vua nước này là một tín
đồ jungle đạo Phật.

HUYỀN TRANG ĐẠI
SƯ, CẢ NƯỚC TÔI
ĐANG BÀN TÁN XÔN
XAO CHUYỆN VỀ
NGƯỜI.

QUÂN CHỦ
CỦA TỆ QUỐC
RẤT NGƯỜNG
VỌNG MUỐN
GẶP MẶT NGƯỜI.

XIN LỖI, BẦN
TĂNG PHẢI
LÊN ĐƯỜNG...

CHỈ PHIẾN
NGƯỜI NÁN
LẠI VÀI
NGÀY
THÔI.

ĐƯỢC THÔI!

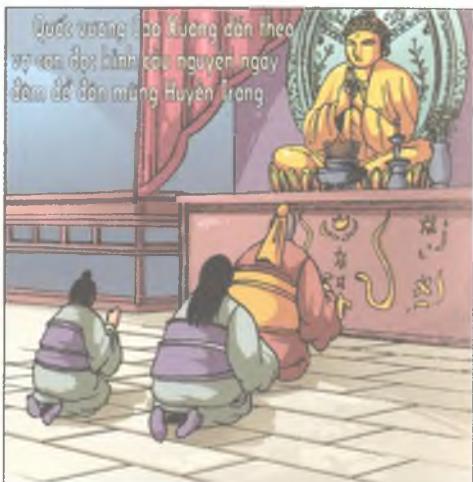
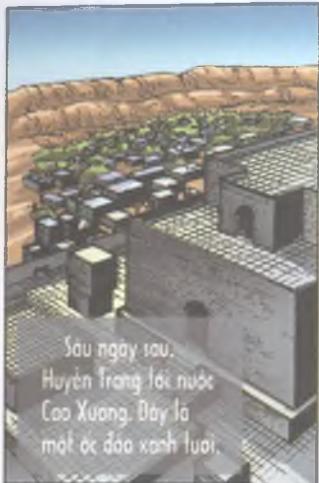
Lời mời nhiệt thành của nhân dân nước
Cao Xuong làm Huyền Trang cảm động,
ông đã cùng họ tới nước Cao Xuong.

Trên đường tới Cao Xương, Huyền Trang
cùng đoàn người đi qua Hóa Diệm Sơn, nơi
nóng nhất trên con đường tơ lụa.

NGỌN NÚI NÀY
GIỐNG NHƯ MỘT CÁI
LÒ LỬA ĐANG CHÁY,
NGAY CẢ GIÓ CŨNG
NÓNG HẨM HẤP.

HA HA HA,
CHO NÊN MỚI
TÊN LÀ HÓA
DIỆM SƠN.



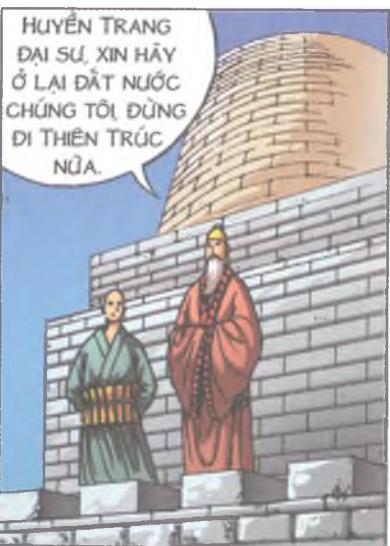


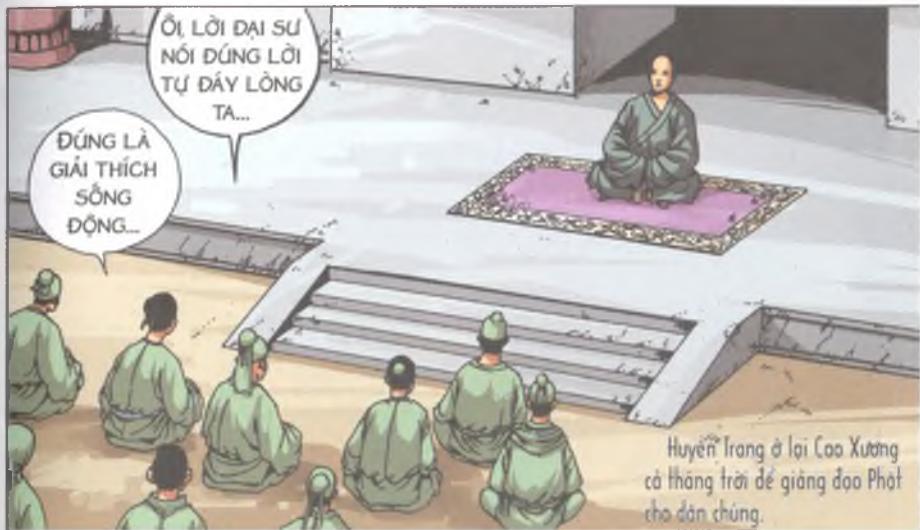
HUYỀN TRANG
ĐẠI SƯ HÔM QUA
CÓ NGỦ ĐƯỢC
KHÔNG?

HÔM NAY TA
MUÔN DẪN ĐẠI
SƯ ĐI THAM
QUAN ĐẤT
NƯỚC CAO
XƯƠNG.

ĐẤT NƯỚC CHÚNG
TÔI LÀ ÔC ĐẢO XANH
TƯƠI GIỮA SA MẠC,
GIÚP NHỮNG NGƯỜI
KHÁCH NGANG QUA
VỰC LẠI TINH THẦN.

NƯỚC
CHÚNG TÔI LÀ
NƠI MÀ THƯƠNG
NHÂN MUỐN TỚI
ĐẠI ĐƯỜNG PHẢI
ĐI QUA.

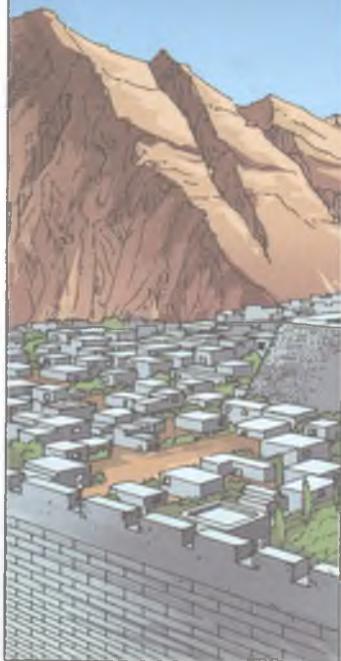




Vua nước Cao Xương tặng cho Huyền Trang rất nhiều vàng bạc châu báu, 30 con ngựa và 25 người hầu, còn gửi thư cho vua của 24 nước Huyền Trang đi qua xin nhờ trợ giúp.

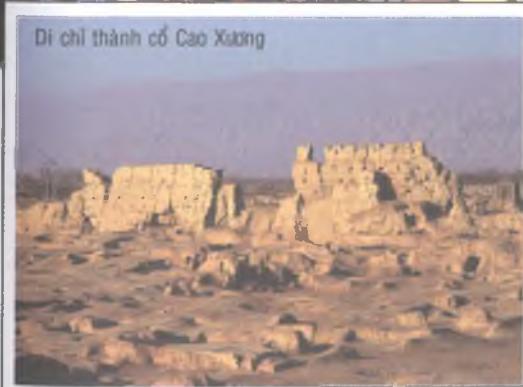


Nhưng sau khi Huyền Trang đi khỏi, Cao Xương và Đại Đường xảy ra xung đột tranh giành quyền thống trị Tây Vực.



Năm 640, Đường Thái Tông hạ lệnh đánh Cao Xương.





Thành cổ Cao Xương trong tiếng Duy Ngô Nhĩ là "thành phố Vua" (Qara-hoja).

Thành phố có vị trí địa lí quan trọng, giao thông thuận lợi, sau đó phát triển thành thương hội quốc tế lớn và trung tâm tôn giáo của Tây Vực thời Trung Hoa cổ đại, cũng là một trong những trung tâm in ấn lớn nhất châu Á.

Ngày nay chỉ là một đồng đất nát, gần như không còn dấu vết của sự phồn thịnh nữa.



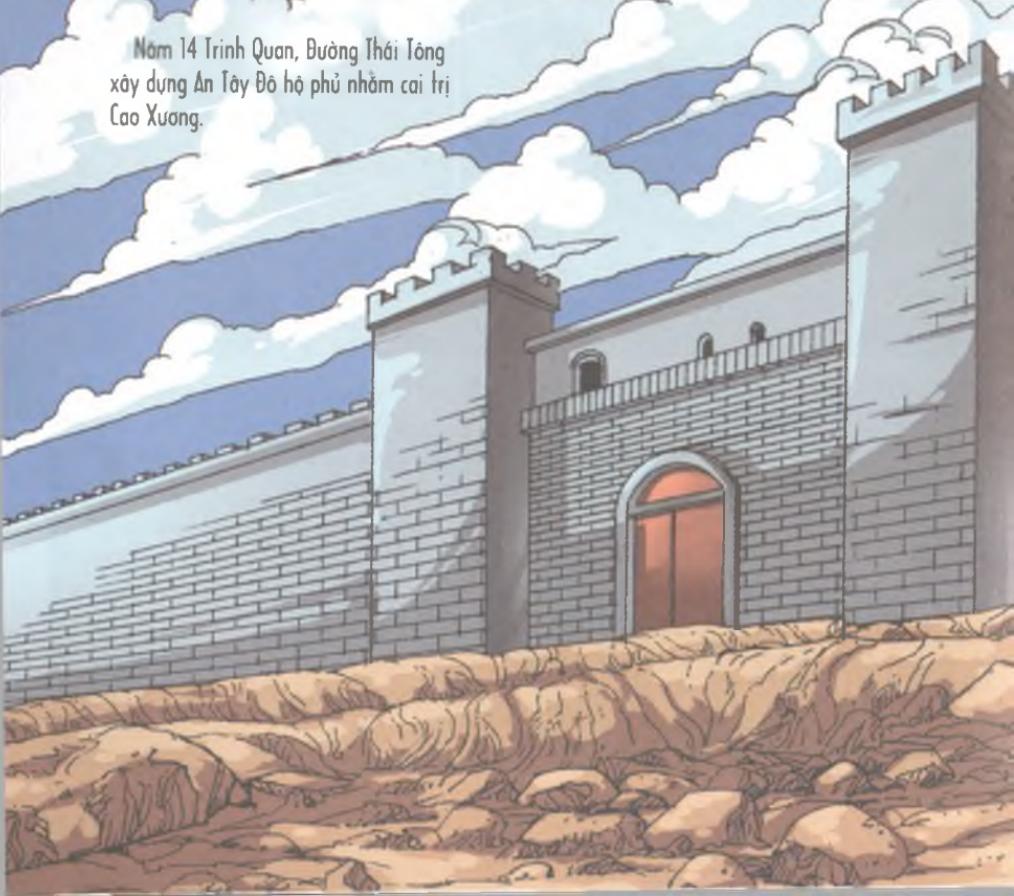
Trường An



BÊ HẠ, NƯỚC CAO
XƯƠNG CHẮNG CÓ
TÀI NGUYÊN GÌ,
CHIỀM NƯỚC ẤY
THÌ ĐƯỢC LỢI GI
CHÚ?

NƯỚC CAO XƯƠNG KIỂM
SOÁT CON ĐƯỜNG GIAO
THƯƠNG GIỮA NƯỚC TA VÀ
TÂY VỰC, CHO NÊN LÀ MỐI
DE DỌA TIỀM TẦNG
VỚI NƯỚC TA.

Năm 14 Trinh Quan, Đường Thái Tông
xây dựng Án Tây Đô hộ phủ nhằm cai trị
Cao Xương.



Đoàn người của Huyền Trang trước khi đến nước Quy Tú lớn sùng đạo Phật đã gặp cuộp, tất cả tài sản đều bị cuộp sạch, chỉ may mắn giữ được mạng sống.



Đoàn thính kinh ở lại Quy Tú hơn hai tháng rồi tiếp tục lên đường. Vì núi non hiểm trở, khí hậu lạnh lẽo, nên cả đoàn người phải đối mặt với những nguy hiểm và khó khăn lột bóc.



Sau bảy ngày trên núi cao, rất nhiều người ngựa đều bị chết rét.



CHỈ CẦN TỚI
ĐƯỢC THIÊN
TRÚC, NÚI CAO DÙ
HIỂM TRỞ, LẠNH
GIÁ, TA CŨNG PHẢI
VƯỢT QUA.







XIN HỎI NƠI
NÀY TRƯỚC ĐÂY LÀ GÌ?

NGHE NÓI
TRƯỚC ĐÂY
LÀ MỘT NGÔI
CHÙA THỜ
PHẬT.

NGÀY XƯA CÓ VÀI
VỊ CAO TĂNG Ở ĐÂY
NÊN TÍN ĐỒ KHẮP NƠI
ĐỀU MỘ DANH MÀ TỐI
CHIÊM BÁI...

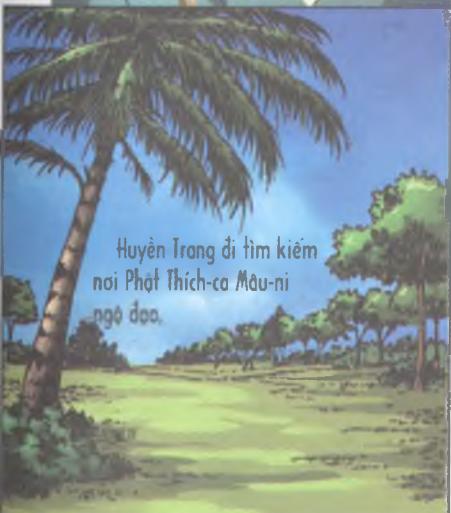
KHÔNG
NGỜ LẠI
THÊ NÀY...



CHÙA NÀY
GIỜ CHỈ CÒN
LÀ MỘT ĐỒNG
HOANG TÀN...



Huyền Trang đi tìm kiếm
nơi Phật Thích-ca Mâu-ni
ngộ đạo.



AI!
ĐÂY LÀ CÂY
BỔ ĐỂ NƠI
ĐỨC PHẬT
NGỘ ĐẠO.

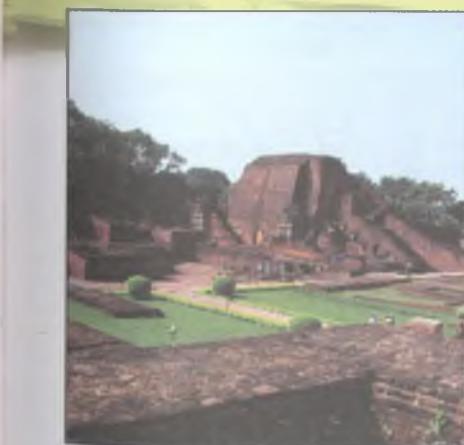
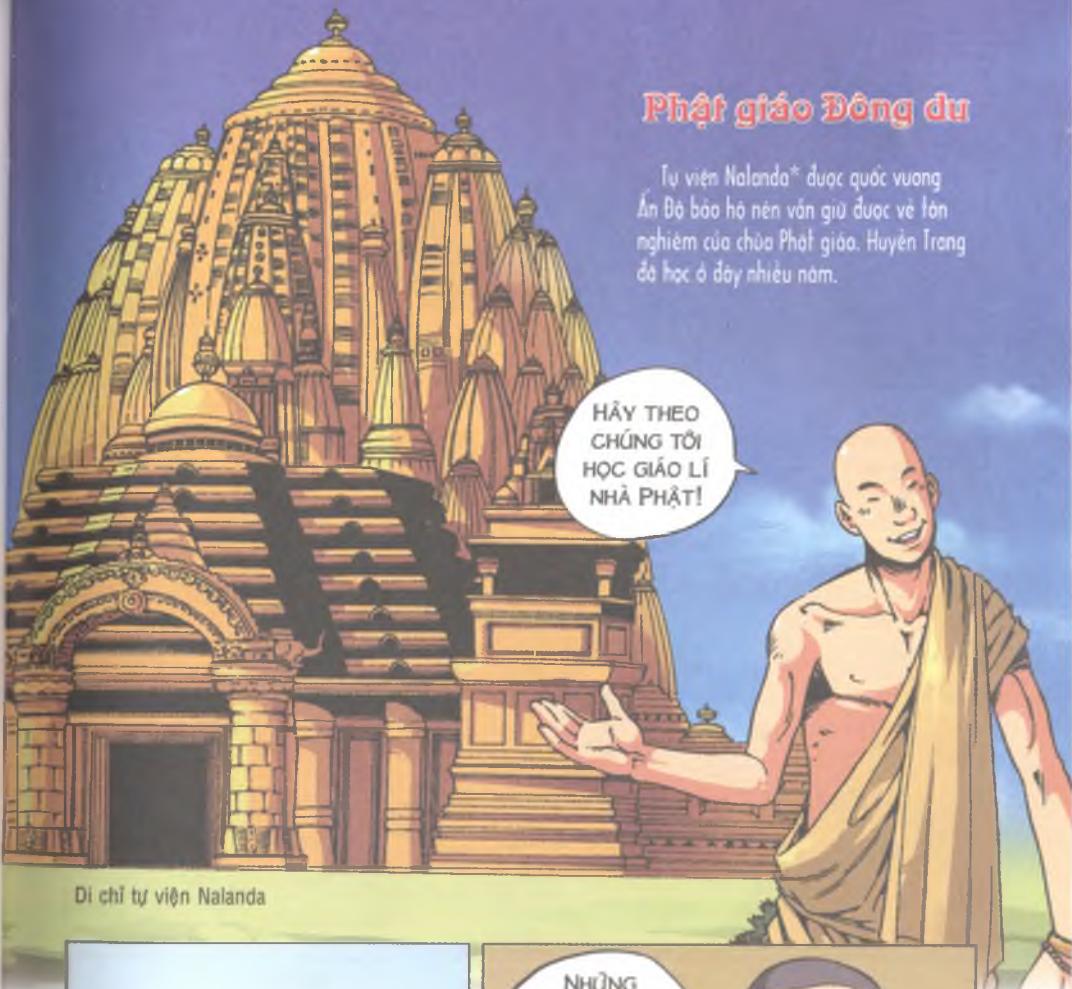




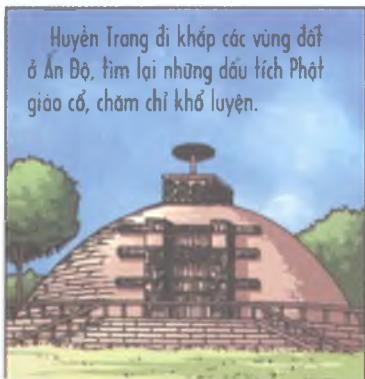
Phật giáo Đông du

Tự viện Nalanda* được quốc vương Ấn Độ bảo hộ nên vẫn giữ được vẻ lớn nghiêm của chùa Phật giáo. Huyền Trang đã học ở đây nhiều năm.

HÃY THEO
CHÚNG TỐI
HỌC GIÁO LÍ
NHÀ PHẬT!



* Một trường đại học Phật giáo nằm ở phía Đông Bắc Ấn Độ, thịnh vượng nhất vào thế kỷ thứ 5, đến thế kỷ 12 thì bị bỏ hoang.





Năm 643, Huyền Trang mang theo kinh sách
nhà Phật, men theo con đường tơ lụa, bước vào
cuộc hành trình về lại cõi quốc.





Sau đó Đường Thái Tông lệnh cho Huyền Trang chỉnh lý, ghi chép những chuyện mắt thảy tai nghe trên đường thành cuốn "Đại Đường Tây Vực Kí".



Sau đó hai mươi năm, Huyền Trang được Đường Thái Tông ủng hộ và giúp đỡ, toàn tâm toàn ý dịch kinh sách.



Tháng 2 năm 664

HUYỀN
TRANG ĐẠI
SƯ VIÊN
TỊCH* RỒI



ÔL



ĐẠI ĐƯỜNG
MẮT ĐI MỘT
BẢO VẬT.



* Từ dùng trong đạo Phật có nghĩa là quy tiên, chết.

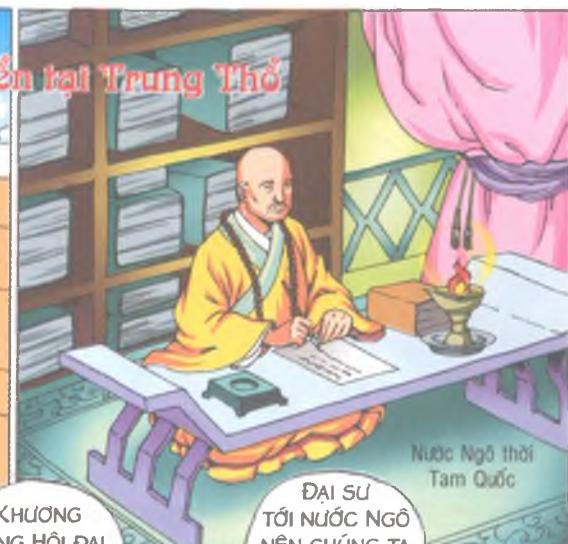


Nhiều năm sau đó, có người đã
viết những câu chuyện mạo hiểm
đi Thiên Trúc khinh kinh của đại
sư Huyền Trang thành truyền thần
hoặc lưu truyền rộng rãi, đó chính
là tác phẩm "Tây Du Kí".



Phật giáo phát triển tại Trung Hoa

Cuối đời Đông Hán, đạo Phật theo con đường lô-lưu du nhập vào Trung Hoa.

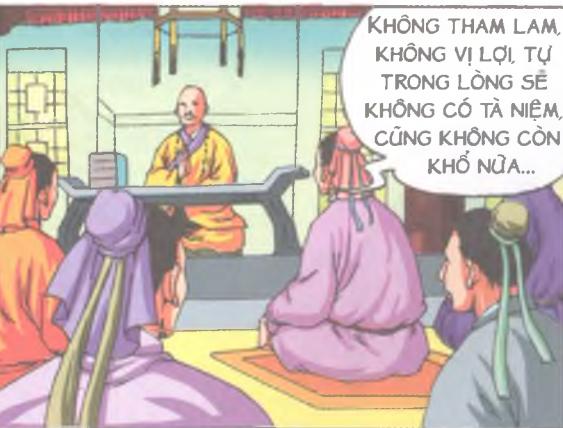


KHƯƠNG
TĂNG HỘI ĐẠI
SƯ SẮP GIẢNG
KINH RỒI ĐÓ!

ĐẠI SƯ
TẤI NƯỚC NGÔ
NÊN CHÚNG TA
ĐƯỢC NGHE
GIẢNG KINH
RỒI.



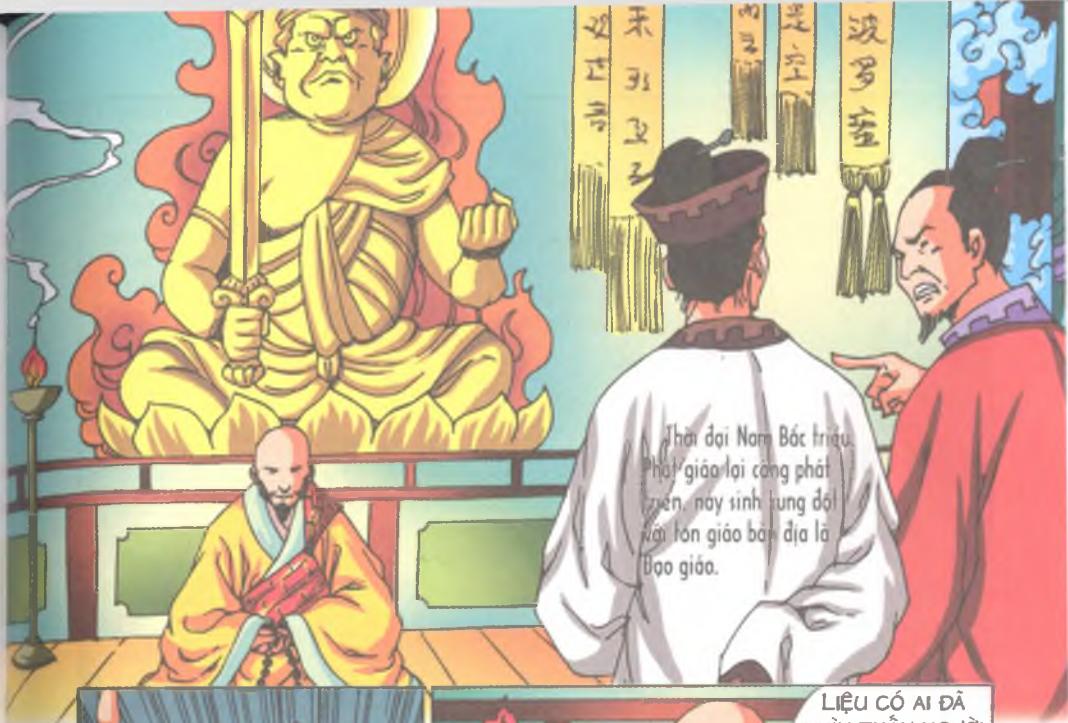
NẾU CÓ NHÂN
NGHĨA VÀ LÒNG
TRẮC ẨN, KIẾP NÀY
HÀNH THIỆN, KIẾP
SAU SẼ ĐƯỢC
BẢO ĐÁP.



KHÔNG THAM LAM,
KHÔNG VỊ LỢI, TỰ
TRONG LÒNG SẼ
KHÔNG CÓ TÀ NIÊM,
CÙNG KHÔNG CÒN
KHỔ NỮA...







NGƯỜI CHẾT
NHƯ ĐÈN DẦU
ĐÃ TẤT, LÀM GÌ
CÒN CÓ KIẾP
SAU?

Liệu có ai đã
nhìn thấy người
đắc đạo thành
tiên? Kiếp sau
mới là hi vọng
sống.

ĐÁNG GHÉT!
GIÁO LÍ NGOẠI
LAI MÀ DÁM
HỦNH HOANG.

Thái Vũ Đế nước Bắc Ngụy



HOÀNG THƯỢNG
CHÙA CHIỀN
NGÀY NAY NHIỀU
VÔ KẾ, TĂNG
NHÂN LÀ MỘT LŨ
ĂN KHÔNG NGỒI
RỒI, KHÔNG LÀM
MÀ HƯỚNG.



Các đạo sĩ
nhiều lần cầu
kiến hoàng
Thượng...

PHẬT MÔN KÊU
GỌI MỌI NGƯỜI
XUẤT GIA, KHÔNG
QUAN TÂM TỚI THÂN
THÍCH GIA ĐÌNH.

NHỮNG KÉ VỨT
BỎ TÌNH THÂN,
CON CÁI MÀ CÒN
HUHENH HOANG LÀ
CÓ THIỆN TÂM,
ĐÚNG LÀ LỬA
GẠT NGƯỜI
KHÁC.

HƠN NỮA, NHỮNG HOÀ
THƯỢNG ĐÓ ĐỀU TIN
VÀO PHẬT TỔ, KHÔNG
COI HOÀNG THƯỢNG
RA GÌ.



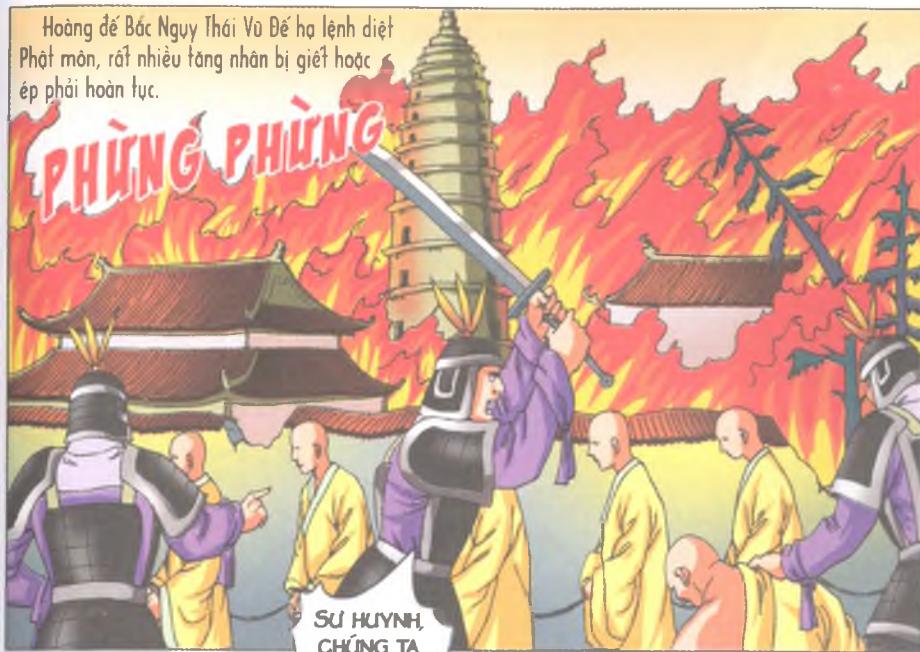
XUẤT GIA?

DÂN CHÚNG CHẠY
ĐI LÀM HÒA THƯỢNG
HẾT THÌ LẤY AI CÀY
CẨM, NỘP THUẾ? AI
ĐI LINH? HÙ, CẦN
CHẶN NGAY ĐẠO
PHẬT LẠI



Hoàng đế Bắc Ngụy Thái Vũ Đế hạ lệnh diệt
Phật môn, rất nhiều tăng nhân bị giết hoặc
ép phải hoàn tục.

PHÙNG PHÙNG



SƯ HUYNH,
CHÚNG TA
PHẢI GIỮ LÂY
TÌNH MẠNG
ĐÃ. HOÀN TỤC
THÔI! PHẬT
MÔN BỊ HỦY
HOẠI RỒI.

Rất nhiều kinh Phật, tượng Phật
bị đốt phá.

PHẬT
PHÁP VÔ
BIÊN NGÃ
PHẬT TỬ
BỊ VÀO TÂN
TÂM GAN.
PHẬT MÔN
SẼ KHÔNG
BỊ DIỆT
DÀU.



CHO ĐÁM
HÒA THƯỢNG
HẾT HUÊNH
HOANG.

DÁM NÓI ĐẠO GIA CHÚNG TA
TRƯỜNG SINH BẤT LÃO LÀ
KHÔNG ĐÁNG TIN, ĐÁNG DỜI!



TIẾU DỆ CỦA
TẠI HẠ LÀM SAI
DỊCH TRONG
QUÂN, VÌ VẬY
MỚI GIỮ ĐƯỢC
KINH PHẬT.

Vào thời Nam Bắc triều, sự kiện diệt
Phật môn do Phật giáo và Dao giáo xung
đối đã khiến đạo Phật lâm vào nguy khốn.

PHẬT TỔ SÊ
PHÙ HỘ CHO
TOÀN GIA
TÍN CHỦ
BÌNH AN.

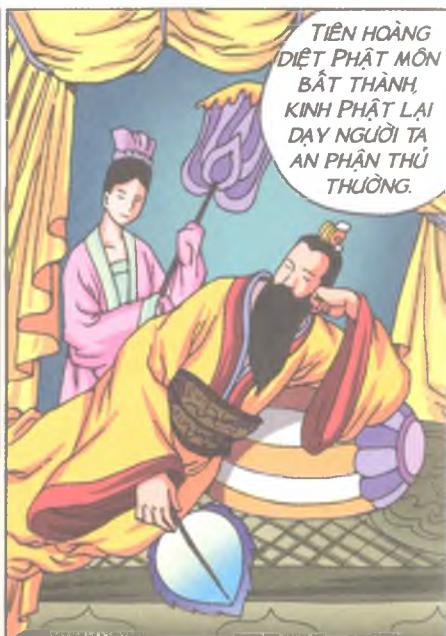
NGƯỜI XEM
NÀY! KHÔNG
ĐƯỢC TỐI
CHÙA NỮA
NHƯNG CÓ
THẾ TREO
Ở NHÀ.

ĐẸP
QUÁ!

TIỀN HOÀNG
DIỆT PHẬT MÔN
BẤT THÀNH,
KINH PHẬT LẠI
DẠY NGƯỜI TÀ
AN PHẬN THỦ
THƯỜNG.

Rất nhiều kinh điển của đạo Phật
được gìn giữ trong dân gian.

Trong thời kì đây biến cố, Phật giáo đã đem
đến cho bách tính những hi vọng tốt đẹp, iết
diệt Phật môn cũng không thể làm đạo Phật suy
tàn ở Trung Hoa.



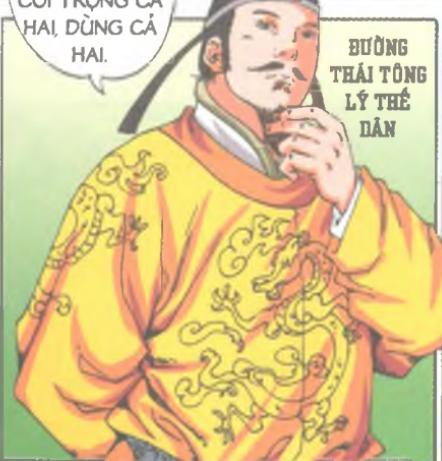


Đạo Phật liên tục phát triển. Kiến trúc, nghệ thuật của
Tây Vực đã hòa nhập với văn hóa Trung Hoa.





TA SẼ ĐÍCH THÂN
TỐI NƠI KHỞI NGUỒN
CỦA PHẬT GIÁO ĐỂ
CẦU CHÂN KINH.



TRẦM MUÔN THAM
BÁI PHẬT CỘT
TRONG CHÙA PHẬT
MÔN, CẦU PHÚC
CHO DÂN CHỨNG
ĐẠI ĐƯỜNG.

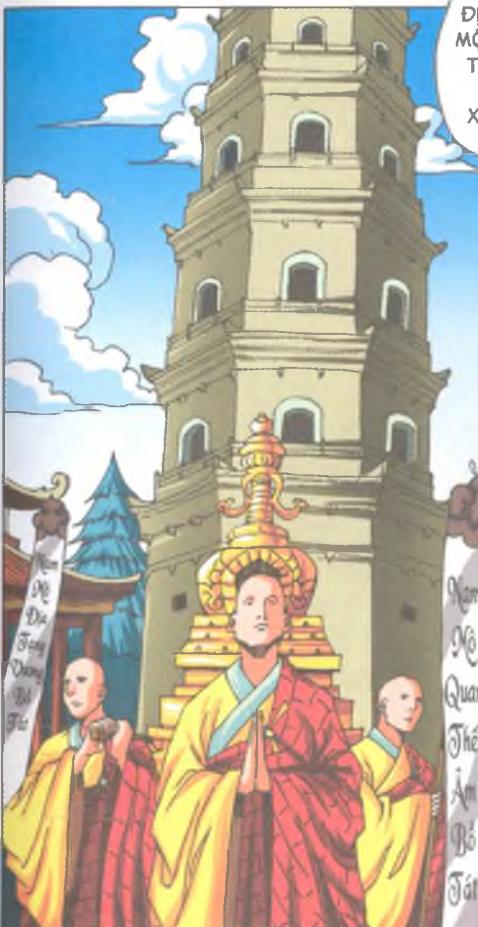
PHẬT TỔ SÊ
PHỦ HỘ CHO
ĐẠI ĐƯỜNG
PHỒN VINH,
THỊNH TRỊ.

NGỌC THÁP
ĐỊA CUNG CẦN
MỘT LOẠT BỨC
TƯỢNG PHẬT
CUNG TIỀN
XUNG QUANH
PHẬT CỘT.

BÂY GIỜ
ĐỆ TỬ SÊ
ĐI ĐẶT
NGAY.

CHÙA PHẬT MÔN
CẦN GẤP TƯỢNG PHẬT
DÁT VÀNG MỌI NGƯỜI
PHAI LÂM NGÀY
LÂM ĐÊM.

CHÚNG TA
CHẾ TÁC RA
TƯỢNG PHẬT,
MỘT LÒNG
HƯỚNG VỀ
PHẬT.







Nhà Xưa - Hiện
trong và nước



Năm 690, Phật mòn cho ra đời
cuốn "Đại Văn Kinh".

Sách viết Võ Tắc Thiên hoàng
hầu chính là đế vương do nhà
Phật lựa chọn.

Đại
Văn
Kinh



Võ Tắc Thiên lở dung Phật giáo để leo lên ngai vàng.
đời quốc hiệu thành nhà Chu. Trở thành nữ hoàng đế duy
nhất trong lịch sử Trung Hoa.





Phật giáo không hề diệt vong và bị ngần cùm, hơn nữa qua
thời đại nhà Đường, Phật giáo còn được giao hòa sâu sắc hơn với
nền văn hóa Trung Hoa, trở thành một bộ phận không thể thiếu.

Con đường tơ lụa và Huyền Trang đi lấy kinh

Bước vào thời đại Tùy Đường, các dân tộc hòa hợp với nhau, lãnh thổ Trung Hoa được mở rộng, sản xuất phát triển, thương nghiệp phồn thịnh, văn hóa rực rỡ. Triều Đường tiếp nhận nhiều văn hóa ngoại lai với tâm thế rộng mở, càng làm cho văn hóa Đông Tây liên kết và dung hòa, vượt bậc so với những triều đại cũ.

Từ Đường Thái Tông tới Võ Tắc Thiên, nhà Đường đã kiểm soát được vùng lòng chảo Tarim và các nước nhỏ ở Tây Vực, trở thành thiên quốc của các quốc gia nhỏ lẻ. Việc giao lưu giữa Trung Hoa và các nước phương Tây thông thoáng và không gặp bất cứ trở ngại nào, nền văn hóa giao thoa bừng nở rực rỡ. Con đường tơ lụa phát huy được tác dụng không thể thay thế.

Các động vật dị ki, châu ngọc, hương liệu, binh thủy tinh, tiền vàng bạc từ phương Tây đổ vào Trung Hoa. Nhiều tập quán sinh hoạt như ăn uống, phục sức, hay các hình thức giải trí văn hóa như âm nhạc, vũ đạo từ Trung Á và Tây Á hối hả truyền bá tới Trung Nguyên. Cùng với sự cường thịnh của Phật giáo, các tôn giáo khác như Hoà giáo, Mani giáo, Cảnh giáo, thậm chí cả Hồi giáo đều được du nhập vào Trung Hoa. Cùng với việc đón nhận văn hóa ngoại lai, Trung Hoa cũng

truyền bá nền văn minh Trung Nguyên tới phương Tây, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa Đông Tây.

Người có công lớn trong việc thúc đẩy giao lưu văn hóa đó là Huyền Trang. Thiếu thời Huyền Trang xuất gia làm hòa thượng, chăm chỉ nghiên cứu Phật học, tinh thông các kinh điển của Phật giáo. Trong quá trình nghiên cứu, ông phát hiện ra kinh sách của Trung Thổ có nhiều lỗi sai, bèn quyết tâm tới Thiên Trúc, nơi khởi nguồn của đạo Phật, để học tập và lấy kinh.

Huyền Trang xuất phát vào năm thứ nhất Trinh Quan, vượt qua những sa mạc khô cằn, khắc phục hết khó khăn này đến khó khăn khác, hơn một năm trời lặn lội mới tới được Thiên Trúc.

Huyền Trang ở lại Thiên Trúc học tập hơn mươi mươi năm, đi khắp 70 quốc gia lớn nhỏ trong vùng. Năm 42 tuổi, ông đem theo 650 bộ kinh về Trường An. Sau khi về nước, ông bắt tay dịch kinh Phật. Ông đã dịch cả thảy 74 bộ kinh, gần 1.300 quyển.

Với tư cách là một cao tăng và một dịch giả, lại là sứ giả hữu nghị giữa Trung Hoa và Ấn Độ, Huyền Trang có công lớn trong việc phát triển rộng rãi đạo Phật ở Trung Hoa cũng như thúc đẩy giao lưu văn hóa Trung An.

Cao Tăng Huyền Trang

Huyền Trang họ tục là Trần, tên Huyền Trang là pháp danh, người đời sau gọi ông là Tam Tạng (Tam Tạng nghĩa là người thông hiểu được ba vấn đề lớn của đạo Phật đó là: Phật kinh, Giới luật và Luận thuật lí luận).

Năm 602, Huyền Trang sinh ra ở Lạc Châu, huyện Câu Thị, xuất thân trong gia đình thi ca và rất chuộng đạo Phật. Từ nhỏ Huyền Trang đã cùng với nhị ca tới chùa Tịnh Thủ ở Lạc Dương để nghe giảng pháp, rồi trở thành tín đồ mộ đạo, và xuất gia khi mới 13 tuổi.

Sau khi trưởng thành, Huyền Trang đi chu du bốn phương, gặp gỡ các danh sư, học những kinh điển đạo Phật như "Kinh Niết Bàn" và "Niếp Đại Thủa Luận"... Trong quá trình nghiên cứu và đi sâu tìm tòi giáo lý nhà Phật, ông thấy rằng tông phái đạo Phật nhiều, nhưng sách kinh kệ được dịch quá ít ỏi, bản dịch còn nhiều lỗi sai, vi vậy không thể thông晓 được hết. Ông bèn quyết chí

tới nơi khởi nguồn của đạo Phật để học kinh và nghiên cứu những giáo lý nhà Phật mà mình còn thấy khúm mắc.

Năm 627, Huyền Trang xuất phát từ Trường An, tới Ấn Độ học tập, rồi quay về Đại Đường, mang theo những cuốn kinh sách kinh điển của Phật giáo, thúc đẩy giao lưu văn hóa Trung Ấn.

Năm 664, Huyền Trang qua đời ở Trường An.





Huyền Trang Tây hành

Tháng 8 năm 627, Huyền Trang đơn độc hòa vào đoàn thương nhân, bắt đầu chuyến du hành đầy mạo hiểm hơn 5 vạn dặm xuất phát từ Trường An, nhưng bị phát hiện và bị đồn đốc Lương Châu Lý Đại Lượng truy bắt. Sau đó ông ngầm vượt Ngoc Môn Quan ở Qua Châu, rong ruổi trên lưng con ngựa được người Hồ tặng, vượt qua sa mạc dài hơn 800 dặm, tất cả đều nhờ con ngựa thuộc đường này mà tránh được cái khát trên hoang mạc khô cằn.

Khi đi qua nước Cao Xương, ông được vua nước này trọng vọng, và coi là "ngự đệ", còn nhọc công dùng vàng bạc châu báu biếu Đại Khả Hãn Tây Đột Khuyết để xin Đại Khả Hãn lệnh cho các nước chư hầu Tây Vực giúp Huyền Trang được thông hành thuận lợi.

Năm 628, Huyền Trang tới khu vực Kashmir, 657 bộ kinh Phật mà ông lấy được đều nhờ vào trí tuệ và kiến thức. Theo ghi chép, thời gian ở Kashmir, ông đã nhiều lần vượt sông Hằng, cầu kiến các danh sư, nghiên cứu kinh Phật.

Năm 631, Huyền Trang tới thành phố Gaya, vào tự viện Nalanda, nơi nghiên cứu lớn nhất về Phật giáo ở Ấn Độ khi ấy. Ông đã đọc hầu hết kinh sách, nổi tiếng khắp Ấn Độ về kiến thức sâu rộng và được mời giảng pháp với tư cách là một học giả. Nghe nói, ông đã giảng pháp tới 18 ngày ở thành phố Kanyakubja (nay là Kannauj), khiến cho cả 18 vị quốc vương Ấn Độ và 7.000 chư tăng khâm phục, nhận được sự kính trọng bội phần.

Năm 643, Huyền Trang trở về Đại Đường, vì sợ bị xử tội tự ý vượt quan ải, nên đã nhờ người tới Trường An xin trước. Hơn nữa, ông biết Lý Thế Dân cũng có chí mở rộng về phía Tây, nên nói rằng mình đã đi qua các nước Tây Vực, thông tỏ chính trị, kinh tế, phong tục tập quán, nên được Lý Thế Dân chào đón nồng nhiệt. Lý Thế Dân lệnh cho ông viết lại tất cả những điều tai nghe mắt thấy ở Tây Vực. Sau đó, Huyền Trang viết "Đại Đường Tây Vực Kí", cuốn sách có vai trò quan trọng trong sự nghiệp thống nhất Đại Đường. Mãi tới ngày nay, bộ sách vẫn là tài liệu quan trọng nghiên cứu về lịch sử Tây Vực giữa thế kỉ thứ 7. Điều này chắc hẳn Huyền Trang chưa từng nghĩ tới.

Huyền Trang ở tự viện Nalanda

Năm 631, Huyền Trang tới tự viện lớn nhất của Phật giáo là Nalanda thuộc nước Magadha (nay thuộc bang Bihar, Ấn Độ), được hơn 1.000 người rải hoa chào đón. Chủ sự của tự viện là S'īlabhadra, một nhà Phật học có uy tín, dù đã 90 tuổi, không còn giảng pháp nữa nhưng để bày tỏ tình hữu hảo với Trung Hoa, ông đã nhận Huyền Trang làm đệ tử, giảng dạy cho Huyền Trang hơn 15 tháng ròng về bộ kinh Phật khó nhất "Du Già Luận". Huyền Trang nghiên cứu 5 năm về Phật pháp, thành tích nổi trội, trở thành một trong mười cao tăng của tự viện Nalanda. Sau đó Huyền Trang đi khắp Thiên Trúc học tập, trên đường nhiều lần tham gia vào các cuộc biện luận Phật học, được rất nhiều học giả tôn kính. Tới năm 641, ông quay trở lại Nalanda trong vinh quang, chủ trì chính những cuộc nói chuyện của tự viện.

Huyền Trang mã đáo thành công

Sau khi từ Ấn Độ trở về, Huyền Trang từ biệt chủ sự S'īlabhadra. Trước khi quay về Đại Đường, ông tới gặp mặt quốc vương Siladitya và nhận được lễ vật. Quốc vương quyết định triệu tập cuộc nghị giáo do Huyền Trang chủ trì ở thành đô Kanyakubja, lệnh cho các tín đồ đạo Ngũ Ẩn Sa Môn, Bà La Môn, và những hành giả các pháp môn ngoại đạo khác đến cùng tham gia. Khi đó có 18 vị quốc vương, tăng ni Đại Thừa, Tiểu Thừa của các nước lớn nhỏ gần 3.000 người, hơn 1.000 tăng ni trong tự viện Nalanda... Trong 18 ngày, không có bất kì ai hoài nghi hay khóc mắng về lí luận đạo Phật của Huyền Trang. Vì thế, Huyền Trang được các tín đồ cả Đại Thừa và Tiểu Thừa cùng tôn vinh là "Đại Thừa Thiên" hay "Giải Thoát Thiên". Sau này ông từ biệt quốc vương Siladitya, mang theo vài trăm bộ kinh tiếng Phạn và tượng Phật, khởi hành quay về Đại Đường.



Huyền Trang dịch kinh Phật

Năm 643, Huyền Trang từ chối lời mời ở lại của quốc vương Siladitya, quyết tâm trở lại quê hương. Tháng Giêng năm 645, Huyền Trang mang theo 657 bộ kinh về Trường An, nhận được sự đón tiếp trọng thị của tể tướng Phòng Huyền Linh, bách tính thành Trường An cũng chen nhau tới nghênh đón Huyền Trang.

Huyền Trang kể cho mọi người những điều mắt thấy tai nghe ở Tây Vực, sau đó tiến hành dịch kinh sách. Trong vòng hai mươi năm, ông đã dịch được khoảng 74 bộ kinh, gần 1.300 quyển. Sau này kinh Phật bị thất truyền ở Ấn Độ, và chính những bản dịch kinh Phật này là tài liệu quan trọng nghiên cứu tôn giáo, triết học, văn học và khoa học của Ấn Độ thời cổ.

Do Huyền Trang là người có trình độ Hán học uyên thâm, lại tinh thông tiếng Phạn*, vì vậy kinh Phật được dịch lưu loát.

Huyền Trang và Đường Thái Tông

Sau khi về Trường An, Huyền Trang yết kiến Đường Thái Tông. Đường Thái Tông yêu cầu ông viết một bộ sách thuật lại những điều mắt thấy tai nghe ở Tây Vực, còn khuyên ông hoàn tục theo đường quan lộ. Huyền Trang đồng ý việc viết sách, nhưng cực lực từ chối việc làm quan. Đường Thái Tông giữ ông lại ở chùa Hoằng Phúc dịch kinh sách, triều đình sẽ hỗ trợ mọi thứ cần thiết cho dịch thuật, còn triệu tập hơn 20 tăng nhân nổi tiếng giúp sức. Từ tháng 5 năm 645, ông bắt đầu dịch "Bồ Tát Tạng"... sau đó mới biên soạn cuốn "Đại Đường Tây Vực Kí". Năm 648, ông dịch xong 100 cuốn kinh "Du Già sứ địa luân", sau đó ông mời Đường Thái Tông viết lời nói đầu cho bản dịch, đây cũng chính là "Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo Tự".

Về sau, Thái Tông hạ lệnh biến chùa Hoằng Phúc làm nơi dịch kinh kệ, rồi cho xây chùa Đại Bi Ân có viện dịch kinh và đón Huyền Trang vào ở. Đường Thái Tông cung cấp đầy đủ điều kiện cho Huyền Trang, cũng chính là sự ủng hộ mạnh mẽ từ phía triều đình với việc truyền bá rộng rãi đạo Phật ở Trung Hoa.

Đại Đường Tây Vực Kí

Huyền Trang thuật lại hành trình tới Tây Vực để người khác viết thành cuốn "Đại Đường Tây Vực Kí", gồm 12 cuốn, hoàn thành vào năm 646. Trong sách ghi lại tình hình của hơn 110 nước Tây Vực mà ông đi qua, cùng với 28 nước được nghe nói, bao gồm cả khu vực rộng lớn gồm Afghanistan, Pakistan, Bangladesh, Nepal, Sri Lanka, Ấn Độ... Ông nhắc tới phong tục tập quán, lịch sử chính trị, truyền thuyết thần thoại, nội dung phong phú, sống động và chính xác. Tới ngày nay cuốn sách vẫn là nguồn sử liệu có giá trị, cũng là tư liệu quan trọng bổ sung những điểm còn thiếu hụt trong những cuốn sách nghiên cứu lịch sử Trung Á, Nam Á và lịch sử đạo Phật. Sách được các học giả Ấn Độ giáo và Phật giáo giới thiệu, có rất nhiều bản dịch như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật...

Giao lưu văn hóa Trung Á

Từ đời Hán đã có Trương Khiên đi sứ sang Tây Vực, điều này đã được ghi chép trong sử sách, đánh dấu sự giao lưu qua lại giữa Trung và Án. Sau chuyến Tây du của Huyền Trang thời nhà Đường, giao lưu Trung - Án lên đỉnh cao huy hoàng.

Sau khi Huyền Trang từ Thiên Trúc quay về, nhà Đường và Ấn Độ thường xuyên cử sứ thần qua lại, giao lưu kinh tế và văn hóa cũng sâu rộng thêm. Kỹ thuật làm giấy và giấy của Trung Hoa du nhập vào Ấn Độ thông qua Nepal. Y học, thiên văn lịch pháp, ngôn ngữ, âm nhạc, vũ đạo, hội họa, kiến trúc, nghệ thuật... của Ấn Độ cũng được truyền bá vào Trung Hoa vào đời Đường. Tất cả các tác phẩm thiên văn học, y học sau này đều lưu lại dấu ấn đó.

* Một cổ ngữ của Ấn Độ.



Thiền tông ra đời

Do sự ngăn cách về địa lí cùng sự khác biệt về chính trị, văn hóa và phong tục, sau vài trăm năm phát triển, đạo Phật mới theo chân các sứ thần du nhập vào Trung Hoa. Vào khoảng triều đại Lưỡng Hán, Nho giáo truyền thống dần suy yếu, xã hội thiếu đi tư tưởng chủ đạo làm bánh lái có sức bật mạnh mẽ. Cùng lúc ấy, đạo Phật truyền bá vừa lúc lấp đầy chỗ hổng cho tư tưởng này. Vì vậy việc tu hành theo Phật giáo rất thịnh hành.

Mục đích ban đầu của đạo Phật ở Trung Hoa là nghiên cứu và tu tập thiền pháp. Do những người tu hành nghiên cứu và học Phật pháp bằng các cách khác nhau nên dần hình thành nhiều trường phái. Trên nền tảng những trường phái đó lại tiếp tục phân chia thành các tông phái khác nhau, Thiền tông là một trong số đó, những tông phái còn lại là Thiền Đài tông, Vi Thúc tông, Luật tông, Mật tông, Tịnh Thủ tông...

Thiền tông được nhen nhóm và xuất hiện vào đời Tùy Đường, sau đó phát triển và dần vượt qua những tông phái khác, trở thành tông phái được lưu truyền lâu nhất, có ảnh hưởng rộng nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa.

Thiền Tông phát triển ở Trung Hoa

Tương truyền thời Nam Bắc triều, Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) không quản ngại gian lao từ Nam Án Độ tới Bắc Ngụy để truyền đạo. Ông truyền cho chúng đệ tử bốn cuốn "Lăng Già kinh", chủ trương coi trọng "giáo lí nhập thân, hành vi tự xuất" kết hợp giữa lí luận giải ngô của tông giáo và thực tiễn của Phật học Đại Thừa, sáng lập ra tông phái thiền học mới. Đạt Ma đã truyền dạy cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, nhưng do chịu sự chi phối, chèn ép và ảnh hưởng mạnh mẽ của các thiền học phương Bắc, nên chưa có cơ hội phát triển. Mãi cho đến Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, Đạt Ma Thiền mới được phát triển bước đầu, có khu vực truyền bá ổn định và riêng rẽ. Nhờ đó, mà thiền học Trung Thổ mới có bước thay đổi rõ rệt.

Lời giáo huấn của Thiền tông

Nghiên cứu và học tập Thiền tông chủ yếu là "ngộ". Các tăng nhân rắn rỏi dạy chúng đệ tử bằng những lời giáo huấn ngữ ý sâu xa. Dưới đây là ví dụ:

Ngũ tổ Thiền tông là Hoằng Nhẫn có hai đệ tử, Thần Tú và Huệ Năng. Thần Tú lập ra phái Bắc Thiền còn Huệ Năng lập ra phái Nam Thiền. Khi Hoằng Nhẫn truyền đạo cho Thần Tú, Thần Tú bèn răn mình rằng: "Thân như bồ đề tán - Tâm đường tấm gương soi - Ngày ngày chăm lau tưới - Không sợ nhiễm bụi trán." Ý muốn nhắc nhở phải khổ luyện, trừ tà niệm mới ngộ đạo thành Phật.

Huệ Năng nghe xong, bèn tự nhắc rằng: "Bồ đề thân không có - Gương nào tỏ để trong - Vạn vật vốn là vô - Bụi trán nào đâu thấy?" Huệ Năng chủ trương rằng chỉ cần Phật ở tâm trong tự khắc sẽ ngộ đạo, không cần khổ hạnh tu hành, không cần phải đọc kinh thư vạn quyển, cũng có thể ngộ đạo thành Phật.

Sau Hoằng Nhẫn, do hai đệ tử Thần Tú và Huệ Năng có những kiến giải khác nhau nên Đạt Ma Thiền mới phân thành hai nhánh, Thần Tú lập Bắc Thiền tông, Huệ Năng lập Nam Thiền tông. Sau này Nam Thiền tông vượt qua Bắc Thiền tông, trở thành thiền phái đứng đầu tại Trung Hoa. Thiền tông trải qua sáu đời từ Đạt Ma tới Huệ Năng, Đạt Ma được gọi là Sơ tổ còn Huệ Năng được gọi là Lục tổ.

Tóm lại từ Đạt Ma tới Hoằng Nhẫn, chỉ là quá trình truyền dạy kinh sách qua năm thế hệ, được coi là giai đoạn chuẩn bị của Thiền tông. Còn Lục tổ Huệ Năng mới là người sáng lập ra Thiền tông chính phái với ý nghĩa đầy đủ và đích thực.



Chương 4: Ánh sáng cuối nhà Đường

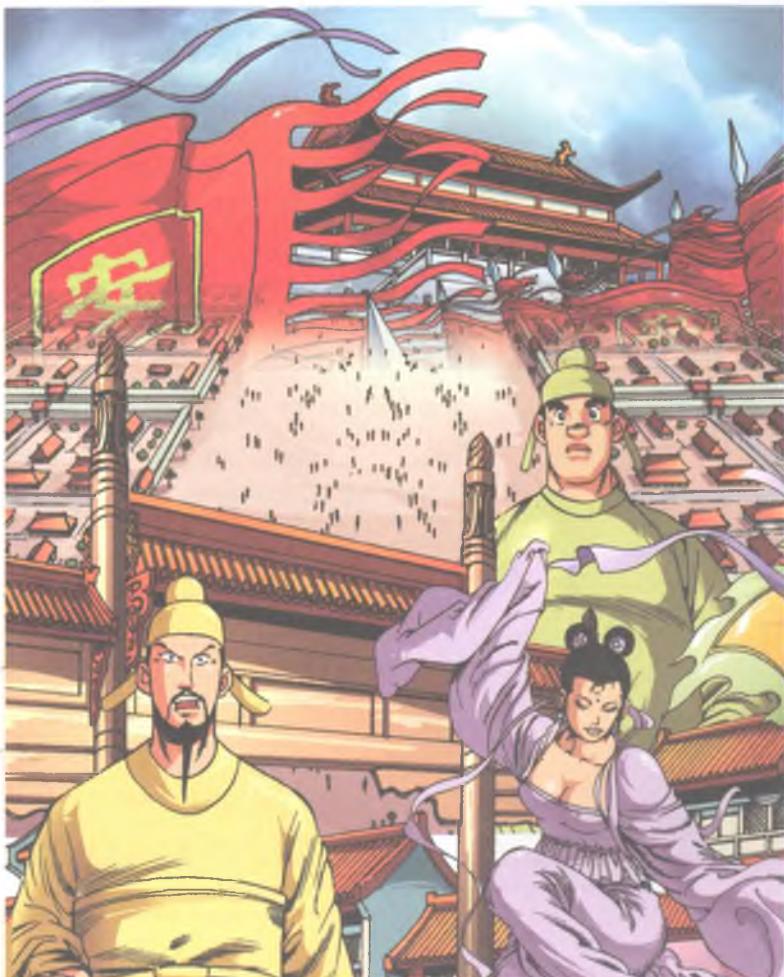
Nội dung chính:

Trường An phồn hoa

Vào thời Đường, thế nước đang lên, văn hóa phát triển rực rỡ, Nhật Bản còn phái sứ thần sang học hỏi.

Loạn An Sử

Những năm cuối thời Huyền Tông, vận nước điêu đứng suy tàn, loạn An Sử bùng phát, Dương Quý Phi vốn được yêu thương sủng ái cuối cùng cũng ngọc nát hương tàn.



Trường An phồn hoa



Nhà Đường trải qua ba đời vua Đường Cao Tổ, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông, nỗ lực không ngừng mở rộng lãnh thổ, thiên hạ thái bình, kinh tế phồn vinh, tạo ra một thời đại thái bình thịnh trị chưa từng có trong lịch sử. Nhưng sau khi Đường Cao Tông mất, Võ Tắc Thiên* lên nắm quyền, cục diện chính trị có chút lục đục, rồi serene trong một thời gian ngắn. Người đời sau gọi bà là người có tài "hiệp bước Trinh Quan, mổ lối Khai Nguyên".

Bên hoàng đế thứ sáu của đời Đường nối ngôi, tức Đường Huyền Tông, chiêu hiền英才, trị quốc an bang, mở ra thời Thịnh Đường mà lịch sử gọi là "Khai Nguyên thịnh trị".

ĐƯỜNG
HUYỀN TÔNG
LÝ LONG CƠ

BỆ HẠ, CHÍNH
SÁCH QUÂN ĐIỀN
CỦA BẮC NGUY
HIẾU VÂN ĐỀ ĐÃ
KHÔNG CÒN HỢP
THỜI NỮA RỒI.

CHÍNH SÁCH
QUÂN ĐIỀN CẦN CẢI
CÁCH, NAY ÁP DỤNG
HÌNH THỨC TRUNG
THU THUẾ 'TỐ, DUNG
DIỀU' ĐI.



* Sau khi Đường Cao Tông mất, Võ hậu tự mình lâm triều, rồi xưng đế, đổi quốc hiệu là Chu, trở thành nữ hoàng đế duy nhất của lịch sử Trung Hoa.



THEO CHẾ ĐỘ QUÂN DIỄN, ĐẤT RUỘNG CỦA NÔNG DÂN DO TRIỀU ĐÌNH CHIA CHO.

TRONG THỜI GIAN DI LĨNH ĐƯỢC MIỄN THUẾ TÔ VÀ ĐIỀU.

KHI XÂY RA CHIẾN TRANH, NÔNG DÂN PHẢI DI LĨNH.

SAU KHI ĐƯỢC PHÂN RUỘNG, NÔNG DÂN SẼ CÀY CẨY, THU HOẠCH XONG THÌ NỘP MỘT PHẦN CHO NHÀ NƯỚC.

MỖI NGƯỜI NAM TRƯỞNG THÀNH PHẢI NỘP HAI BÓ THÓC LÚA.

MỖI NGƯỜI NAM TRƯỞNG THÀNH PHẢI DI PHÙ PHÊN MỖI NĂM 20 NGÀY.

MỖI HỘ CŨ HẰNG NĂM NỘP VÁI LINH LÚA VÀ TƠ TẨM MỐI LOẠI HAI THƯỚC, BA LANG BỐNG.

TÔ

ĐIỀU

TUY CHỈNH SÁCH 'TÔ, DUNG, ĐIỀU' HAY NHỮNG QUAN CHỨC ĐIỀU HÀNH VÀ MỎ RỘNG NÓ RẤT KHÓ TÌM.

NHỮNG NGƯỜI THI HÀNH MỚI CHÍNH LÀ ĐIỀU CỘT YẾU CỦA CẢI CÁCH.

TRẦM TIN RẰNG CÓ THỂ TÌM ĐƯỢC NGƯỜI THÍCH HỢP.

Năm 717, Đại Đường cát
thịnh, Nhật Bản lần thứ tám
phái sứ thần tới học hỏi văn
hoa tiến bộ của Trung Hoa.



Lần phái sứ thần này có
Abe No Nakamoro và đội
Kiba Suan...





KHIỂN ĐƯỜNG SỨ

Từ thời nhà Tùy, Nhật Bản đã nhiều lần phái người tới Trung Hoa thăm viếng.

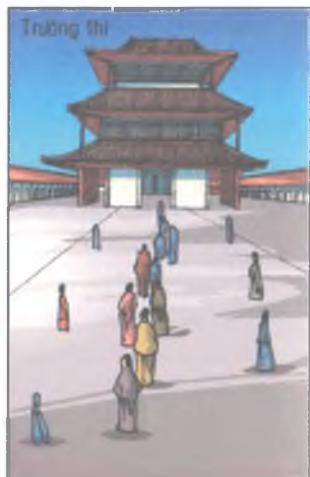
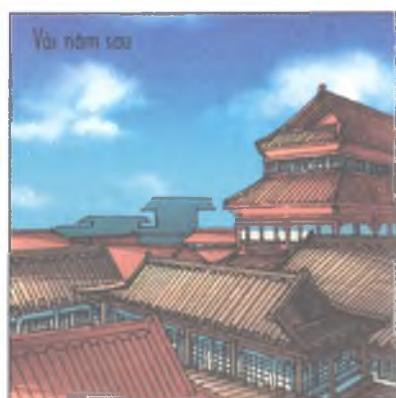
Thời Sơ Đường*, đất nước thịnh trị, văn hóa có nhiều thành tựu, kinh tế phát triển. Năm 630, nhiều thuyền chở sứ đoàn tới học tập và cư trú. Đến năm 890, đã có mươi sứ đoàn tới, mỗi đợt từ 200 đến 500 người. Những người tới Trung Hoa, được gọi là Khiển Đường sứ.

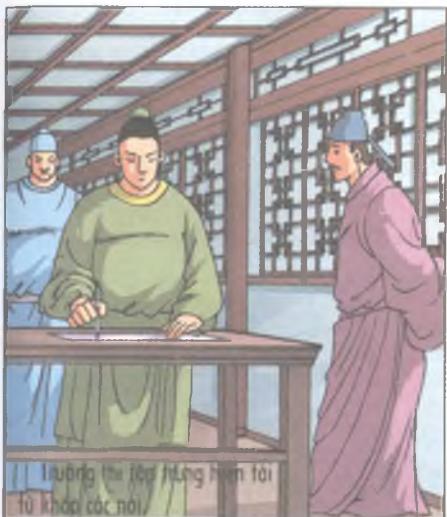


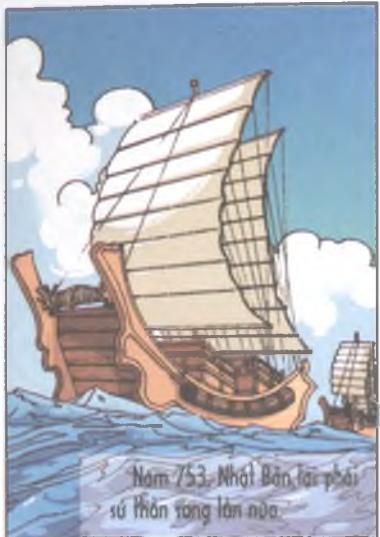
Thuyền Khiển Đường sứ của Nhật Bản

* Thời kì đầu nhà Đường.







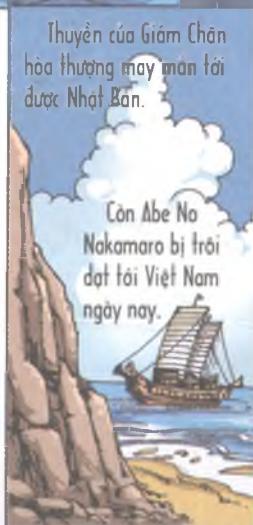


Tháng 10 năm 753, bắn con thuyền của sứ thần xuất phát về Nhật Bản.

Abe No Nakamaro trên con thuyền đầu tiên, còn him là bài hòa thượng lên con thuyền chia rẽ không nao núng đi gặp sứ thần.



Thuyền của Giám Chân
hòa thượng may mắn tới
được Nhật Bản.



Sau này Abe No Nakamaro trả
lại Trường An, không quay về
Nhật Bản nữa.



* Bài thơ này là do Abe No Nakamaro sáng tác vì tiếc nuối không về được cổ hương. Ông dừng ở thành Trường An, ngược lên nhìn trăng sáng, tức cảnh sinh tình nhớ núi Mikasa.

Loan Ân Sở



Vài tháng sau khi Abe Na Nakamaro
trở lại Trường Ân...

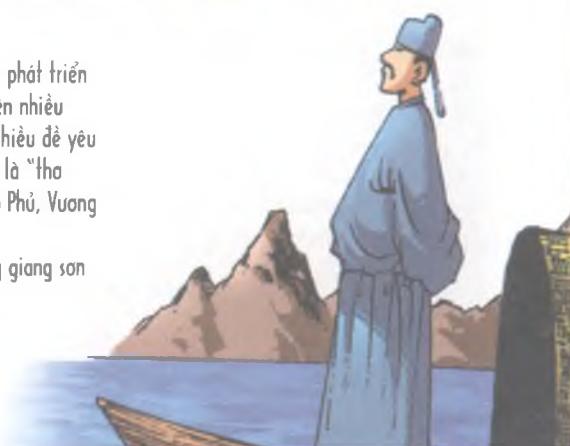


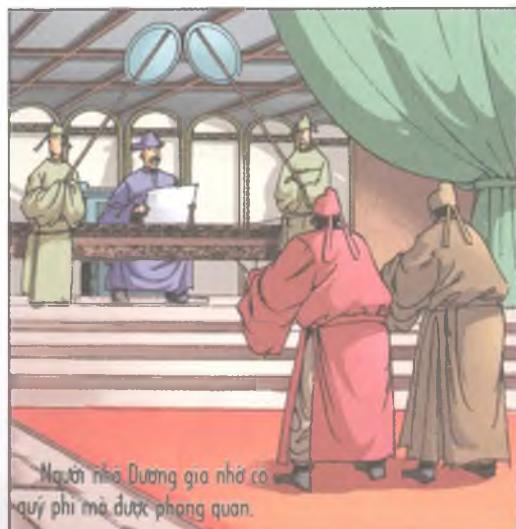


NHÀ THƠ ĐỜI ĐƯỜNG

Thơ ca Trung Hoa có lịch sử rất lâu dài, nhưng phát triển mạnh nhất là vào thời Đường. Thời này, xuất hiện nhiều nhà thơ nổi tiếng, ngay cả thi khoa cử cũng có nhiều đề yêu cầu viết thơ, vì vậy người ta gọi thời kì này là "thời Đường". Những nhà thơ tiêu biểu là: Lý Bạch, Bô Phủ, Vương Buỵ và Bạch Cư Dị.

Các nhà thơ thường ngao du sơn thủy, ca tụng giang sơn gấm vóc và thấu hiểu nỗi khổ của nhân dân.



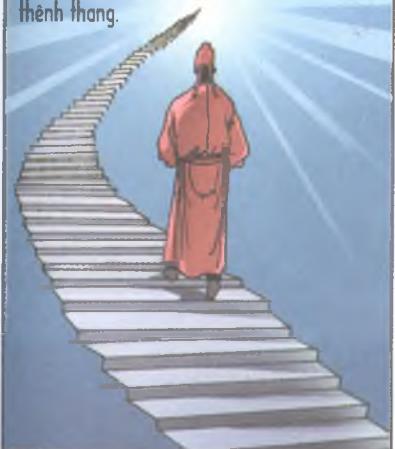


* Tên thật là Dương Ngọc Hoàn.

** Anh họ.



Sau đó, Dương Xuyên đổi tên thành Dương Quốc Trung, bắt đầu bước lên đường quan lộ thênh thang.



Lúc đó, có một viên tướng người Hồ là An Lộc Sơn được nhậm chức tiết độ sứ* ở phương Bắc.



* Giữa thời Đường, những đô đốc trấn thủ biên cương được gọi là tiết độ sứ. Họ nắm trong tay binh quyền, chính quyền và tài chính nên là mối họa cát cứ địa phương.



LÁO XƯƠC!
TRẦM Ở ĐÂY
MÀ NGƯỜI
LẠI HÀNH LỄ
VỚI QUÝ PHÍ
TRƯỚC HẢ?



BỆ HA KHÔNG
BIẾT CHÚ TRONG
LỄ NGHĨA CỦA
NGƯỜI HỒ THÌ
MẪU THÂN ĐƯỢC
TÔN TRỌNG HƠN
PHỤ THÂN, NÊN
THẦN MỚI BÁI
KIỀN NƯỚNG
NƯỚNG
TRƯỚC.



HA
HA
HAI!



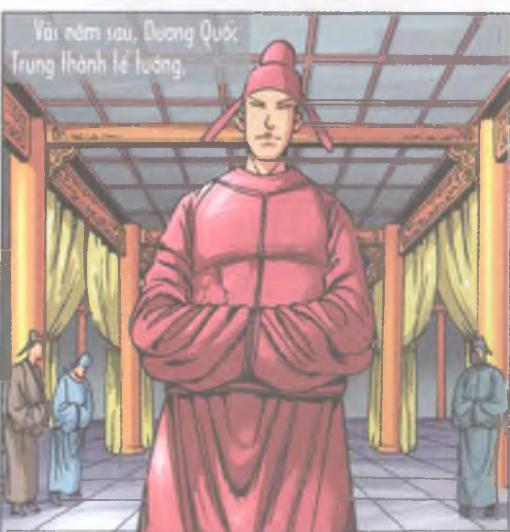
XIN TẶNG
CHO BỆ HA
VÀ NƯỚNG
NƯỚNG MỘT
ĐIỆU CA VŨ
CỦA NGƯỜI
HỒ.



HAY
ĐẤY!



HÙM,
TÊN NÀY THẬT
BIẾT LÂY LÒNG
NƯỚNG NƯỚNG
VÀ BỆ HA.







Chỉ hon ba mươi ngày, quân phản loạn đã tấn công vào Lạc Dương, tiến sát tận Trường An.





Đường Huyền Tông dần theo Dương quý phi và thân tín chạy khỏi Trường An.











TRƯỜNG HẬN CA

"Trường hận ca" là bài thơ tự sự dài viết về tình yêu đầy trắc trở và thương tâm của Đường Huyền Tông và Dương quý phi. Bài thơ có nhiều tình tiết hư cấu, miêu tả nỗi niềm thương nhớ da diết của Huyền Tông với quý phi, khiến người đọc phải rai lệ thở than. Trong thơ còn có câu cuối mỉa mai triều đình, khiến người khác phải nghĩ suy. Bài thơ còn có câu trả thành danh ngôn truyền tụng mãi ngàn năm: "Trên trời nguyên làm chim liền cánh, dưới đất nguyên làm hoa liền cành."

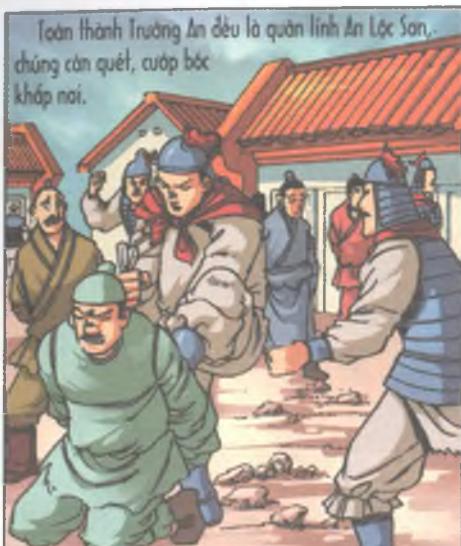
Sau khi Dương quý phi qua đời,
Đường Huyền Tông nhường ngai vàng
cho con trai. Lúc này, Trường An đã bị
An Lộc Sơn chiếm cũ.

TRƯỜNG AN
VÀ THIÊN HẠ
ĐỀU LÀ CỦA
TA. TA CŨNG
MUỐN LÀM
HOÀNG ĐỀ.

PHẢN TẶC
AN LỘC
SƠN. TA SẼ
TIÊU DIỆT
NGƯỜI!

Con trai Huyền Tông nối ngôi ở
Linh Vũ, chính là Đường Túc Tông*.

* Túc Tông đóng quân ở Linh Vũ, chuẩn bị quyết chiến với An Lộc Sơn.



Thầy thành Trường An đã nát, nhà thơ Bô Phú
cùng dà khống kim nói lòng minh thò dài tiếc
cho thời Thịnh Đường đã qua...



CHỈ THẦY
NÚI SÔNG
CÒN
NGUYỄN
VẸN.

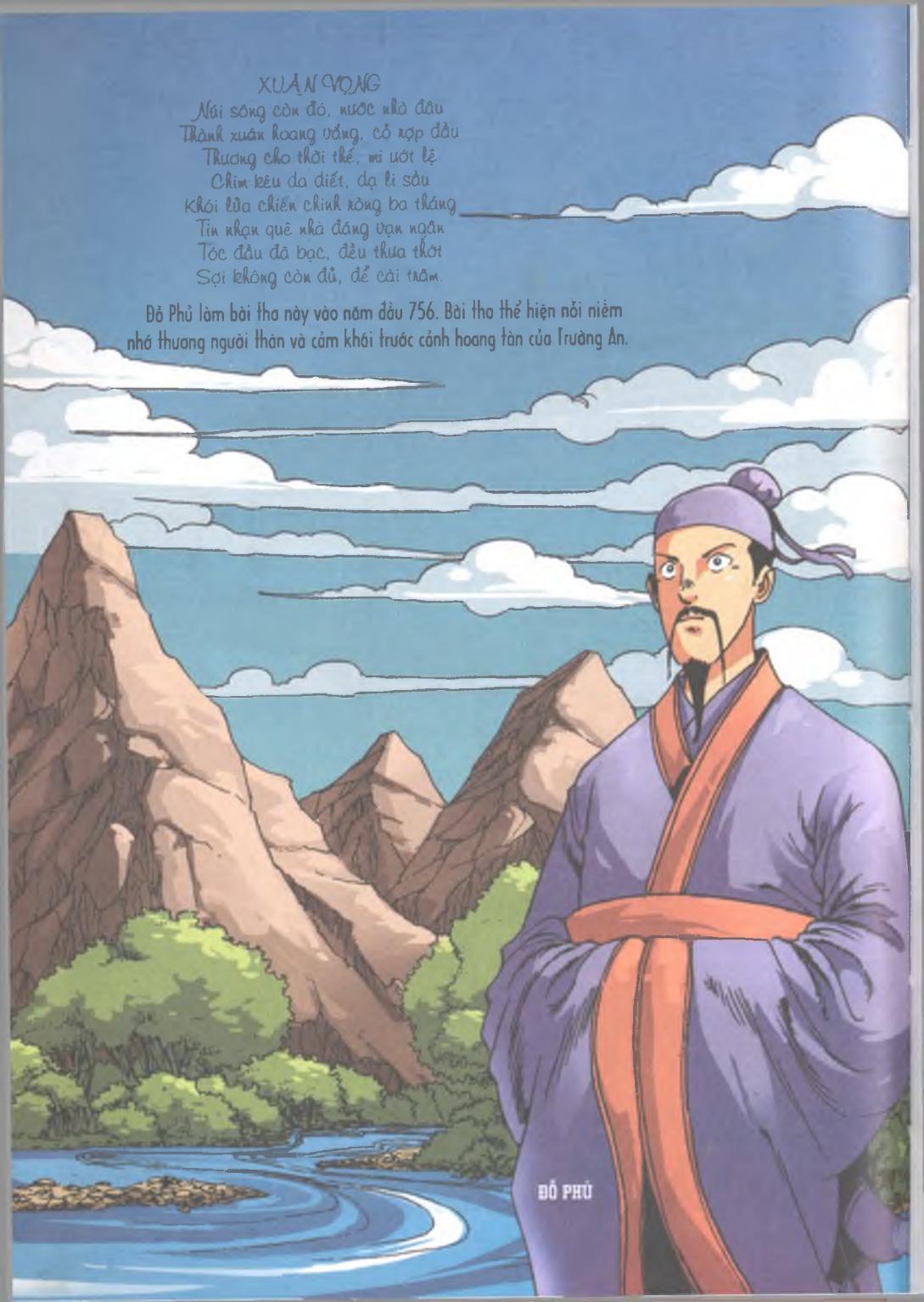
CHỈ CÓ TỰ
NHIÊN CÒN
GIỮ VỀ CŨ
HỒN XƯA.



XUÂN VỌNG

Nái sông còn đó, nước nhả đầu
Thành xuân hoang vắng, cỏ rợp đầu
Thương cho thời thế, mỉ uớt lệ
Chim kêu da diết, dạ lì sầu
Khói lửa chiến chinh ròng ba tháng
Tin nhắn quê nhà đang vạn ngàn
Tóc đầu đã bạc, đều thưa thoát
Sợi không còn đủ, để cài trâm.

Bô Phủ làm bài thơ này vào năm đầu 756. Bài thơ thể hiện nỗi niềm nhớ thương người thân và cảm khái trước cảnh hoang tàn của Trường An.



BÔ PHỦ

QUYẾT THU VỀ
TRƯỜNG AN!

TÂN
CÔNG!

Năm 756, An Lộc Sơn chết,
quân phản loạn suy yếu dần.
Túc Tông nhận cơ hội áy náy
quản tan công.

CUỐI CÙNG CÙNG
THU LẠI ĐẤT
TRƯỜNG AN. ĐÂY
MỚI LÀ NƠI Ở CỦA
ĐỀ VƯƠNG.

Tháng 10 cùng năm,
Trường An và Lạc Dương
đều được thu về.

Sau tám năm ròng rã loạn
An Sù*, đến năm 763, cuối
cùng cũng dẹp yên.

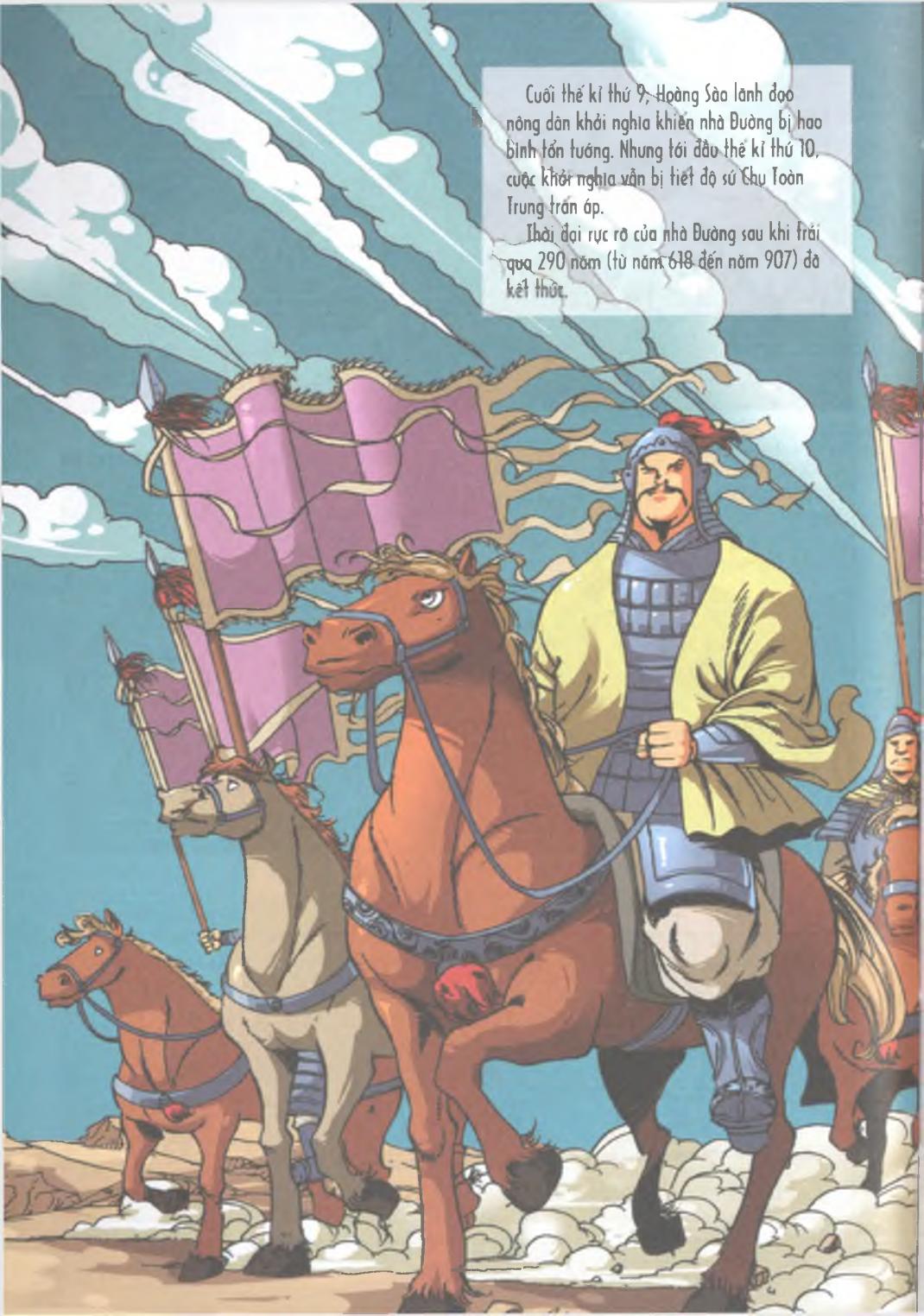
ĐÂY LÀ
ĐỊA BẢN
CỦA TAI!

LÀ CỦA
TAI!

BÂY GIỜ LỆNH
CỦA HOÀNG ĐỀ
KHÔNG CÒN MÃY
NGƯỜI NGHE
NỮA...

Nhưng sau đó hiết độ sứ các địa phương tranh giành lẫn nhau, xã hội lại rối ren.

* Những người cầm đầu cuộc nổi dậy là An Lộc Sơn và tướng Sù Tư Minh nên được gọi tắt là loạn An Sù.



Cuối thế kỉ thứ 9, Hoàng Sào lãnh đạo nông dân khởi nghĩa khiến nhà Đường bị hao binh tổn tướng. Nhưng tái đầu thế kỉ thứ 10, cuộc khởi nghĩa vẫn bị tiết độ sứ Chu Toàn Trung trấn áp.

Thời đại rực rỡ của nhà Đường sau khi trải qua 290 năm (từ năm 618 đến năm 907) đã kết thúc.

Thời hưng thịnh và suy vong của nhà Đường

Thời kì Sơ Đường, triều đình thống trị đã rút ra được những bài học từ sự diệt vong của nhà Tùy, nên rất chăm chút triều chính. Về chính trị, nhà Đường vẫn thi hành chế độ tam tinh lục bộ và chế độ khoa cử nhà Tùy. Về đời sống kinh tế, nhà Đường thi hành chế độ thuế khóa ruộng đất quản điền và "Tô, Dung, Diêu", mở ra một thời thái bình thịnh trị gọi là "Trình Quan thịnh trị". Sau đó trải qua các đời vua từ Đường Cao Tông và Võ Tắc Thiên tới thời kì đầu của Đường Huyền Tông, thời "Khai Nguyên thịnh trị" của nhà Đường đạt tới tột đỉnh, nền chính trị ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa tiến bộ, cùng với đó là những chính sách anh minh được lòng dân của các bậc quân chủ, trở thành hình mẫu lý tưởng cho các nước lân bang học hỏi, noi gương. Rất nhiều quốc gia đã phái sứ thần sang tận Trường An để học tập, nhờ đó mà sự giao lưu giữa Trung Hoa và các quốc gia khác phát triển lên một giai đoạn mới.

Vào lúc cuối đời, vua Đường Huyền Tông ăn chơi hưởng lạc, mê đắm tuồng sắc, sủng ái Dương quý phi, không màng việc nước, chỉ trọng dụng gian thần, để triều đình bại hoại. Cùng vào lúc này, thế lực của tiết độ sứ địa phương phát triển như vũ bão, nhen

nhom và châm ngòi cho chiến loạn An Sử. Mặc dù cuộc phản loạn sau đó được dẹp yên nhưng vẫn gây ra những tổn thất nặng nề cho nền sản xuất phương Bắc, nhân dân rời vào cảnh lầm than, đói khổ, cũng hình thành nên cục diện cát cứ các phiến trấn.

Loạn An Sử đánh dấu bước ngoặt tột đốc của triều đại nhà Đường, từ đó nhà Đường ngày càng di xoáy, chiến tranh liên miên giữa các phiến trấn với triều đình nổ ra liên tiếp, kéo dài cho tới khi nhà Đường diệt vong.

Thời đại Hậu Đường, thế lực hoạn quan cũng bành trướng không kém, bào mòn quyền lực của triều đình và vua. Việc ban bố chính sách, cát cứ hay thăng giáng quan lại cũng như việc phế lập hoàng đế đều do hoạn quan nhúng tay sắp đặt. Chính sự chuyên quyền của hoạn quan đã khiến nền chính trị cuộn dời Đường ден tối, đẩy triều đại vào cảnh suy tàn. Cuối cùng, một cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra rầm rộ trên nửa lãnh thổ của Trung Hoa như cơn gió quật ngã chế độ nhà Đường mục ruỗng. Năm 907, tiết độ sứ Chu Toàn Trung xưng đế, kết thúc 290 năm nhà Đường thống trị Trung Hoa.

Thời đại "Khai Nguyên thịnh trị" và "Khai Thiên thịnh trị"

Khoảng thời gian Đường Cao Tông Khai Nguyên, tất cả các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa đều đạt đến đỉnh cao, dân số tăng. Theo thống kê, dân số đã đạt con số 480 triệu người, thương mại phát triển, giao thông thông suốt và thuận tiện, thành thị tấp nập, phồn vinh, đặc biệt là giao lưu buôn bán với nước ngoài được mở rộng, các thương nhân đến từ Ba Tư, Đại Thực (nay là bán đảo Ả Rập)... đều lũ lượt đổ vào Trung Hoa. Đầu dầu cũng thấy cảnh thương nhân nước ngoài tụ họp ở các chợ lớn như Trường An, Lạc Dương, Quảng Châu... Dòng người di lại như mắc cùi, đông đúc với đủ màu da, ngôn ngữ và sắc phục. Đây cũng là thời đại hưng thịnh trên tất cả các lĩnh vực của Trung Hoa.

Năm 741, Đường Huyền Tông cho đổi niên hiệu "Khai Nguyên" thành "Thiên Bảo", tuyên cáo kết thúc thời đại Khai Nguyên, nhưng vẫn chưa đặt dấu chấm hết cho thời đại thịnh trị. Nhà Đường tiếp tục hưng thịnh thêm một vài năm sau đó, nên người ta gọi gồm thời đại đỉnh cao này là "Khai Thiên thịnh trị".

Lãnh thổ thời Đường

Lãnh thổ Trung Hoa thời nhà Đường, phía Đông kéo dài tới An Đông, phía Tây chạy dài tới An Tây, biển Aral Trung Á (nay là ranh giới giữa Kazakhstan và Uzbekistan). Để bành trướng lãnh thổ về phía Nam, nhà Đường xâm chiếm và đặt ách đô hộ ở miền Bắc Việt Nam. Phía Bắc cương vực tới Bắc cao nguyên Mông Cổ. Nhà Đường đã chia những vùng đất chiếm giữ được từ các bộ tộc thiểu số hay nước nhỏ lân bang thành sáu đô hộ phủ gồm: An Tây, An Bắc, An Đông, An Nam, Đơn Vu, Bắc Định, nhằm kiểm soát gắt gao các bộ tộc Đột Quyết, Hồi Hột, Mạt Hạt, Thất Vĩ, Khiết Đan...

Nhưng khi xảy ra loạn An Sử, do binh sĩ cả những vùng biên ải cũng bị di chuyển để trấn áp phản loạn cho nên tuyến phòng ngự biên giới mất kiểm soát. Ở Đông Bắc, các nước Tân La mạnh lên, đô hộ phủ An Đông co cụm về Tây Liêu Hà. Cùng lúc đó các tộc Khiết Đan, tộc Hề trở thành mối lo lớn. Phía Tây Nam Thổ Phồn và Nam Chiếu khiến nhà Đường chịu tổn thất nặng nề.



Chính sách mềm dẻo vỗ về dân tộc của nhà Đường

Về chính sách đối với dân tộc thiểu số, Đường Thái Tông tuy cử quân sĩ đánh trả và chinh phục Đột Quyết, Đột Đục Hồn, nhưng lại chủ yếu dùng cách vỗ về giữ yên. Nhà Đường có chính sách bình đẳng đối đãi với những tộc thiểu số, không còn coi họ là man di mọi rợ.

Với các bộ tộc thiểu số khác, nhà Đường chủ trương không thay đổi lối sản xuất, chính trị xã hội, ngược lại còn chú ý bảo tồn thể chế của các bộ tộc, tôn trọng tập quán của họ. Ngoài ra, nhà Đường còn xây dựng chế độ hành chính, giao cho các tộc trưởng làm đô đốc hay thích sử, quản hạt chính bộ tộc mình. Nhà Đường ít trừng thu thuế của các bộ tộc thiểu số, ngược lại thường xuyên ban tặng vật phẩm để vỗ về, bình định.

Đường Thái Tông rất có ý thức trong việc làm yên lòng các bộ tộc thiểu số, giúp đỡ họ phát triển sản xuất, còn tin tưởng tộc trưởng các bộ lạc, để bạt và thăng quan cho những người dân tộc thiểu số.

Nhà Đường còn dùng cách “thông hôn” để từng bước phát triển quan hệ hài hòa dân tộc, tăng cường giao lưu văn hóa và kinh tế giữa các dân tộc ở Trung Thổ và các dân tộc vùng biên cương.

Đường Thái Tông khá thành công trong các chính sách vỗ về dân tộc thiểu số, thúc đẩy văn hóa và kinh tế, xây dựng được danh tiếng và tấm ảnh hưởng của nhà Đường.

Năm 630, Đường Thái Tông được các bộ lạc thiểu số tôn làm “Đại Khả Hãn”.

Công chúa Văn Thành

Công chúa Văn Thành (625 – 680) là dòng dõi nhà Đường, từ bé đã thông minh, hiếu học, tài mạo song toàn.

Năm 641, công chúa Văn Thành được đoàn tùy tùng do lễ bộ thượng thư Lý Đạo Tông dẫn đầu, hộ tống vào Tây Tạng, kết hôn với Tùng Tân Cán Bố. Tùng Tân Cán Bố vui mừng khôn kể, đích thân từ Lhasa tới Bá Mai để đón rước, còn xây dựng thành quách và cung điện riêng cho công chúa Văn Thành.

Công chúa Văn Thành mang theo rất nhiều sách, thi thơ, kinh Phật, sách y và sách dạy sản xuất, chế tác... còn mang theo lương thực, hạt giống, và công cụ sản xuất khác. Sau khi vào Tây Tạng, công chúa Văn Thành dạy cách tính lịch pháp, truyền nghề thêu thùa cho phụ nữ, tích cực truyền bá những tinh hoa của dân tộc.

Khi Đường Cao Tông còn sống, Văn Thành công chúa đã xin với triều đình phái thợ giỏi tới Tây Tạng dạy nấu rượu, làm giấy mực và nuôi tằm, dệt vải..., có công lớn trong việc phát triển Tây Tạng.

Hiện nay ở Lhasa vẫn có tượng thờ công chúa Văn Thành trong cung điện Potala (cung Bồ Đát La) và chùa Jokhang (chùa Đại Chiêu), thể hiện sự tri ân và cũng là tưởng nhớ của dân tộc Tạng với sứ giả của tình hữu hảo đoàn kết dân tộc.

Các chuyến thăm viếng giữa nhà Đường với các nước lân bang

Vào lúc nhà Đường thịnh trị, buôn bán thông thương giữa các nước rất phát triển, người nước ngoài đến Trung Hoa làm ăn ngày càng nhiều. Nhiều quốc gia giao lưu buôn bán nhiều nhất là các nước Đông Á như Triều Tiên (chính là bán đảo Triều Tiên gồm Tân La, Bách Tế, Cao Ly), Nhật Bản, các nước Trung Á như Toquz Oghuz của Uzbekistan, các nước Tây Á như Ba Tư, Đại Thực (đế quốc Ả Rập) và đế quốc Byzantine nắm vắt ngang Á Âu, các nước Nam Á ngày nay như Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Nepal, Bhutan, Sri Lanka, Maldives cùng một vài quốc gia nhỏ khác ở Đông Nam Á. Dân của những quốc gia này thường xuyên lui tới Trung Hoa, họ không chỉ mang theo phong tục tập quán mà còn truyền bá những tôn giáo như Hoà giáo, Mani giáo, Cảnh giáo và Hồi giáo, nhờ đó làm phong phú thêm văn hóa tôn giáo của Trung Hoa.



Hòa thượng Giám Chân

Sau khi Huyền Trang mất tròn 90 năm, hòa thượng Giám Chân Đông du truyền bá đạo Phật của Trung Hoa tới Nhật Bản, trở thành minh chứng cho tình hữu hảo Trung - Nhật.

Giám Chân (687 – 763) tên tục là Thuần Vu, là một tăng nhân thời Đường, nổi danh nhờ truyền bá đạo Phật vào Nhật Bản.

Khi 14 tuổi, Giám Chân đã được vào chùa Đại Văn. Năm 705, ông được thụ giới. Năm 707, Giám Chân tới Lạc Dương, sau đó tới Trường An.

Tôn chỉ nhà Phật của hòa thượng Giám Chân rất sâu xa, những năm cuối đời, tăng nhân Nhật Bản đã mời ông Đông du truyền bá Phật pháp. Giám Chân đồng ý. Trải qua rất nhiều gian khổ, cuối cùng ông cũng tới được Nhật Bản, truyền bá đạo Phật và văn hóa nhà Đường trước khi mất, công lao vĩ đại cõng to lớn.

Giám Chân nhận lời Đông du

Năm 742, hai tăng nhân Nhật Bản là Phổ Chiếu và Vinh Duệ tới thăm hòa thượng Giám Chân, người am hiểu kinh Phật và giới luật, đồng thời gửi lời mời của thiên hoàng Shomu tới Nhật Bản truyền giáo. Giám Chân vui mừng đồng ý và chuẩn bị lương thực ngay lập tức, định mùa xuân năm sau sẽ tới Nhật Bản, nhưng từ tháng 12 năm 743, ông đã nằm lâm Đông du mà vẫn không thành công. Trong đó năm 748, trong lần thứ năm xuất dương ông đã phải trả giá rất đắt: Vinh Duệ mất do bệnh nặng, Giám Chân mù cả hai mắt, 36 thành viên cả người Nhật lẫn người Hoa đều lần lượt hi sinh tính mạng, nhưng Giám Chân quyết không bỏ cuộc. Tháng 1 năm 754, Giám Chân khi đó đã 68 tuổi, vẫn dẫn theo hơn 20 người trên một chiếc thuyền gỗ, và cuối cùng cũng tới được Kyushu, Nhật Bản.

Giám Chân nhận được sự hoan nghênh nồng hậu của triều đình Nhật Bản. Sau đó, ông ở lại Nhật Bản gần mươi năm, không chỉ thụ giới tại đây, giảng kinh cho rất nhiều người, mà còn mang tới kiến trúc, điêu khắc, bích họa, nhiều loại thuốc lá... có cống hiến quan trọng trong giao lưu văn hóa Trung Nhật.

Giao lưu văn hóa Trung - Nhật

Nước Nhật tên gọi cũ là Da quốc, bắt đầu giao lưu chính thức với Trung Hoa từ thời Hán, tới đời Đường đổi tên thành Nhật Bản.

Giao lưu văn hóa Trung - Nhật đạt được thành tựu rực rỡ vào đời Đường. Từ năm 630 đến năm 838, Nhật Bản chính thức phái sứ thần sang Trung Hoa mười ba lần, lần ít nhất là 250 người, nhiều nhất là 500-600 người, do giao thông không thuận tiện nên nhiều người chết trên đường.

Thời đó, đoàn sứ thần tới nhà Đường rất hoành tráng, ngoài đại sứ, phó sứ, phán quan, lục sự, phiến dịch còn có thầy lang, thầy âm dương, họa sĩ, sứ gia, nhạc gia, thợ ngọc, thợ đúc, thợ rèn, thợ sửa thuyền, thủy thủ và tăng nhân, du học sinh... Họ mang tới nhà Đường rất nhiều món lễ vật như trân châu, lụa, hổ phách, ngọc mã não... Nhà Đường cũng gửi tới những hàng thêu dệt cao cấp, đồ gốm, nhạc cụ, kinh sách văn hóa..

Những du học sinh người Nhật ở lại Trung Hoa trong thời gian dài, họ được phân công tới Trường An để học tập kiến thức và chuyên ngành, kết giao thân tình với các nhà thơ, học giả, có cống hiến lớn cho giao lưu văn hóa Trung - Nhật.

Thành tựu văn học thời Đường

Thơ ca với đề tài rộng lớn, số lượng nhiều, mang tính nghệ thuật kết tinh đặc sắc là đại diện cho nền văn học đời Đường, nhiều tác phẩm cho đến ngày nay cũng không thể vượt qua. Theo cuốn "Toàn Đường thi", đời Đường có hơn 2.300 nhà thơ, đóng góp hơn 48.000 bài thơ. Từ Sơ Đường đến Thịnh Đường là cả một thời đại hoàng kim, tên thơ Lý Bạch và thánh thơ Đỗ Phủ cùng xuất hiện vào thời gian này, như một ánh hào quang phản chiếu lấp lánh.

Sau loạn An Sử, thơ ca di vào giai đoạn Trung Đường, dòng thơ ca lạc phủ mới với tác giả tiêu biểu Bạch Cư Dị, phản ánh được nỗi cùng cực của nhân dân. Tới cuối nhà Đường, cùng với thế nước suy tàn và xã hội hỗn loạn, phong cách thơ ca thay đổi nhiều, những nhà thơ mang tâm trạng u uất như Đỗ Mục, Lý Thương Án dẫn đầu xu thế văn dàn.

Ngoài thơ ca, văn nhân thời Đường còn làm lan tỏa văn biển ngẫu và cổ văn. Hàn Ðũ, Liễu Tông Nguyên... phát động phong trào cổ văn, phát huy dòng văn học không cầu nệ hình thức thời Trần Hán, chủ trương thể hiện những nội dung chân thực của cuộc sống, ảnh hưởng tới thể loại văn sau này.

Tiên thơ Lý Bạch

Lý Bạch (701 – 762), tự Thái Bạch, hiệu là Thanh Liên cù sỹ, là nhà thơ vĩ đại đời Đường.

Thời tuổi trẻ, Lý Bạch từng đi chu du khắp Trường Giang và Hoàng Hà, cũng từng tới Trường An để cầu đường quan lộ nhưng bất đắc chí. Năm 742, Lý Bạch được Đường Huyền Tông triệu vào Trường An, phong làm Hàn Lâm, nhưng chỉ hai năm sau do không được thỏa nguyện mà từ quan rời khỏi kinh đô. Mặc dù ẩn cư, nhưng Lý Bạch vẫn khao khát lập nên sự nghiệp. Cũng trong thời gian này, các sáng tác của Lý Bạch dần dần trưởng thành.

Sau loạn An Sử, Lý Bạch nhận lời vào trường của Vĩnh Vương Lý Lân, mong có cơ hội tiêu diệt phản loạn, thống nhất giang sơn. Sau đó Vĩnh Vương bị Đường Túc Tông giết chết, ông cũng bị liên lụy nhưng được xá tội. Năm 59 tuổi, ông lưu lạc tới Giang Nam.

Lý Bạch cả đời lo cho xã tắc, bất mãn với thế cuộc đen tối, mong lập công cho đất nước,

nhưng đều không thể đạt được sở nguyện. Những trải nghiệm cuộc đời và tư tưởng của ông được thể hiện rõ trong các tác phẩm, phản ánh nỗi bi ai của kẻ hiền sĩ không chốn dung thân. Ông làm rất nhiều bài thơ, 900 bài vẫn còn được lưu truyền đến ngày nay.

Các tác phẩm thơ của Lý Bạch đa phần theo phong cách lãng mạn, có hơi hướng thần tiên của Đạo giáo, khuynh hướng nghệ thuật đặc sắc, tinh tế, nhờ đó mà ông được người đời gọi là "Tiên thơ".



Thánh thơ Đỗ Phủ

Đỗ Phủ (712 – 770), tự Tử Mĩ, người đời sau gọi là Đỗ Thiếu Lãng, Đỗ Công Bộ. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học, là cháu nội của nhà thơ Đỗ Thẩm Ngôn. Khi lên 7 tuổi, ông bắt đầu làm thơ, 15 tuổi đã nổi tiếng xa gần.

Từ những năm Khai Nguyên tới sơ niên Thiên Bảo, Đỗ Phủ tự do phiêu lãng, đã từng tới Lạc Dương thi tiến sĩ, nhưng không đỗ. Sau năm 35 tuổi, Đỗ Phủ bị giiam lỏng ở Trường An, khổn khó mọi bề, nhưng vẫn mong mỏi đường quan lộ, song bất đắc chí. Sau mười năm chật vật, ông được phong một chức quan nhỏ.

Sau khi loạn An Sử nổ ra, ông bị quân phản loạn bắt làm tù binh, sau đó chạy thoát khỏi Trường An, tới Phụng Tường, được Đường Túc Tông phong làm Hữu Thiệp Đì, sau đó lại bị giáng chức, điều ra khỏi Trường An. Không lâu sau, ông lang bạt ở vùng Tây Nam, cuối đời đưa

gia đình tới Tứ Xuyên, cuối cùng chết bệnh trên một chiếc thuyền giữa dòng sông Tương.

Đỗ Phủ cả đời sáng tác hơn 1.400

bài thơ, phản ánh sâu sắc diện mạo xã hội trước và sau loạn An Sử, kể chuyện sinh động về cuộc đời mình. Ông đã đạt đến sự hoàn mĩ và thống nhất giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, là đại diện tiêu biểu cho thành tựu của thơ ca đời Đường, được người đời sau ca tụng là "Thánh thơ", còn các bài thơ của ông được gọi là "Thánh sử".



Dược Vương Tôn Tư Mạc

Tôn Tư Mạc là người Đông Nguyên, Kinh Triệu, sinh vào thời nhà Tùy (năm 581), mất vào đầu đời Đường (năm 682), hưởng thọ 102 tuổi (có người còn nói ông sống được 141 năm), là thầy thuốc nổi tiếng Trung Hoa và cả thế giới, được tôn làm "Dược Vương".

Năm 7 tuổi, ông đã đọc sách, một ngày cả nghìn câu. Tới năm 20 tuổi, ông đã luận về học thuyết của Lão Tử, Trang Tử, tinh thông các kinh sách của nhà Phật, được gọi là bậc ki tài. Ông nghĩ đường quan lộ không được tự do nên nhiều lần được triều đình phong chức thường lộc song ông đều từ chối. Tùy Văn Đế phong ông làm quốc tử bác sĩ, nhưng ông quyết không nhận.

Khi lên ngôi, Đường Thái Tông triệu Tôn Tư Mạc vào kinh, thấy ông 50 tuổi mà sắc mặt vẫn hồng hào, thân hình khỏe khoắn bèn thốt lên: "Người sống có đạo thật đáng kính trọng.

Hóa ra trên đời có thần tiên như Quảng Thành Tử thật." Hoàng đế phong cho ông tước hiệu, nhưng ông từ chối.

Cao Tông nối ngôi, mời ông làm giám nghị đại phu, nhưng ông một mực không nghe. Khi Tôn Tư Mạc quay về ẩn, Cao Tông đã ban cho ông ngựa quý và cả tư dinh. Ngay cả những nhân sĩ thời đó như Tống Lệnh Văn, Lô Chiếu Lân đều coi ông như sư huynh, thường xuyên lui tới chỗ ông đàm đạo.

Trong cuốn "Thiên Kim Phương", Tôn Tư Mạc đề cao y đức, đến nay nhiều luận điểm của ông vẫn được đem ra bàn luận. Tôn Tư Mạc là một danh sĩ giỏi y thuật, giàu y đức, đặc biệt là nhân cách người thầy thuốc của ông được người đời sau hết lời truyền tụng.

Nhan cản – Liễu cốt

Nhan Chân Khanh và Liễu Công Quyền là hai nhà thư pháp nổi tiếng đời Đường. Chữ viết của Nhan Chân Khanh đầy đặn, đường bút hùng hục nhuệ khí. Còn chữ viết của Liễu Công Quyền đầy uy lực, rắn rỏi nên người ta mới so sánh là "Nhan cản – Liễu cốt".

Nhan Chân Khanh, tự là Thanh Thần, người Vạn Niên, Kinh Triệu. Ông từng được nhà thư pháp tiếng tăm lừng lẫy Trương Húc tận tình giảng dạy, còn chịu ảnh hưởng của các nhà thư pháp có danh tiếng khác như Thái Ung, Vương Hi Chi, Vương Hiển Chi, Chử Toại Lương. Ông hội tụ những tinh hoa của người đi trước, tự xây dựng cho mình một phong cách thư pháp độc đáo, đặc biệt là Khải thư, nét bút dọc phiêu缈, đậm, thần bút mạnh mẽ đầy đặn, người ta gọi là chữ "Nhan thể". Hành thư và Thảo thư của ông hồn hậu, ngang dọc phẩy mác đều đậm đà. Những di bút trên giấy của ông còn đến ngày nay có "Trúc Sơn Đường liên cú thi thiệp", "Cáo

thân thiệp", "Hồ Châu thiệp"..., trên bia đá nổi tiếng nhất là "Đà Bảo Tháp bi", "Đông phương sóc hoạ tán bi", "Ma Cô tiên đàn kí"...

Liễu Công Quyền, tự Thành Huyền, quê Hoa Nguyên, Kinh Triệu, từng làm thị thư học sĩ, trung thư xá nhân, hàn lâm thư chiếu học sĩ, thái tử thái bảo trong Hàn Lâm viện. Liễu Công Quyền thẳng thắn, dám nói lời thực tâm, được vua Đường Văn Tông tán dương và yêu quý.

Liễu Công Quyền từ nhỏ đã hiếu học, năm 12 tuổi viết từ phú, tinh thông kinh sách, hiếu rõ âm luật, đặc biệt giỏi thư pháp. Trong số các nhà Khải thư Ngụy Tấn và Sơ Đường, ông là người có tấm ảnh hưởng sâu rộng nhất, nét bút rắn rỏi, đầy khí phách, kết cấu nghiêm ngặt, thành một phong cách riêng. Những bia chữ có bút tích của ông còn rất nhiều, nổi tiếng là "Huyền Bí tháp bi", "Kim Cương kinh", "Thần sách quân bi", bút tích trên giấy chỉ còn "Tống Lê thiếp đế bạt".

Thánh họa Ngô Đạo Tử

Ngô Đạo Tử (khoảng 685 – 758), là người Dương Cù, Hà Nam, sống vào thời kì cực thịnh của nhà Đường.

Ngô Đạo Tử thuở nhỏ bần hàn, ham vẽ tranh, từng học qua thư pháp của Trưởng Húc, Hạ Tri Chương. Những bức tranh của Ngô Đạo Tử tiêu biểu cho những thành tựu về hội họa cổ đại, được người đời sau suy tôn là "Thánh họa", các họa sĩ dân gian cũng tôn làm sư tổ.

Giữa những năm Thiên Bảo, Đường Huyền Tông tuần du xuống sông Gia Lăng, đem theo cả Ngô Đạo Tử. Khi về cung, Huyền Tông hỏi ông vẽ được những gì. Ông đáp: "Thần không cần giấy mực, tất cả đều khắc ghi trong tâm khảm." Những tác phẩm đó chính là bích họa

ở cung Đại Đồong, một ngày ông đã đưa bút vẽ phong cảnh hơn 300 dặm của Gia Lăng, đủ thấy sự quan sát tinh tế của ông.

Ngô Đạo Tử không có bút tích lưu truyền hậu thế. Bức tranh "Tống tử thiên vương đồ" tương truyền là của ông thực chất là bản đời nhà Tống. Nội dung vẽ Phật Thích-ca Mâu-ni chào đời, được cha là Tịnh Phạn Vương và mẹ là hoàng hậu Maya bế đến thần miếu để triều tế, các chư thần vội vàng quỳ sụp vái lạy.

Những bức tranh vẽ đạo Phật của Ngô Đạo Tử sáng tác được gọi là hội họa Ngô Gia, có phong cách nhẹ nhàng phiêu du, ảnh hưởng sâu rộng tới tranh Phật nhà Đường.

Tứ bộ y điển

"Tứ bộ y điển" được danh y dân tộc Tang là Nguyên Đan Cống Bố biên soạn vào khoảng thế kỷ thứ 8. Các đời đại phu dân tộc Tạng trước đây đều coi nó là cuốn sách gối đầu giường, dần dần phát triển thành cuốn sách cổng phu như ngày nay.

Bộ sách này là bộ sách kinh điển mà bất cứ người bốc thuốc nào của tộc Tạng cũng không thể thiếu. Bộ sách còn được truyền bá vào khu vực của dân tộc Mông Cổ và được người dân nơi đây dùng làm tài liệu học về thuốc và trên cơ sở đó phát triển thành y học mang màu sắc bản địa Mông Cổ.

"Tứ bộ y điển" miêu tả chân thực và chi tiết từ lý luận tới thực tế lâm sàng, từ nguyên nhân bệnh, bệnh lý tới chẩn đoán, điều trị, từ cây thuốc, dược liệu đến bài thuốc, từ vệ sinh giữ gìn sức khỏe tới chăm sóc thai nhi, có những đặc điểm riêng của dân tộc Tạng. Những nội dung như vai trò của các bộ phận cơ thể, đặc biệt là nội tạng, nguyên tắc điều trị, phương pháp và vị trí bắt mạch khá giống Trung y của dân tộc Hán. Từ bộ sách này chúng ta còn có thể nhận thấy y học của dân tộc Tạng chịu ảnh hưởng của y học cổ truyền Án Độ.

Gốm Tam Thái đời Đường

Gốm Tam Thái đời Đường là tên gọi chung cho các tác phẩm gốm sứ men ngọc. Tam Thái có nghĩa là nhiều màu sắc, chứ không phải chỉ gốm có ba màu.

Gốm tráng men đời Đường cực thịnh, các thợ gốm lành nghề dùng nước men tráng ngoại nhiều ôxít kim loại rồi cho nung trong lò gốm với nhiệt độ cao, vì thế bề mặt gốm có nhiều màu sáu bóng, bắt mắt.

Gốm Tam Thái có nước men bóng láng, màu men gốm vàng, xanh, trắng hoặc vàng tươi, xanh lục, xanh lam, vàng đất... Chúng hòa trộn vào nhau làm nên vẻ đẹp của nước men Tam Thái. Gốm Tam Thái đời Đường là sản phẩm mĩ nghệ giàu chất nghệ thuật, tạo hình sống động, màu sắc ưa nhìn, chế tác cầu kì.

NIÊN BIỂU SỰ KIỆN LỊCH SỬ

THỜI GIAN	TRUNG HOA	KHU VỰC KHÁC
25	Lưu Tú (Hán Quang Vũ Đế) lập ra nhà Đông Tấn, định đô ở Lạc Dương.	
33		Jesus bị đóng đinh trên cây thập tự.
117		Đại đế Hadrianus của La Mã tại vị, bản đồ La Mã bành trướng nhất trong lịch sử.
184	Trương Giác phát động khởi nghĩa Khăn Vàng.	
189	Đổng Trác vào Lạc Dương, lập Hiến Đế.	Cao Ly dần vững mạnh.
190	Đổng Trác thiêu trụi Lạc Dương, dời đô về Trường An.	
200	Trận chiến Quan Độ.	
208	Trận Xích Bích, Tào Tháo đại bại.	
216	Tào Tháo xưng là Ngụy Vương.	
219	Lưu Bị ở Hán Trung xưng vương.	
220	Tào Tháo qua đời. Tào Phi phế nhà Hán, lập ra nhà Ngụy.	
221	Lưu Bị xưng đế Thục Hán.	
229	Tôn Quyền xưng đế nước Ngô.	
249		Đế quốc La Mã bức hại tín đồ Cơ Đốc giáo.
263	Ngụy diệt Thục.	
265	Tư Mã Viêm soán ngôi nhà Ngụy, lập ra nhà Tây Tấn.	
280	Tấn Vũ Đế diệt Ngô, thống nhất Trung Hoa.	
316	Nhà Tây Tấn bị diệt, các tộc thiểu số lần lượt cát cứ lập nước.	Đế quốc La Mã thừa nhận Cơ Đốc giáo.
317	Tư Mã Duệ xưng đế ở Kiến Khang, lập ra nhà Đông Tấn.	
320		Đế quốc Gupta của Ấn Độ thành lập.
346	Cố Khải Chi, Vương Hi Chi làm sống dậy giới văn sĩ, thơ ca.	Nước Bách Tế hưng thịnh.
356	Động Mạc Cao ở Đôn Hoàng động thổ.	Nước Tân La mạnh lên. Người German bắt đầu cuộc đại di cư (năm 375).



THỜI GIAN	TRUNG HOA	KHU VỰC KHÁC
386	Bắc Ngụy lập quốc.	Hỗn Thá Vương của Cao Ly làm sống dậy cả bán đảo Triều Tiên.
395		Đế quốc La Mã phân chia thành Đông La Mã và Tây La Mã.
420	Nam triều nhà Tống lập nước, sau đó các nhà Tống, Tề, Lương, Trần thay nhau cai trị phương Nam.	
439	Bắc Ngụy Thái Vũ Đế thống nhất phương Bắc, các triều đại Bắc triều bắt đầu.	
481		Vương quốc Frank giàu mạnh.
485	Phùng thái hậu Bắc Ngụy thi hành chính sách quân diển.	
535	Bắc Ngụy bị chia cắt thành Bắc Tề và Bắc Chu.	
577	Bắc Chu diệt Bắc Tề.	
581	Dương Kiên diệt Bắc Chu, lập ra nhà Tùy.	
583		Đột Quyết chia cắt thành Đông Đột Quyết và Tây Đột Quyết.
589	Tùy Văn Đế (Dương Kiên) diệt nhà Trần, Nam Bắc thống nhất.	
604	Dương Quảng nối ngôi, là Tùy Dạng Đế.	
605	Tùy Dạng Đế mở kênh đào Đại Vận Hà.	Vua Ấn Độ Siladitya lập ra đế quốc Harsha.
612	Tùy Dạng Đế lần đầu xuất chinh Cao Ly thất bại.	
618	Lý Uyên lập ra nhà Đường, lên ngôi ở Trường An.	
626	Lý Thế Dân nối ngôi, mở ra thời đại "Trinh Quan thịnh trị".	
627	Huyền Trang Tây hành (năm 645 về nước).	
640	Nhà Đường diệt Cao Xương, lập ra đô hộ phủ An Tây.	
658	Thân chinh Cao Ly (đến năm 661).	
668	Nhà Đường diệt Cao Ly.	Tân La thống nhất bán đảo Triều Tiên.
690	Võ hậu xưng đế, quốc hiệu nhà Chu.	
712	Huyền Tông kế vị, mở ra thời đại "Khai Nguyên thịnh trị".	
717	Abe No Nakamaro du học Trung Hoa.	
751	An Lộc Sơn nhậm chức tiết độ sứ của Bình Lô, Phạm Dương và Hà Đông.	Nhà Abbas của Ả Rập được thành lập.
755	Loạn An Sử, nhà Đường suy yếu.	
875	Khởi nghĩa Hoàng Sào.	
907	Chu Toàn Trung soán ngôi nhà Đường, lập ra nhà Hậu Lương.	